

CHƯƠNG III

THUYẾT SINH-TỒN

I.- MỤC-ĐÍCH HOẠT-ĐỘNG CỦA NGƯỜI : SINH-TỒN.

A.- Ý-CHÍ SINH-TỒN CỦA NGƯỜI.

1.- BẢN-NĂNG SINH-TỒN CỦA NGƯỜI.

Nhờ sự nghiên-cứu của các nhà sanh-vật-học, sanh-lý-học và tâm-lý học, chúng ta đã có một số tri-thức về con người. Những tri-thức này không nghiêm-xác hoàn-toàn bằng những tri-thức người thâu- hoạch được về các từ-chất. Tuy thế, nó cũng giúp ta có một ý-niệm về con người. Ý-niệm đó chưa được rõ ràng đầy đủ, nhưng cũng phù-hợp với con người thật-sự, ít nhất là trong những đại-cương.

Sự khảo-sát về con người đã cho chúng ta thấy rằng người là một phần của vũ-trụ. Cơ-thể người được cấu-tạo bằng những chất hóa-hợp xây dựng nên vũ-trụ, nhưng lại có những tánh-cách đặc-biệt. Với nhiều xúc-cảm, nhiều quan-năng phức-tạp và phân-biệt nhau, người cư-xử như là một tổng-thể thuần-nhất. Tổng-thể này rất linh-động và rất mẫn-nhuệ, có nhiều khả-năng và đặt dưới sự điều-khiển của những bả-m-tánh thiên-nhiên có một sức mạnh không ai cưỡng được là những bản-năng.

Ta đã thấy rằng các bản-năng của người có thể chia ra làm ba loại chánh-yếu : bản-năng vị-kỷ, bản-năng tình-dục và bản-năng xã-hội. Những bản-năng vị-kỷ nhằm vào việc bảo-vệ sự sống còn của cá-nhơn , những bản-năng tình-dục hướng đến chỗ bảo-vệ sự sống còn của chủng-loại, những bản-năng xã-hội thì có mục-đích tạo điều-kiện cần-thiết cho sự tập-hợp nhiều người lại thành đoàn-thể. Sự sống thành đoàn-thể này vừa có lợi cho sự sống còn của cá-nhơn, vừa có lợi cho sự sống còn của chủng-loại.

Những loại bản-năng trên này thật ra không phải hoàn-toàn phân-biệt nhau, mà có tác-động qua lại với nhau, lắm khi hòa-hợp nhau để tạo ra những khuynh-hướng vô-cùng phức-tạp. Nhưng trong trường-hợp nào cũng vậy, các bản-năng đều hướng về mục-đích mưu-đồ sự sống còn cho người ; sống còn của cá-nhơn hay là sống còn của chủng-loại. Như vậy, ta có thể xem tất cả các bản-năng của người là những hình thể khác nhau của một bản-năng duy-nhất : *bản-năng sinh-tồn*.

Bản-năng sinh-tồn là một bả-m-tánh thiên-nhiên hỗn-hợp với cơ-thể người ; nó phát-hiện khi người mới sanh và chỉ tiêu-diệt khi người chết. Do đó, nó chi-phối hết cả đời sống của người, từ khi người cất tiếng oa oa để chào đời cho đến lúc người nhắm mắt xuôi tay, già từ trần-thế.

Vì bản-năng sinh-tồn mà người có một ý-chí sinh-tồn vô-cùng mãnh-liệt. Ý-chí sinh-tồn xuất-hiện một cách rõ rệt trong tất cả những hoạt-động của người. Những hoạt-động này sở-dĩ phức-tạp là vì người là một sanh-vật cao-đẳng có nhiều năng-khiếu sanh-lý và tâm-lý, thành

ra có nhiều nhu-cầu và khuynh-hướng khác nhau. Tuy vậy, dựa vào bản-năng sinh-tồn, ta có thể thống-suất được hết những hoạt-động ấy một cách dễ dàng.

II.- SỰ HOẠT-ĐỘNG SINH-TỒN CỦA NGƯỜI.

Xem xét hoạt-động của người từ ngàn xưa đến giờ, ta có thể nhận thấy rằng mục-đích chánh-yếu của người là mưu-đồ sự sống còn cho mình.

Trước hết, người hoạt-động để sống : sống về mặt vật-chất, trong hiện-tại và tương-lai. Từ một người dã-man ăn nấu trong chốn rừng sâu núi thẳm cho đến một người sống trong xã-hội văn-minh, ai ai cũng lo giữ gìn tánh-mạng mình và làm việc để nuôi thân. Khi vấn-đề sống trong hiện-tại đã giải-quyết xong, người nghĩ đến việc kéo dài sự sống của mình ra ; người gắng hết sức làm cho đời sống của mình được lâu dài chắc chắn. Ngoài việc tìm cách xây dựng những nơi trú-ẩn lâu bền người lại còn để dành những món ăn thức uống để phòng khi đói kém.

Giải-quyết được việc duy-trì đời sống của bản-thân, người lo đến việc tăng-gia sức sống của mình, bành-trướng năng-lực sanh-hoạt của mình. Người tìm cách nâng cao đời sống của mình lên, cố làm cho đời sống ấy được dễ dàng sung sướng hơn. Không những nghĩ đến việc no lòng, người còn biết tìm những món ăn ngon lành sạch sẽ, không những cần được ấm thân, người còn biết thích y-phục đẹp đẽ, không những muốn có chỗ trú-ẩn, người còn muốn có chỗ ở tráng-lệ huy-hoàng.

Về phương-diện tinh-thần, người có những tình-cảm, những sở-thích, những nguyện-vọng riêng. Người muốn được tự-do phát biểu tình-cảm mình, hướng đời sống mình theo nguyện-vọng mình và tổ-chức nó theo sở-thích mình.

Hơn nữa, người còn muốn đem sự sống ra ngoài bản-thân mình. Người muốn cho những vật quanh mình mang một phần sự sống của mình, muốn cho đồng-loại mình chịu ảnh-hưởng mình. Sau hết, người cũng muốn rằng sau khi mình chết, một phần sự sống của mình còn lưu lại trần-thế. Nhu-cầu tình ái của người, lòng ham muốn có một được đưa con nối dõi cho mình, để dòng họ mình được vĩnh-cửu, sự cố-gắng để tạo ra một tác-phẩm văn-chương hay, nghệ-thuật một công-trình vĩ đại hay một sự-nghiệp hiển-hách, sự tha-thiết muốn truyền-bá tư-tưởng mình để làm cho nó thắng-lợi và chi-phối những kẻ khác, sự nỗ-lực để ngư-trị đồng-loại, đặt họ dưới sự điều-khiển của mình, đó là bao nhiêu bằng cơ chứng tỏ ý muốn bành-trướng và duy-trì sự sống của con người.

Duy-trì sự sống của mình về hai mặt vật-chất và tinh-thần, trong hiện-tại và tương-lai, làm cho sự sống của mình càng ngày càng dễ dàng sung sướng và bành-trướng mãi ra, để có thể truyền cái sống quanh mình trong khi mình còn sống và sau khi mình đã chết. Nói tóm lại, sự *sinh-hoạt* và *tồn-tại*, *sống* và *còn*, đó là tất cả mục-đích hoạt-động của con người.

Kết-quả của sự hoạt-động này đưa đến một cứu-cánh duy-nhứt : mưu-đồ sự sinh-tồn của con người, và của cả loài người. Ta có thể nói tóm lại rằng, tất cả cuộc đời quây quần chung quanh hai chữ *sinh-tồn* : sinh-tồn về vật-chất, và sinh-tồn về tinh-thần, sinh-tồn của cá-nhơn và sinh-tồn của chủng-loại.

B.- NHỮNG BIỂU-LỘ KHÁC NHAU CỦA Ý-CHÍ SINH-TỒN.

Tất cả mọi người trên thế-giới đều có ý-chí sinh-tồn và đều hướng hết sự hoạt-động của mình vào mục-đích phụng-sự ý-chí sinh-tồn ấy. Tuy vậy, sự hoạt-động của con người không phải hoàn-toàn giống nhau, và đứng trước một tình-thế, sự phản-ứng của người này và người kia có thể khác hẳn nhau. Như thế là vì ý-chí sinh-tồn của người bị sự chi-phối của cá-nhơn và có rất nhiều trạng-thái.

Năng-lực thể-chất và tinh-thần của người vốn khác nhau vô-cùng. Nếu bên trong mỗi người, những nhu-cầu vật-chất đưa đến những dục-vọng thấp kém vẫn sống gần bên những nhu-cầu tinh-thần đưa đến những lý-tưởng cao-thượng, sức mạnh những nhu-cầu ấy rất khác nhau tùy người. Một mặt khác, khả-năng của người trong sự chế-ngự hay thỏa-mãn những nhu-cầu của mình khác nhau vô-cùng, tùy hoàn-cảnh, tùy đặc-tánh di-truyền, tùy trình-độ giáo-dục, tùy trạng-thái sanh-lý và tâm-lý mỗi lúc của người.

Người thái-cổ và người dã-man hiện-tại không có một ý-thức rõ rệt về hành-động của mình. Họ hoàn-toàn tuân theo bản-năng một cách tự-nhiên. Sự sai-biệt về thể-chất và tâm-trí không có bao nhiêu, cá-tánh người chưa mở mang lắm và những ước-thức xã-hội giản-dị có một hiệu-lực gần như nhau đối với cá-nhơn trong đoàn-thể. Do đó, ý-chí sinh-tồn được biểu-lộ gần như nhau.

Sự hoạt-động cho mục-đích sinh-tồn cá-nhơn trong những xã-hội thô-sơ vẫn quan-trọng và cần-thiết nhưng vì người thường có cơ-hội tập-hợp nhau để tự-vệ, để mưu sống chung, để vui chơi với nhau, để lễ bái thần thánh nên các bản-năng xã-hội rất mạnh mẽ. Nó uốn nắn người theo khuôn khổ chung, điều-hòa sự giao-thiếp nhau giữa mọi người, và khiến cho người sẵn sàng hy-sinh cho đoàn-thể những khi cần.

Chính những đặc-tánh trên đây đã tạo ra thần-thoại về những con người dã-man có tánh tốt bầm- sanh. Thật-sự những con người dã-man đó làm điều phải một cách tự-nhiên như làm điều ác, vì họ hành-động một cách vô-ý-thức, theo sự thúc giục của bản-năng họ.

Trong xã-hội văn-minh, con người đã tiến-hóa hơn, sự sai-biệt về khả-năng thể-chất và tâm-trí của người đã rõ rệt hơn. Trình-độ sanh hoạt vật-chất chung đã được nâng cao, sự an-ninh cũng vững vàng hơn, và những cơ-hội tập-hợp để làm việc hoặc vui chơi chung nhau ít bớt đi. Những điều trên này làm cho cá-tánh người rõ rệt hơn, đồng-thời nói rộng những mối dây xã-hội ràng buộc cá-nhơn.

Đã thế, một số người có còn thể có ít nhiều ý-thức về hành-động của mình và có thể tự ý chế-ngự một số nhu-cầu, cao-thượng-hóa những khuynh-hướng của mình. Sự giáo-dục mà người nhận chịu một cách không đồng đều nhau, thường có mục-đích tăng-cường những bản-năng xã-hội đã bị yếu bớt trong những xã-hội có trình-độ vật-chất cao.

Do những yếu-tố trên này, ý-chí sinh-tồn của người trong xã-hội văn-minh biểu-lộ dưới những hình-thức phức-tạp hơn.

Trong xã-hội văn-minh có những người khôn ngoan, nhận thấy những quyền-lợi của mình từ xa và một cách rõ ràng. Lý-trí họ cho họ biết rằng quyền-lợi chánh đáng của họ không phải ở trong sự thỏa-mãn những dục-vọng hiện-tại của họ một cách mù quáng. Vì thế họ nghĩ đến tương-lai nhiều hơn. Họ có thể nhờ một ý-chí mạnh mẽ mà tổ-chức đời sống theo một xu-

hướng nhứt-định, và tạo nên những mối dây bền chắc để chế-ngự hay hướng-dẫn các nhu-cầu, các dục-vọng thấp kém của họ. Nhờ đó, họ có một cá-tánh mạnh mẽ và thành-công trong những dự-định của họ.

Ngoài ra, lại còn có những người biết nghĩ đến tương-lai, nhưng không đủ ý-chí để cưỡng lại các thị-dục của mình và không tổ-chức được đời sống theo nguyện-vọng, theo lý-tưởng mình.

Sau cùng, cũng có những người ngu muội hơn, kém cỏi hơn. Họ không thể mở tầm mắt ra nhìn về phía tương-lai ; họ chỉ biết cố hiện-tại và hoàn-toàn làm nô-lệ cho những thị-dục của mình. Trong sự thỏa-mãn những nhu-cầu, những người này có thể có đủ tài để thành-công, họ cũng có thể thiếu khả-năng cần-thiết và không dám phô bày ý muốn của mình.

Như thế, mặc dầu bản-tánh có giống nhau, mặc dầu đều có ý-chí sinh-tồn như nhau, nguyện-vọng sinh-tồn của người trong xã-hội văn-minh khác nhau vô-cùng.

Một số người chỉ chú-trọng đến đời sống hiện-tại mà không nghĩ đến tương-lai. Có người khi kiếm đủ tiền để sống một ngày thì nhứt-định ở không suốt ngày ấy, dầu có gặp cơ-hội có thể kiếm nhiều tiền cũng bỏ qua không chịu làm. Nhiều người khác khi có tiền trong tay thì ăn tiêu huy-hoác, phung-phí cả cơ-nghiệp mình để mua vui.

Có những người chỉ biết đến đời sống vật-chất, và trong đời sống hiện-tại cũng như trong việc nghĩ đến tương-lai, họ không có mục-đích gì khác hơn là tìm cách thỏa-mãn những nhu-cầu của xác thịt họ. Vì đó, họ chỉ chú-trọng đến những món gì có một giá-trị về phương-diện vật-chất. Đó là trường-hợp những người đắm mê vật-dục, những anh trọc-phú suốt đời chạy theo đồng tiền.

Một số người khác lại chú-trọng đến đời sống tinh-thần nhiều hơn là đời sống vật-chất. Họ thích được người tụng-phục trọng-vọng và không ngại bỏ nhiều tiền bạc, công lao để chuốc lấy tiếng khen hay sự kính nể của thiên-hạ. Cũng có người đi tìm sự an-nhàn, lấy sự an-ôn của tâm-hồn và sự khỏe khoắn của thể-xác làm trọng.

Ở một mực cao hơn, là những người có một quan-niệm tôn-quí hơn về vấn-đề tinh-thần. Hoặc đeo đuổi một lý-tưởng cao-siêu, hoặc phụng-sự một nghệ-thuật, hoặc tin tưởng nơi một đời sống vĩnh-cửu ngoài thế-giới hữu-hình và hướng tâm-hồn đến một nguyên-lý mà họ cho là nguồn gốc chứa tể vạn-vật, họ đặt giá-trị tinh-thần lên trên hết. Những hạng người hướng sự sống về tinh-thần trên này có thể chấp-nhận một đời sống vật-chất thiếu thốn, hẹp hòi, có khi họ dám hy-sinh cả tánh-mạng để bảo-vệ lý-tưởng hay bình vực quan-niệm mình.

Đứng về phương-diện xã-hội mà nói, ta có thể phân-biệt những người hoàn-toàn vị-kỷ chỉ cần biết đến quyền-lợi cá-nhơn của mình, chỉ nghĩ đến sự sinh-tồn của riêng mình, và những người có một tâm-hồn quảng-đại hơn, biết đặt quyền-lợi chung của đoàn-thể trên quyền-lợi mình, biết xem sự sinh-tồn của đoàn-thể trọng hơn sự sinh-tồn của bản-thân. Đó là những vĩ-nhơn, những anh-hùng hữu-danh hay vô-danh. Họ sẵn sàng chịu thiệt thòi để cho đoàn-thể được hưởng lợi ; họ cũng dám hủy bỏ sự sống của mình để bảo-vệ đồng-bào, ngay trong khi bình tĩnh, không bị bản-năng quần-chúng ám-thị.

Như vậy sự sinh-tồn của người có thiên hình vạn trạng, và lắm khi những xu-hướng, những thị-dục của người chống chọi lại nhau một cách mãnh-liệt. Trong trường-hợp này, sự

thắng-lợi của một xu-hướng đối với một xu-hướng khác tùy nơi cá-tánh của người. Chính cá-tánh này đã định giá-trị cao thấp của người trong xã-hội.

Ngoài ra, ta lại có thể nhận thấy rằng nhiều khi loài người dám tự mình hủy-diệt đời sống của mình vì một điều bất-đắc-ý, hay dám trải thân làm những việc nguy-hiểm đến tánh-mạng để thực-hiện lý-tưởng. Những người trên này không phải là vượt khỏi sự chi-phối của ý-chí sinh-tồn. Nhưng đối với họ, sống mà không đạt được chí-nguyện, hay sống trong một hoàn-cảnh mình không thích thì không bằng chết mà được thanh thoi, hay lưu-danh hậu-thế. Nơi họ, sự sinh-tồn của tinh-thần đã thắng ý-chí sinh-tồn của thể-xác vậy.

C.- Ý-CHÍ SINH-TỒN VỚI HOÀN-CẢNH.

Ý-chí sinh-tồn của người có thể xuất-hiện dưới rất nhiều trạng-thái. Nhưng nó phải tùy-thuộc hoàn-cảnh bên ngoài hay không ? Đó là một vấn-đề đã gây ra nhiều cuộc tranh-luận sôi nổi.

1.- NHỮNG THUYẾT TIỀN-ĐỊNH.

Một số người theo thuyết tiền-định cho rằng tất cả những sự biến, từ những sự biến của thể-giới vật-chất đến sự biến của thể-giới tâm-linh đều được qui-định trước, và trong sự hoạt-động của mình, người phải noi theo một quyền-lực vô-hình ngoài ý muốn của mình. Ta có thể phân-biệt nhiều xu-hướng tiền-định khác nhau.

Một số nhà tôn-giáo ngày xưa cho rằng số mạng người hoàn-toàn nằm trong oai-lực của trời. Người Ả-Rập đứng trước một biển-cổ thường hay nói : « *Điều ấy đã ghi sẵn trên trời* ». Người Trung-Hoa có câu : « *Mỗi miếng uống miếng ăn của người đều được định sẵn* » (nhút ẩm nhút trác giai do tiền-định ». Nhiều nhà thần-học không đến nỗi có một quan-niệm tiền-định hẹp hòi như thế, nhưng vẫn cho rằng người là một dụng-cụ trong tay Thượng-Đế và chỉ sống để thi-hành những ý-định của Thượng-Đế. Đối với những người này, ý-niệm tự-do không dung-hợp được với oai-quyền Thượng-Đế.

Theo chủ-trương những nhà khoa-học thì nội-giới của người cũng noi theo những luật-lệ chặt chẽ như ngoại-giới. Những nhà khoa-học này lại phân ra làm ba phái khác nhau.

Phái tiền-định võ-trụ dựa vào những luật lệ căn-bản chi-phối tử-chất để quả quyết rằng ngay trong lãnh-vực tinh-thần người không bao giờ được tự-do chọn lựa thái-độ của mình, mà luôn luôn chỉ là một bánh xe nhỏ trong một guồng máy to, phải quay tít theo một mực-độ định sẵn cho mình.

Theo phái tiền-định sanh-lý, tất cả đời sống tâm-linh của người đều đặt dưới sự điều-khiển của tình-trạng cơ-thể mình, và chung-qui, của sự di-truyền.

Sau cùng, phái tiền-định tâm-lý cho rằng tất cả hoạt-động hiện-tại của người tùy-thuộc đời sống tâm-lý quá-khứ một cách chặt chẽ. Chính những sự ham muốn, những dục-vọng, những ý-tưởng đã qua trong trí óc người qui-định ý muốn hiện-tại của người.

Ngoài những nhà tiền-định tôn-giáo và khoa-học, lại còn có những nhà tiền-định xã-hội chủ-trương rằng con người bị ảnh-hưởng của hoàn-cảnh một cách mạnh mẽ. Những

quyết-định của người, ngay đến những quyết-định có vẻ đặc-biệt, cá-nhơn nhưt đều do hoàn-cảnh cá-nhơn chung quanh tạo ra rồi lại truyền bảo lại cho người.

2.- THUYẾT TỰ-DO Ý-CHÍ.

Chống chọi lại những người theo thuyết tiên-định là những người theo thuyết tự-do ý-chí, cho rằng con người được tự-do trong sự quyết-định của mình.

Trước một tình-thế, người có thể giữ nhiều thái-độ khác nhau và tự mình chọn lựa một trong những thái-độ ấy. Cảm-tưởng tự-do này là một sự thật do kinh-nghiệm mà ra ; nó là một yếu-tố của ý-thức, người nào cũng có.

Nhiều khi người có cảm-tưởng rằng nhiệm-vụ mình bắt buộc mình phải làm một việc gì. Nhưng sự bắt buộc của nhiệm-vụ là một sự bắt buộc người tình-nguyên, nghĩa là tự-do nhận chịu. Hơn nữa, người chỉ có cảm-tưởng mình bị bắt buộc khi người được tự-do. Vậy, cảm-tưởng bị bắt buộc hàm nghĩa rằng người vốn được tự-do.

Chính những người chủ-trương tiên-định cũng phải công-nhận sự tự-do của người trong thái-độ họ về những vấn-đề luật-pháp và luân lý. Nếu con người hoàn-toàn là một thứ bù nhìn bị Thượng-Đế, bị các định-luật võ-trụ, bị quá-khứ tâm-ly hay hoàn-cảnh xã-hội xô đẩy cho cử-động thì người không thể có trách-nhiệm gì về việc làm của mình. Trong trường-hợp đó không ai có quyền chê bai hay trách móc những người làm bậy. Thượng-Đế không có quyền gởi những kẻ phạm tội ác xuống hỏa-ngục, các nhà đạo-đức không có quyền khinh bi một đứa vô-luân, và tòa-án không có quyền trừng-phạt những cá-nhơn phạm luật. Nhưng thật-sự, các nhà tôn-giáo, khoa-học và xã-hội đều bắt người chịu trách-nhiệm về hành-động mình, và như thế họ đã gián-tiếp nhìn nhận rằng người có được tự-do trong sự quyết-định của mình.

Đúng về phương-diện tâm-ly mà xét, ta có thể bảo rằng giá-trị những đối-tượng khác nhau mà người phải chọn lựa hoàn-toàn tùy nơi quan-điểm người mà cao hay thấp, vì mỗi đối-tượng đều phù-hợp với một vài nhu-cầu của người mà chống chọi lại một vài nhu-cầu khác. Người có thể thay đổi quan-điểm mình để chọn lựa đối-tượng này hay đối-tượng kia, và điều này chứng tỏ rằng người được tự-do.

3.- TÁNH-CÁCH SỰ TỰ-DO CỦA NGƯỜI.

Xét hết sự hoạt-động sinh-tồn của người, ta nhận thấy rằng con người không phải hoàn-toàn được tự-do. Sự sinh-tồn vật-chất của người bị đặt dưới sự chi-phối chặt chẽ của những định-luật điều-khiển thế-giới vật-ly. Muốn duy-trì sự sống của cơ-thể, người phải noi theo nhiều điều-kiện khác nhau. Những quan-năng dinh-dưỡng, bài-tiết, tuần-hoàn, hô-hấp v.v... của người luôn luôn vận-động theo một xu-hướng nhưt-định, nhiều khi ngoài ý-thức của người. Hơn nữa khi sự vận-động này bị ngăn cản, hoặc thiếu những vật-liệu cần-thiết, người có thể bị nguy-hiểm đến tánh-mạng.

Tuy vậy, ngay trong lãnh-vực vật-chất, người không phải hoàn-toàn đóng một vai tuồng nô-lệ thụ-động.

Sự sống tự nó vốn là một cố-gắng để vượt khỏi sự chi-phối của hoàn-cảnh vật-chất, và mực cao thấp của sanh-vật thật ra ở chỗ cố-gắng ấy thành-công nhiều hay ít. Loài thực vật đã

có những đặc-tánh mà tử-chất không có : trong sự tuân theo các định-luật thiên-nhiên, nó đã có một hướng phát-triển và một sức tự-tồn khá mạnh rồi. Loài động-vật còn đi xa hơn loài thực-vật : nó không phải cố-định ở một chỗ mà di-động được trong một phạm-vi rộng hẹp tùy loại. Một mặt khác, nó có thể phản-ứng lại những kích-thích ngoài-lai theo nhiều lối, chứ không phải luôn luôn theo một cách-thức duy-nhất.

Con người là một động-vật cao cấp có nhiều khả-năng hơn các loài động-vật khác, nên có một phạm-vi hoạt-động rộng-rãi nhưt trong các loài. Sự so sánh đời sống vật-chất của người với đời sống các loài và với tử-chất đã cho ta thấy rằng mặc dầu bị chi-phối của các định-luật thiên-nhiên người không hoàn-toàn lệ thuộc vào nó. Phạm-vi hoạt-động của người đã mở rộng ra theo các khả-năng của người và điều này chỉ tỏ rằng người đã một phần nào được tự-do so với hoàn-cảnh. Do đó, người tự-nhiên có bản-năng tự-do mạnh mẽ, khiến cho họ từ xưa vẫn cư-xử với nhau như là những kẻ tự-do, mặc dầu về phương-diện tư tưởng, người ta có thể đi đến chỗ phủ-nhận sự tự-do.

Đem so sánh người với nhau, ta lại nhận thấy rằng trong sự sống còn vật-chất, người không phải tùy-thuộc hoàn-cảnh với một mực-độ ngang nhau. Nếu trên đời có người hoàn-toàn làm nô-lệ cho cơ-thể mình và đặt những huấn-lệnh do những nhu-cầu xác thịt ban bố lên trên hết, thì cũng có những người biết huấn-luyện xác thịt mình, bắt buộc nó phải chiều theo ý mình một phần nào. Ở hạng người sau này, những nhu-cầu vật-chất nhiều khi phải nhượng-bộ cho những nhu-cầu tinh-thần, và ngay trong sự thỏa-mãn những dục-vọng của mình, xác thịt cũng phải noi theo những qui-tắc họ đặt ra. Những qui-tắc này tất-nhiên không thể chọi lại những định-luật vật-lý chi-phối cơ-thể người : người không thể ăn uống thiếu thốn mà trở thành béo tốt được. Tuy thế nó cũng dành lại cho ý-chí người một phần quyền điều-khiển sự sống của cơ-thể.

Ngoài ra, trên thế-giới còn có những hạng người đặc-biệt, uốn nắn đời sống vật-chất của mình theo một khuôn khổ khắc-nghiệt, và rút nhu-cầu của xác thịt xuống một mực hết sức kém cỏi. Đó là những nhà ẩn-sĩ tu theo đạo khổ-hạnh, những thuật-sĩ Ấn-độ có thể tự chôn mình trong một cái hòm nhỏ suốt tháng mà không chết, những chí-sĩ như Thánh Gandhi, như nhiều nhà cách-mạng Việt-nam nhịn đói hàng tuần hàng tháng để tranh-đấu cho lý-tưởng mình.

Về phương-diện tinh-thần, con người vẫn phải tuân theo các bản-năng của mình. Hơn nữa, sự tác-động của con người còn chịu ảnh-hưởng của nhiều yếu-tố khác. Sự di-truyền, sự giáo-dục, tình-trạng sanh-lý, quá-khứ tâm-lý của người cũng như hoàn-cảnh xã-hội đều có thể đóng một vai tuồng quan-trọng trong sự quyết-định của người. Những bản-năng và các yếu-tố trên này hợp lại làm khối lực tác-động qua lại với nhau, và ảnh-hưởng rất mạnh đến người. Do đó, chủ-trương của những nhà tiên-định khoa-học và xã-hội cũng có một phần hữu-lý.

Tuy nhiên, đối với những con người có ý-thức, biết cân nhắc sự lợi lại, phải trái, biết quan-sát tình-thế, biết tự xét về thái-độ mình, sự chọn lựa một đường lối để noi theo vẫn tùy-thuộc tinh-thần người một phần khá lớn. Chính quan-điểm của người đối với những mục-tiêu đồng-thời cảm dỗ người đã đóng một vai tuồng quyết-định trong thái-độ của người.

Một mặt khác, con người có thể hoạt-động trên những yếu-tố khả-dĩ ảnh-hưởng đến thái-độ tương-lai của mình. Người có thể cố-gắng học-hành, tự khép mình vào một kỷ-luật, tự rèn cho mình một lý-tưởng, tập-luyện thân-thể mình, biến-đổi hoàn-cảnh xã-hội của mình hay ít nhưt cũng biến-đổi quan-điểm mình đối với hoàn-cảnh xã-hội ấy. Những điều này có thể làm cho người sẵn sàng có phản-ứng này hơn là phản-ứng kia.

Như thế, nhờ ý-thức, người có được tự-do trong lãnh-vực tinh-thần. Sự tự-do này càng lớn khi ý-thức về đời sống của người càng rõ ràng, càng mạnh mẽ. Trong trường-hợp đó, một số yếu-tố chi-phối con người như giáo-dục, hoàn-cảnh xã-hội, thật ra đã giúp thêm vào việc mở rộng sự tự-do tinh-thần của người hơn là phủ-nhận nó.

Sự tự-do tinh-thần mà người được hưởng không phải là hoàn-toàn, nhưng nó cũng đủ để cho người có một ý-thức rõ rệt về nó. Phụ thêm vào bản-năng tự-do người sẵn có, nó gây cho người một ý-hướng tự-do rất mạnh, nhất là trong mấy thế-kỷ sau này.

Con người vốn có cái xu-hướng tự-nhiên là muốn dựa vào cái tuyệt-đối nên nhiều kẻ đã đi đến chủ-trương cho rằng sự tự-do của người được hoàn-toàn. Chủ-trương này đã gặp một phản-ứng mạnh mẽ nơi một số nhà khoa-học. Cũng như những nhà tôn-giáo ngày xưa nhốt con người vào trong cái khuôn Tạo-hóa, những nhà khoa-học và xã-hội này nhốt con người trong những định-luật khắc-nghiệt của võ-trụ hay của xã-hội.

Thật ra, người không thể hoàn-toàn được tự-do, và phải tuân theo những định-luật chi-phối đời sống của mình. Tuy nhiên, người vẫn một phần nào được tự-do. Trong phạm-vi sinh-tồn vật-chất, sự tự-do này rất nhỏ hẹp ; trong lãnh-vực tinh-thần, nó được rộng-rãi hơn. Khi có thể đi đến chỗ từ khước cả cuộc đời mình, người đã một phần nào thoát-ly sự kềm chế của vật-chất. Như vậy, *ta phải nhận rằng trong sự hoạt-động sinh-tồn, người có được tự-do.*

Nhưng ta nên nhớ rằng con người chỉ là một phần-tử nhỏ nhất của võ-trụ cho nên sự tự-do của người cũng không thể có tánh-cách tuyệt-đối. Sự tự-do này chỉ nằm trong một phạm-vi nhất-định : nó phải có một kích thước vừa với con người. Sự phát-triển của khả-năng người trong tương-lai có thể mở rộng nó ra một phần nào, nhưng dầu sao, nó cũng không đi đến chỗ hoàn-toàn như một số chánh-trị gia chủ-trương.

Trong trường đó, phủ-nhận sự tự-do quyết-định của người như những nhà độc-tài chủ-trương là đi ngược lại một khuynh-hướng tự-nhiên của người, hơn nữa, là tự mình mâu-thuẫn với mình, vì những nhà độc-tài vẫn bắt con người không tự-do phải chịu trách-nhiệm về những việc họ làm. Trái lại, lấy tự-do làm lý-tưởng và gán cho sự tự-do một tánh-cách tuyệt-đối, hoàn-toàn, cũng là một thái-độ không phù-hợp với thực-tế.

D.- VẤN-ĐỀ HẠNH-PHÚC.

Trong sự hoạt-động sinh-tồn của mình, con người lại còn bị sự hấp-dẫn của một lý-tưởng rất mạnh mẽ là ý-tưởng hạnh-phúc. Hoặc mơ màng đến hạnh-phúc một cách có ý-thức, hoặc xây dựng đời mình theo quan-niệm hạnh-phúc của riêng mình một cách vô-ý-thức, người ở mọi địa-phương và mọi thời-đại đều theo đuổi một bóng hạnh-phúc không lúc nào ngừng.

Ta có thể cho rằng xu-hướng tìm hạnh-phúc của người là một xu-hướng tự-nhiên. Từ trước đến giờ, nó vẫn là một động-lực mạnh mẽ chi-phối sự tiến-triển của xã-hội loài người. Vì đó, nó đã đóng một vai tuồng quan-trọng trong sự hoạt-động chánh-trị. Những nhà chánh-trị cổ kim muốn lôi kéo quần-chúng theo mình đều phải lấy chủ-trương mưu-đồ hạnh-phúc cho dân làm đề-mục tuyên-truyền chánh-yếu của mình. Những danh-từ được đem ra dùng và những hình-thức hạnh-phúc được đem ra trình-bày tuy có tùy địa-phương và thời-đại mà khác

nhau, nhưng căn-bản của vấn-đề bao giờ cũng có một. Khi lấy hai chữ hạnh-phúc làm đề-mục trong tiêu-ngữ chánh-trị của mình, những chánh-khách hiện-đại chỉ noi theo một nguyên-tắc cổ-truyền trong sự thấu-phục quần-chúng mà thôi.

Vấn-đề hạnh-phúc vốn có dính dáng chặt chẽ đến vấn-đề sinh-tồn. Do đó, muốn thấu-triệt được vấn-đề hoạt-động sinh-tồn, chúng ta cần phải xét qua vấn-đề hạnh-phúc.

I.- SỰ PHỨC-TẠP CỦA VẤN-ĐỀ HẠNH-PHÚC.

Vấn-đề hạnh-phúc thật là một vấn-đề hết sức phức-tạp. Mọi người đều giống nhau ở chỗ cùng hướng đến hạnh-phúc như nhau và với một sự ham muốn mạnh mẽ gần như nhau. Nhưng xét nguyên-vọng từng người một, ta có thể nhận thấy rằng quan-niệm hạnh-phúc của họ rất khác nhau. Quan-niệm này tùy tâm-tánh, tùy hoàn-cảnh, tùy trình-độ trí-thức, tùy nhơn-sanh-quan của mỗi người, mỗi dân-tộc, mà thay đổi vô-cùng vô-tận.

Nếu có những người mơ ước được sống trong một cuộc đời ngăn nắp yên-ôn, thì cũng có những kẻ chỉ thấy sung sướng khi được vẫy vùng ngang dọc giữa những sự nguy-hiểm khó khăn. Giữa những đêm hè nóng bức, một trận mưa to làm cho những người giàu có ưa thích, nhưng một bầu trời quang-đăng lại hợp-ý những kẻ không cửa không nhà. Một bức tranh đẹp làm cho một nghệ sĩ rung động cả tâm-hồn, hoặc một quyển sách hay làm cho văn-nhơn hưởng được những lúc thoát-trần lại không có ảnh-hưởng gì đến một bác nông-phu chất-phác, chỉ thấy sung sướng khi ngồi trước một mâm cơm thịnh-soạn.

Chung quanh ta, có bao nhiêu người chú-trọng đến đời sống vật-chất của mình : những người ấy ham muốn sự ăn ngon, mặc đẹp, ở nơi lầu cao cửa rộng, ngồi những chiếc xe bóng nhoáng, sang trọng ; nhưng cũng có những người mê say những thú vui trí-tuệ, suốt đời cặm cụi trong sự học hỏi, tìm tòi.

Ngoài ra, còn có những người luôn luôn theo đuổi một sự thỏa-mãn về đạo-đức hay tinh-thần : đó là những bậc chơn-tu khép mình trong bốn bức tường của tịnh-thất, hay những người hoạt-động xã-hội, đem hết tài-trí năng-lực của mình để hàn gắn vết thương của hạng người xấu số. Đối với người Hồi, được trông thấy thánh-địa La Mecque trước khi nhắm mắt là điều mơ ước tối-cao. Trong khi đó, người Việt cho rằng có một ngôi sanh-phần đắc-địa và một cỗ áo quan gỗ tốt trong nhà, là một trong những giấc mộng đẹp nhất của những người có tuổi.

Như thế, cái bóng hạnh-phúc mà mỗi người vô-tình hay hữu-ý phác-họa trong tâm-trí mình có rất nhiều hình-trạng. Không những cái bóng hạnh-phúc của người này khác với cái bóng hạnh-phúc của người kia, mà đối với mỗi người, cái bóng ấy cũng tùy lúc mà thay đổi.

Sau một thời-kỳ tìm thấy sự sung sướng trong đời sống giang-hồ phiêu-bạt, người ta có thể quay về tìm sự yên-tĩnh trong một đời sống bình-dị hơn. Ngoài ra, vì lẽ nhơn-dục vô-nhai, người ta rất ít khi thỏa-mãn với những món mình có. Thâu-hoạch được những điều-kiện mà mình cho là cần-thiết và đầy đủ cho hạnh-phúc của mình, con người chỉ sung sướng một cách hoàn-toàn trong một thời-gian ngắn. Kế đó, họ thấy chán với những điều-kiện ấy và đòi hỏi, thêm muốn những điều-kiện khác nữa. Khi ở một túp nhà tranh xiêu vẹo, người ta ước mơ ở một căn phố gạch có đèn nước, và lúc mới dọn về ở một căn phố gạch như thế, người ta thích-chí lắm. Nhưng chỉ ít lâu sau đó, người ta lại thấy căn phố gạch đó xoàng xĩnh và muốn được ở một tòa nhà lầu cao rộng hơn.

Vì hạnh-phúc luôn luôn thay đổi như thế nên người ta có cảm-tưởng rằng nó rất mong manh, hết như cái bọt xà-phòng, ánh muôn màu sắc rực rỡ, nhưng động đến là tan vỡ ngay.

Con người thường đứng núi này trông núi nọ, và hay mong ước ở vào địa-vị một kẻ khác mà họ cho là có hạnh-phúc, trong khi chính kẻ khác đó rất muốn ở vào địa-vị của họ. Một nhà nghiệp-chủ có thể thêm muốn có cái được ưu-thể của một viên quan-lại không biết rằng lúc ông ta thêm muốn như thế, viên quan-lại kia đương thiết-tha mong mỗi sống một cuộc đời nhân-hạ của ông ta.

Chúng ta lại còn có thể nhận thấy rằng những người chăm chăm vào việc đi tìm hạnh-phúc không mấy khi đạt được hạnh-phúc. Và lắm lúc, chính những điều mà người ta tưởng là có thể mang đến hạnh-phúc cho mình lại gây cho người ta bao nhiêu sự khốn khổ khi người ta đã đầu-hoạch được nó. Biết bao nhiêu kẻ si-tình lấy việc cưới được người họ yêu mến làm cái tuyệt-đích hạnh-phúc cho họ, về sau đã xem người bạn trăm năm của họ như là một gánh nặng mà họ muốn vứt đi.

Trái lại, cũng có lắm người không nghĩ nhiều đến hạnh-phúc của mình, nhưng xét đời sống họ, ta có thể cho rằng họ đã đạt được hạnh-phúc một phần nào. Đó là những người nhiều năng-lực hoạt-động, mê say công việc mình làm, lại có mục-đích vừa tầm tài-trí mình, nên không phải bị những sự thất-bại ê chề, những sự tuyệt-vọng đau đớn.

Vì vấn-đề hạnh-phúc quá ư phức-tạp và biến-hóa không cùng, người ta rất khó qui-định hạnh-phúc cho người khác. Hạnh-phúc không phải là một món hàng người có thể chế-tạo ra rồi muốn phát cho ai thì phát. Bởi vậy, trên đời có bao nhiêu kẻ làm khổ cho người khác chỉ vì muốn gây hạnh-phúc cho họ.

Nhiều người cha mẹ đã lầm tưởng làm cho con mình hạnh-phúc, trong khi thật-sự, họ đã dồn ép chúng vào những hoàn-cảnh làm cho chúng đau khổ vô-cùng. Nhiều nhà chánh-trị cũng đã cố-gắng tranh-đấu để xây dựng những chế-độ xã-hội lý-tưởng mà họ cho là có thể mang hạnh-phúc đến cho toàn dân. Họ đã phải chịu nhiều sự hy-sinh bao nhiêu mạng người khác để thực-hiện chương-trình của họ. Nhưng nếu trong đầu óc họ, chế-độ họ xây dựng lên làm cho con người họ tưởng-tượng được sung sướng, hạnh-phúc thì trong xã-hội thực-tế, nó làm cho những con người bằng xương bằng thịt khổ-sở vô-ngần.

Như vậy, vấn-đề hạnh-phúc không phải đơn-giản như các nhà chánh-khách từ trước đến giờ đã chủ-trương. Tuy thế, nếu đem đối-chiếu nó với sự hoạt-động sinh-tồn, chúng ta có thể nhận-thức chơn- tướng của nó một cách rõ ràng.

2.- VẤN-ĐỀ HẠNH-PHÚC ĐỐI-CHIẾU VỚI SỰ HOẠT-ĐỘNG SINH-TỒN.

Chúng ta đã thấy rằng sự hoạt-động của người bị rất nhiều bản-năng phức-tạp chi- phối. Tất cả các bản-năng này đều nhắm vào mục-đích mưu-đồ sự sinh-tồn cho người, sinh-tồn vật-chất hay sinh-tồn tinh-thần, sinh-tồn của cá-nhơn hay sinh-tồn của chủng-loại.

Khi một bản-năng của người không thỏa-mãn được, người thấy mình khổ-sở, và tất cả những sự mong ước của người đều hướng đến chỗ thỏa-mãn cho được bản-năng ấy. Đối-tượng có thể thỏa-mãn cái bản-năng đương dày vò con người là cái bóng hạnh-phúc mà người

đeo đuổi. Lúc người đạt được đối-tượng trên đây, nghĩa là lúc người thỏa-mãn được bản-năng thúc đẩy mình, người thấy mình có hạnh-phúc.

Vì lẽ người có rất nhiều bản-năng cùng hướng về sự sinh-tồn, mà không bản-năng nào đủ sức chi-phối hết cả đời sống của người, cho nên hạnh-phúc của người có rất nhiều mặt và thay đổi không ngừng. Khi bản-năng này đã thỏa-mãn, bản-năng khác lại đòi hỏi người hoạt-động cho nó, và bóng hạnh-phúc của người là thỏa-mãn cái bản-năng khác ấy.

Sự sung sướng mà người cảm thấy khi thỏa-mãn được một bản-năng sau một thời-kỳ thềm khát lâu dài, có thể rất mạnh mẽ, khiến cho người tạm quên một số bản-năng khác chưa thỏa-mãn. Nhưng sự quên lãng này không phải kéo dài ra mãi, và sau cùng rồi, hạnh-phúc của người cũng phải phai mờ đi, nhường chỗ cho sự ước mơ khác.

Người cũng có thể nhờ tư-tưởng, nhờ sự tự-kỷ ám-thị mà chế-ngự một bản-năng không được thỏa-mãn, và lấy sự thỏa-mãn những bản-năng khác làm hạnh-phúc cho mình. Nhưng phương-pháp này ít khi đưa đến một kết-quả hoàn-toàn. Những sự phản-kháng của bản-năng bị chế-ngự có thể làm cho người mất sự quân-bình tâm-lý của mình, và đưa đến những chứng bệnh thần-kinh lắm khi rất nặng.

Như vậy bản-chất của người làm cho cái bóng hạnh-phúc mà người đeo đuổi luôn luôn di-động.

Sau khi lang thang trong rừng để tìm mồi hay cặm cùi trong một công việc làm để nuôi thân, người tìm sự sung sướng trong bữa ăn. Ăn uống no đủ rồi, người lại thích tán chuyện với người dị-tính mà người ưa mến. Nhưng đến lúc mệt mỏi, không có gì làm cho người chuộng bằng một giấc ngủ ngon. Tỉnh giấc, người muốn tăng-cường oai-thế của mình bằng sự học hỏi, hoặc muốn thỏa-mãn bản-năng sang-chế của mình bằng việc xây dựng sắp đặt những món bày biện trong nhà hay việc tạo ra một công-trình mỹ-thuật. Chán chê rồi, thích đi dạo, đi xem hát giải-trí. Nếu không người lại đi hội-họp, lên diễn-đàn để biểu-dương tài hung-biện của mình cho công-chúng thấy.

Sự hoạt-động của người thật ra biến chuyển không cùng, ta không thể kể ra hết được. Nhưng đại- khái, ta có thể bảo rằng khi người nào không thực-hiện được ý muốn của mình – ý muốn này là một biểu-thị của bản-năng cần được thỏa-mãn, bằng sự thâu-hoạch những điều-kiện sinh-tồn mới, hay bằng sự thay đổi những điều-kiện sinh-tồn cũ - người thấy mình khổ-sở. Và những khi sự biểu-thị của bản-năng cần được thỏa-mãn không được rõ ràng, mạnh mẽ, thành ra người không hiểu mình phải muốn những gì, người cảm thấy buồn chán vắn vơ.

Nói một cách khái-quát thì con người chỉ đạt được hạnh-phúc khi nào họ thỏa-mãn được những bản-năng của họ. Những bản-năng này đều qui vào mục-đích sinh-tồn. Bản-năng của người vốn có rất nhiều, mà sự đòi hỏi không thỏa-mãn của một cái một cũng đủ làm cho người khổ-sở. Bởi đó hạnh-phúc của người chỉ duy-trì được khi nào tất cả các bản-năng của người đều được thỏa-mãn một cách đồng đều nhau. Nói một cách khác, người chỉ có thể hạnh-phúc khi người sinh-tồn một cách đầy đủ. Sự đeo đuổi hạnh-phúc của người chung-qui chỉ là sự đeo đuổi theo những cái gì mà người thấy cần-thiết cho sự sinh-tồn của mình. Và cuộc đời mà họ cho là đầy hạnh-phúc thật ra chỉ là cái hình-thức sinh-tồn lý-tưởng của người mà thôi.

Như ta đã thấy, hình-thức sinh-tồn lý-tưởng của mỗi người không phải là ổn-định : nó chuyển-dịch luôn luôn, chuyển-dịch vì sự tiến-triển nội-tại của tâm-trí người cũng như vì sự biến-hóa của ngoại-giới.

Bên trong tâm-trí người, những bản-năng của người không ngớt thay thế nhau để đòi hỏi sự thỏa-mãn nơi người ; mà đối với từng bản-năng một, sự cần dùng cũng mỗi lúc một khác, bởi lẽ ý-định khuếch-trương sức sống của người làm cho sự cần dùng của bản-năng càng ngày càng nhiều và càng cao-nhã hơn.

Về phía ngoại-giới, những điều-kiện của thiên-nhiên cũng như hoàn-cảnh xã-hội không phải đứng một chỗ ; nó thay đổi mãi không ngừng.

Với tất cả các quan-năng mà Tạo-hóa phú cho mình, người hoạt-động để sinh-tồn, nghĩa là để thỏa-mãn những bản-năng của mình. Sự thỏa-mãn những bản-năng này bắt buộc người phải điều-chỉnh sự sống nội-tại của tâm-trí mình với ngoại-giới. Nếu thành-công được trong sự hoạt-động của mình, người tạo được một quân-bình giữa những bản-năng của mình với hoàn-cảnh. Chính sự quân-bình này là cái căn-bản của cái mà người gọi là hạnh-phúc.

Như vậy hạnh-phúc không có gì khác hơn là một *trạng-thái tâm-ly xuất-hiện những khi người gây được sự quân-bình giữa bản-năng sinh-tồn của mình và hoàn-cảnh bên ngoài*. Sự sanh tồn của các sanh-vật đồng-loại tự-nhiên có những điểm đại-cương giống nhau. Bởi đó, đối với một người bình-thường, sự quân-bình nói trên đây càng thích-hợp với những điều-kiện sinh-tồn chung của loài người thì hạnh-phúc của người càng hoàn-toàn. Vì thế, ta có thể cho rằng xu-hướng tìm hạnh-phúc là xu-hướng gây sự quân-bình giữa bản-năng sinh-tồn của người và hoàn-cảnh. Nó cũng là một bản-năng cần-thiết cho sự sinh-tồn của chủng-loại và do sự tranh-đấu sinh-tồn của chủng-loại mà có.

Định-nghĩa hạnh-phúc trên đây đúng cho tất cả mọi người. Sự bất đồng về quan-niệm hạnh-phúc giữa loài người sớ-dĩ có là vì sự phản-ứng của bản-năng sinh-tồn đối với hoàn-cảnh khác nhau từng người và từng dân-tộc.

Trước hết, chúng ta có thể nhận thấy rằng những bản-năng của người này và người nọ không phải nảy nở một cách y hệt như nhau. Đối với một số người, những bản-năng bảo-đảm sự sinh-tồn cá-nhơn về phương-diện vật-chất được mở mang hơn những bản-năng khác, và người chăm chú đến sự ăn ngon, mặc đẹp, ở lầu cao cửa rộng nhiều hơn cả. Đối với một số người khác, những bản-năng bảo-đảm sự sinh-tồn cá-nhơn về phương-diện tinh-thần lại mở mang hơn, và người thích sự tranh-đấu cho tư-tưởng, cho địa-vị nhiều hơn. Cũng có những người mà bản-năng xã-hội phát-triển hơn hết, khiến cho người để phần lớn sự hoạt-động của mình vào công việc giúp đỡ những người khác. Đó là chúng ta chỉ mới phác sớ qua những đại-cương, chớ những bản-năng thật nhiều vô-cùng mà sự phát-triển của nó cũng hết sức phức-tạp.

Ta thấy rằng không một bản-năng nào đủ sức chi-phối được hết cả đời sống của con người, và cái bản-năng được mở mang nhứt không làm cho người quên hẳn được những bản-năng khác. Sự chế-ngự một bản-năng thường chỉ đưa người đến những chứng bệnh thần-kinh. Bởi đó, đối với một người mạnh khỏe, bình-thường, những bản-năng ít mở mang vẫn còn tồn-tại. Những bản-năng này trộn lộn với những bản-năng mở mang nhứt, và tất cả đều ảnh-hưởng qua lại với nhau. Chính sự trộn lộn và sự ảnh-hưởng qua lại giữa các bản-năng có những mực phát-triển khác nhau đã tạo nên cá-tánh mỗi người. Và chính sự cạnh-tranh hay sự liên-hiệp giữa các bản-năng này giành lấy phần được thỏa-mãn, đã qui-định sự phản-ứng của

người đối với hoàn-cảnh. Mục phát-triển của các bản-năng đã không giống nhau giữa người này với người nọ, mà trong mỗi lúc, cơ-vận thủ-thắng của mỗi bản-năng trong sự tranh giành được thỏa-mãn cũng không giống nhau, tất-nhiên sự phản-ứng của người đối với hoàn-cảnh phải khác nhau, và bóng hạnh-phúc mà họ đeo đuổi cũng phải khác nhau.

Suốt đời sống của người, sự biến-chuyển trong mục phát-triển của những bản-năng kể trên này có thể làm thay đổi cá-tánh của người cũng như cơ-vận thủ-thắng của mỗi bản-năng. Do đó, quan-niệm hạnh-phúc của người có thể thay đổi cùng với tuổi tác họ.

Những dân-tộc từ trước đến giờ vẫn sống trong những hoàn-cảnh địa-dur, kinh-tế, khí hậu khác nhau. Và trong lịch-sử, họ đã trải qua những tình-thế rất khác nhau. Sự tranh-đấu sinh-tồn của các dân-tộc vì đó mà có những tánh-cách khác nhau, và bản-năng sinh-tồn của họ do cuộc tranh-đấu sinh-tồn này vun bồi và chi-phối tự ngàn xưa đến giờ cũng có những đặc-điểm khác nhau. Bởi thế, những điều-kiện thuận-lợi cho sự sinh-tồn của các dân-tộc hết sức khác nhau, và sự phản-ứng của các dân-tộc để đối-phó với hoàn-cảnh cũng khác nhau. Những điều này làm cho quan-niệm hạnh-phúc của các dân-tộc không thể giống nhau được.

3.- SỰ GIẢI-QUYẾT VẤN-ĐỀ HẠNH-PHÚC.

Sự nghiên-cứu vấn-đề hạnh-phúc đối chiếu với vấn-đề hoạt-động sinh-tồn đã cho chúng ta thấy rằng người chỉ hạnh-phúc khi nào người thực-hiện được sự quân-bình giữa bản-năng sinh-tồn của mình với hoàn-cảnh bên ngoài. Sự quân-bình này không thể ổn-định được vì nó luôn luôn bị sức tiến-triển của nội-tại và ngoại-giới, sức tiến-triển của tâm-trí người và của vật-chất bao bọc lấy người xô đẩy phá-hoại không ngừng. Và trong khi sự thỏa-mãn một bản-năng của người làm cho người sung sướng thì những bản-năng khác đưa ra những sự đòi hỏi khác, có khi mâu-thuẫn nhau, nhưng đều có xu-hướng làm mất thế quân-bình đạt được.

Tất cả vấn-đề tạo hạnh-phúc cho người chung-qui chỉ gom về việc giữ cho những sự đòi hỏi kế tiếp nhau của các bản-năng không làm ngã đổ sự quân-bình ấy, để cho tâm-trí người dao-động một cách nhẹ nhàng chung quanh cái trọng-tâm của sự « *quân-bình hạnh-phúc* », chớ không bị lung lay một cách đột-ngột và mãnh-liệt.

Vậy, việc gây hạnh-phúc cho người chỉ là việc thỏa-mãn các bản-năng của người. Mà sự thỏa-mãn những bản-năng này không phải chỉ có một phương-diện. Ngoài những bản-năng đòi hỏi một thỏa-mãn những vật-chất như ăn, uống, mặc v.v... người lại còn những bản-năng đòi hỏi một sự thỏa-mãn tinh-thần.

Những đòi hỏi vật-chất của bản-năng người thật ra rất khó qui-định, vì sự ham muốn của người có thể mở ra đến vô-cùng. Tuy nhiên, ta vẫn có thể biết được số nhu-cầu tối-thiểu của người, vì mỗi người chỉ cần một số lượng nhất-định y-phục và lương-thực để được ấm cật no lòng, để được sung sướng về vật-chất. Về những đòi hỏi tinh-thần của người, ta không thể nào qui-định được, vì sự cần dùng tinh-thần của người biến-hóa vô-cùng về lượng cũng như về phẩm. Ta không thể làm cho người hạnh-phúc khi bắt họ đi hội-họp và thảo-luận chánh-trị với những người khác, nếu họ chỉ thích đi lang thang một mình ở những nơi hẻo lánh để ngắm phong-cảnh. Ta không thể làm cho người được sung sướng khi họ xem hát hoặc họ nghe nhạc nếu trong lúc đó họ muốn vào chùa để cầu-nguyện cho linh-hồn họ được thanh thoi.

Thiếu những món cần-thiết cho đời sống vật-chất của mình, hoặc bị bó buộc thái-quá, người nhứt-định phải khổ-sở. Khi có sự tự-do rộng-rãi về phương-diện tinh-thần, người mới có đủ điều-kiện để được hạnh-phúc. Hạnh-phúc này thật ra hãy còn tùy thái-độ người đối với hoàn-cảnh : một người bao giờ cũng muốn có những món mà sức mình không thể nào tìm được tất-nhiên không thể được thỏa-mãn và không thể được hạnh-phúc. Trái lại, những người « *tri-túc* » có thể thỏa-mãn với một số vật- dụng tâm-thường. Nhưng dầu sao, người ta không thể tự-mãn tự-túc với một cái bụng trống và hai bàn trắng.

Như thế, chế-độ xã-hội lý-tưởng là chế-độ tạo ra những điều-kiện cho người có thể hạnh-phúc được. Nó phải bảo-đảm sự sinh-tồn vật-chất tối-thiểu cho tất cả mọi người. Về phương-diện tinh-thần, nó chỉ có thể bảo-vệ những tập tục cổ truyền tốt đẹp của dân-tộc, tạo ra cho mọi người một bầu không khí tâm-lý thích-hợp với nguyện-vọng chung của nòi giống từ ngàn xưa để duy-trì sự thống-nhứt giữa mọi người. Ngoài ra, nó phải để cho mọi người được tự-do tìm kiếm những thỏa-mãn những nhu-cầu mình theo sở-thích, miễn là sự hoạt-động của người không phạm đến sự sinh-tồn chung. Xã-hội có thể giúp vào sự thỏa-mãn tinh-thần này một phần nào bằng cách nâng cao trình-độ sanh hoạt chung lên, bằng cách tổ-chức sự sản-xuất trong nước như thế nào cho các vật-liệu được dồi dào, để cho người dễ tìm những phương-tiện vật-chất cần-thiết cho sự thỏa-mãn những đòi hỏi tinh-thần của bản-năng mình.

Nói một cách khác, chế-độ xã-hội lý-tưởng là chế-độ giúp cho người có đủ điều-kiện cần-thiết để sinh-tồn về phương-diện vật-chất, và cho người được tự tổ-chức lấy sự sinh-tồn tinh-thần của mình theo hệ-thống tôn-giáo hay triết-lý nào tùy thích, miễn là điều đó không hại đến sự sinh-tồn chung của xã-hội. Nó chắc chắn có thể xây dựng được và rất thích-hợp với hạnh-phúc của người. Nó không như chế-độ cộng-sản, chủ-trương khép mọi người vào một đời sống tiêu-chuẩn mà Karl Marx và môn-đồ cho là một đời sống đầy hạnh-phúc, nhưng kỳ thật, chỉ là một đời sống nô-lệ, một đời sống thú-vật, một đời sống máy móc, trong đó xu-hướng tìm hạnh-phúc của người bị chế-ngự một cách bạo-tàn, thành ra không bao giờ thỏa-mãn được.

Nghiên-cứu kỹ càng về vấn-đề hạnh-phúc của người, ta thấy rằng nó tùy-thuộc sự sinh-tồn một cách chặt chẽ. Nói cho thật đúng, hạnh-phúc chỉ là một trạng-thái sinh-tồn. Và chung-qui cũng chỉ có sự sinh-tồn là mục-đích chánh-yếu duy-nhứt của người. Nó là cái định-luật thiên-nhiên làm trung-tâm điểm cho mọi sự hoạt-động của nhơn-loại ở mọi địa-phương và mọi thời-đại.

II.- TÁNH-CÁCH CĂN-BẢN CỦA SỰ SINH-TỒN : VỊ-KỶ.

A.- KHUYNH-HƯỚNG VỊ-KỶ CỦA NGƯỜI.

Con người là một động-vật có một ý-chí sinh-tồn rất mạnh. Tất cả hoạt-động của người đều do bản-năng sinh-tồn chi-phối và đều qui về mục-đích sinh-tồn.

Xét đời sống của người, ta thấy rằng giá-trị họ thật ra không phải bằng nhau. Nếu bên trong mỗi người cái thú-tánh tàn-bạo vẫn nằm kể bên cái thiên-lương thuần-hậu, sức mạnh của hai bản-tánh đó hết sức khác nhau tùy người. Ta đã thấy rằng trong sự hoạt-động sinh-tồn của mình, có người hoàn-toàn nô-lệ nhu-cầu thể-xác hiện-tại, nhưng cũng có người chế-ngự được các thị-dục mình và hướng đến một đời sống cao-thượng, hay nhắm vào quyền-lợi tương-lai của mình nhiều hơn.

Nhưng dầu cho người tuân theo sự thúc giục của các dục-vọng thấp kém, hay đặt mình dưới sự điều-khiển của phần cao-thượng trong tâm-hồn mình, người cũng đều bị sự chi-phối của tánh vị-kỷ, hoặc một tánh vị-kỷ ngu tối thiên-cận, hoặc một tánh vị-kỷ rộng-rãi và khôn ngoan sáng suốt hơn.

Danh-từ vị-kỷ thường có một ý-nghĩa hẹp hòi, xấu xa. Nó gọi cho người những ý nghĩ về quyền-lợi vật-chất và những thỏa-mãn thấp kém thô-bạo. Nhưng ở đây, ta nên hiểu chữ vị-kỷ theo một nghĩa rộng hơn, và xem nó như là cái khuynh-hướng dựa vào mình, lấy mình làm gốc trong mọi việc và qui mọi việc về mình.

Trong đời sống thường ngày, người bao giờ cũng nhớ đến mình cũng lo cho mình trước hết. Đó là điều tự-nhiên ai cũng công-nhận và ta không cần phải nhấn mạnh về nó làm gì. Nhưng ngoài những hành-động mà tánh-cách vị-kỷ hiện ra một cách rõ ràng, người còn có những hành-động có vẻ cao-thượng và những hành-động được gọi là vị-tha nữa. Đối với một số đông người, những hành-động đặc-biệt này không có tánh-cách vị-kỷ, song nếu ta suy xét kỹ về nó, ta lại nhận thấy rằng thật ra nó vẫn bị sự chi-phối của tánh vị-kỷ hiểu theo nghĩa rộng trên này.

B.- SỰ VỊ-KỶ TRONG NHỮNG HOẠT-ĐỘNG CAO-THƯỢNG CỦA NGƯỜI.

1.- SỰ VỊ-KỶ TRONG CÁC CẤU-TẠO VÀ PHÁT-HUY TƯ-TƯỞNG CỦA NGƯỜI.

Mặc dầu nhiều khi vẫn có một hình-thức hợp-lý, những tư-tưởng của người là phản-ảnh những tình-cảm, những quyền-lợi hay những tư-kiến của người. Những chủ-trương của người thường là kết-quả hơn là nguyên-nhơn những tình-cảm và cao vọng của người, có khi nó chỉ là một nước sơn che đậy những tình-cảm và nguyện-vọng ấy mà thôi.

Những người thất-bại trên đường đời thường hướng về những chủ -nghĩa cách-mạng, trong khi những người có của thiên về tinh-thần bảo-thủ hơn. Karl Marx đã hết sức thù nghịch chế-độ tư-bản và nghiêng về lý-tưởng thế-giới đại-đồng, vì ông vốn là người Do-thái, nên bị chánh-phủ Đức thời ấy bạc-đãi và đàn-áp thẳng tay. Trái lại, Hitler chủ -trương bài -trừ Do-thái một phần vì thuở thiếu-thời, ông ta đã bị một gia-đình Do-thái khinh rẻ, từ chối một cuộc hôn-nhơn với ông ta. Những người nói đến những danh-từ hàm một ý-nghĩa xã-hội cao quý như công-lý, danh-dự, tư-do, v.v...thường vì một lý-do có tánh-cách cá-nhơn : họ đã bị hiếp-đáp, bị khinh-thị, bị kềm chế, hoặc chỉ muốn dùng những danh-từ ấy để thực-hiện một chủ-định gì đó mà thôi.

Vì lẽ những động lực thúc đẩy người hoạt-động vốn ảm náo, ít khi được người nhận thấy, người thành thật tin tưởng rằng mình chỉ tuân theo lý-trí mình. Kỳ thật, người thường chỉ lý-luận để biện- chánh cho ý muốn hay hành-động mình. Trong việc binh vực ý-tưởng hay hạnh-kiểm mình, cũng như trong việc đánh đố chỉ-trích ý-tưởng hạnh-kiểm kẻ địch, người lắm lúc đưa ra những lý-luận ngây ngô, không vững chắc chút nào, nhưng vẫn tự cho rằng mình hoàn-toàn hữu-lý. Người vô-tình hay cố-ý nguy-biện một cách hết sức tự-nhiên. Vì đó, những tín ngưỡng – vốn phù-hợp với những tập-quán và nhiều khi những quyền-lợi của người – không thể đánh đố bằng lý-luận được.

Kể ra thì ngoài đời cũng có những sự thật hiển-nhiên, không tùy-thuộc người và có đủ sức mạnh bắt người phải chấp-nhận nó. Nhưng những sự thật này không có được bao nhiêu :

nó là những điều-kiện căn-bản hợp lại làm cái khung cảnh chung cho mọi người. Trong khung cảnh này, người hãy còn một lãnh-vực hết sức rộng-rãi để đem dùng sáng-kiến cá-nhơn của mình. Trên những lãnh-vực đó, người ta dựa vào những công-ước xã-hội nhiều hơn là sự thật. Người tin tưởng và khen ngợi cái gì hợp-ý mình, và bài-xích đánh đổ những cái gì không làm mình ưa thích. Những nhà chánh-khách khi nịnh bợ quần-chúng, khi chủ-trương bình vực quyền-lợi họ, khi hứa hẹn mang hạnh-phúc đến cho họ để làm cho họ theo mình, đã tỏ ra rất am-hiểu sức mạnh của sự vị-kỷ trong đời sống tư-tưởng con người.

2.- SỰ VỊ-KỶ TRONG CẢM-GIÁC CỦA NGƯỜI.

Những ý-tưởng của người, cũng như những tri-thức người có được về ngoại-giới, do nơi kinh-nghiệm mà ra : nó bắt nguồn từ những cảm-giác của người. Cảm-giác là những dữ-kiện căn-bản của tri-thức : không có cảm-giác người không thể nào biết được cái gì. Một người đui từ lúc bé không sao có thể có một ý-niệm về các màu sắc, cũng như một người sanh ra đã điếc, không thể nào tưởng-tượng được sự điều-hợp các thanh âm. Chính nhờ cảm-giác mà người ta có ý-niệm về ngoại-giới, và có thể sắp đặt trước những hành-động của mình.

Như thế, cảm-giác đóng một vai tưởng rất quan-trọng trong đời sống của người. Người tiếp nhận được cảm-giác nhờ những giác-quan. Giác-quan giúp người nhận thức được những hiện-tượng phát-hiện ở ngoại-giới và những mối tương-quan giữa các hiện-tượng ấy. Những hiện-tượng này rất nhiều và phức-tạp, và người không sao có thể nhận-thức nó hết được. Thật ra, những tri-giác của người đã được giác-quan chọn lọc trong những ấn-tượng người có thể tiếp nhận. Những giác-quan của người đã được tổ-chức một cách đặc-biệt để thi-hành nhiệm-vụ này.

Sự cấu-tạo và phát-triển của các giác-quan đã noi theo một ý-lực mạnh mẽ, và ý-lực đó lại nhắm vào việc phụng-sự các bản-năng của người. Những giác-quan đã thành hình không phải để giúp người có những tri-giác mà lý-luận. Nó cốt để trả lời cho những sự cần dùng của ý-chí sinh-tồn. Mắt người được tạo ra không phải để trông ngắm cảnh-vật, mà để soi sáng hành-động người, để báo trước cho người một sự nguy-hiểm, để giúp người vờ bắt một con mồi. Sỡ-dĩ hiện nay sự tương-quan giữa con mắt và sự sinh-tồn của người ít rõ ràng hơn trước, là vì nền văn-minh đã khiến cho sự liên-lạc giữa người với hoàn-cảnh biến-đổi khá nhiều rồi. Nhưng đầu sao, sự ích-lợi của nó đối với đời sống của người cũng hết sức quan-trọng.

Vậy, những giác-quan của người chỉ là những dụng-cụ đặc-biệt, nhờ đó người thấu-hoạch trong ngoại-giới một số tri-thức cần-thiết giúp người đối-phó với hoàn-cảnh hầu bảo-vệ sự sinh-tồn của mình.

3.- SỰ VỊ-KỶ TRONG SỰ HOẠT-ĐỘNG CỦA TÂM-TRÍ NGƯỜI.

Những dữ-kiện được giác-quan chọn lựa lại được người chọn lọc lại một lần thứ nhì. Người chỉ lưu-ý đến cái gì làm người xúc-động. Một việc nhỏ nhặt có thể được xem là một vấn-đề tối quan-trọng, nếu người thấy nó có thể hại mình, hay mang đến cho mình một mối lợi to. Những kích-thích bên ngoài mà không liên-hợp với một bản-năng, thì người không lưu-ý đến. Khi đói, người chú-ý đến những món ăn, nhưng đến khi no nê rồi, mùi thơm của món ăn ngon đến đâu cũng không làm cho người lưu-tâm đến nhiều được.

Thêm nữa những cảm-tưởng và phán-đoán của người về sự vật cũng thay đổi, tùy sự cảm-thụ và dục-vọng người. Cùng một món ăn mà khi đói, người thấy ngon, còn khi no, người thấy chán. Lắm lúc, người có thể làm những việc khó khăn nặng nhọc một cách dễ dàng, nhiều khi thích thú nữa, nếu việc ấy giúp người thỏa-mãn một thị-dục. Những anh chàng si-tình có thể vượt núi treo đèo với nụ cười, nếu sau cuộc hành-trình gian-khổ ấy, họ gặp được người yêu.

Trước một cảnh-trí, người không có một ấn-tượng khách-quan như cái máy ảnh. Trong khi những chi-tiết làm cho người lưu-tâm nổi bật lên, những chi-tiết không gây được sự chú-ý của người mờ đi rồi mất hẳn. Do đó, những phức-trình, những tập du-ký của người về một vùng địa-dur hoàn-toàn khác nhau tùy tác giả. Một nhà khảo-cô nhớ đến những đền đài dinh-thự lịch-sử, một nhà kinh-tế nói tỉ mỉ về những thô-sản, một nhà họa-sĩ chỉ nhắc đến những nơi phong-cảnh tuyệt-kỳ.

Cùng đi ở một đường phố, người đàn bà thường chú-ý đến những hiệu kim-hoàn, những hàng tạp- hóa, những tiệm may, một sinh-viên thì hay ngó đến những nơi bán sách, những người thích máy móc lại lưu-ý đến những cửa hàng bán dụng-cụ cơ-giới.

Những học-sinh cùng học một lớp, cùng nghe những ông thầy giảng như nhau không đi đến những kết-quả như nhau, không những chỉ vì họ không cố-gắng như nhau mà còn vì khả-năng họ khác nhau, thành ra họ không thích những vấn-đề được trình-bày y như nhau.

Sự chú-ý làm cho sức mạnh những cảm-giác được tăng-cường. Khi lưu-tâm đến một sự sung sướng hay một nỗi đau khổ, người thấy sự sung sướng hay nỗi đau khổ ấy tăng lên gấp bội. Trái lại, nếu người không thêm chú-ý đến nó nhiều, sự sung sướng hay nỗi đau khổ ấy yếu dần đi và tan biến một cách dễ dàng.

Một mặt khác, sự chú-ý lại là một điều-kiện cho ký-ức. Những cái gì người thích và chú-ý, người nhớ rất dai và rất kỹ. Ngoài ra, những dục-vọng và sở-thích của người còn ảnh-hưởng đến ký-ức đó, và làm biến tấu những kỷ-niệm của người.

Sau hết, những nhu-cầu của người còn hướng trí óc người đến chỗ khái-quát-hóa và sắp đặt các tri-thức của người về ngoại-giới. Sự lợi-ích bao giờ cũng là tiêu-chuẩn để cho người nhận-thức sự tương- đồng giữa các sự vật, và sắp các sự vật ấy thành hệ-thống. Người có thể sắp chung các sự vật có thể tác-động đến cơ-thể mình với một hiệu-quả như nhau. Người cũng có thể sắp chung các sự vật có thể dùng làm phương-tiện để giúp người đạt được một mục-đích.

Những điều trên này chỉ tỏ rằng sự hoạt-động của tâm-trí người dựa vào sự chú-ý, mà người chỉ chú-ý đến cái gì hữu-ích cho mình.

4.- SỰ VỊ-KỶ TRONG TRI-THỨC CỦA NGƯỜI VÀ KHOA HỌC.

Người sở-dĩ chịu khó quan-sát và học-tập thêm mãi không ngừng, là vì người muốn tác-động trên sự vật. Tri-thức bao giờ cũng là điều-kiện đầu tiên để giúp người chọn lựa một cách đúng đắn, và hành-động một cách có hiệu-quả.

Người chỉ có thể thỏa-mãn những nhu-cầu của mình khi người có thể phân-biệt được cái lợi cái hại, và phản-ứng một cách thích-hợp với hoàn-cảnh. Không biết ai là thù, ai là bạn,

không hiểu món ăn nào bổ, món ăn nào độc, người rất khó tự-tôn. Sự phân-biệt này là một vấn-đề sống chết đối với người. Vì đó, người cần một sự tin tưởng chắc chắn nơi tri-thức của mình.

Vốn lấy hành-động làm mục-đích, tri-thức người hướng về tương-lai. Người sờ-đĩ nhớ đến hậu-quả những cách cư-xử quá-khứ của mình hay đồng-loại là để suy-luận về những việc sẽ xảy ra, hầu ứng- phó lại một cách đúng đắn. Con người thắng-lợi trong sự cạnh-tranh sinh-tồn là con người dự-đoán trúng tương-lai, và đưa ra những kế-hoạch gồm những hoạt-động đặc-lục, thích-hợp với tình-thế.

Những tri-thức khái-quát, những tư-tưởng và ý-niệm, hết sức hữu-ích cho người ; nó giúp cho người thấy xa trong tương-lai, và chẳng những dự-đoán được những việc xảy ra, mà còn tưởng-tượng được những điều mình sẽ làm, và cả hậu-quả của những việc làm ấy. Do đó, người có xu-hướng khái-quát hóa những tri-thức và gói nó trong những công-thức gọn ghẽ để nhớ.

Vậy, những tri-thức của người đều nhắm vào mục-đích phụng-sự chính cá-nhơn người. Khoa-học nào cũng bắt đầu bằng những nghệ-thuật, tức là phép áp-dụng một số tri-thức khái-quát ra hành-động. Hình-học thoát-thai từ khoa đặc-điền, thiên-văn-học bắt nguồn từ sự quan-sát võ-trụ để biết thờ-I-tiết hay định phương-hướng. Do sự so sánh những phương-pháp hành-động của mình với những kết-quả thảo-hoạch, người nhận-thức được những mối tương-quan hằng-cửu và rút ra được những lý-thuyết, với những cách-thức hoạt-động có hiệu-lực hơn. Khoa-học nhờ sự tập-hợp và hệ-thống-hóa các kinh-nghiệm ấy mà phát-sanh.

Khi khoa-học đã thành hình rồi, nhiều người cho rằng hoạt-động khoa-học hoàn-toàn không vụ-lợi. Theo những người này, nhà khoa-học yêu sự thật vì sự thật chứ không phải vì mục-đích gì khác.

Nhưng thật ra, vai tuồng khoa-học bao giờ cũng là dạy cho người những tri-thức rộng-rãi và chánh- xác về các hiện-tượng thiên-nhiên, để giúp người đối-phó với những hiện-tượng ấy một cách đặc-lục hơn. Phần lớn những sự tìm tòi nghiên-cứu của các nhà khoa-học đều hướng về việc giải-quyết những vấn-đề thực-tiễn. Ý-tưởng về những ích-lợi mà công-trình mình mang đến những người đồng-loại, làm cho các nhà khoa-học hăng hái hơn trong sự làm việc.

Thêm nữa, những người không nhắm mục-đích gì trong sự nghiên-cứu, cũng giúp cho nhơn-loại về sau. Nhiều định-luật khoa-học phát minh từ đời cổ, mãi đến ngày nay mới được đem ra ứng dụng. Và lại, chính những người không nghĩ đến sự áp-dụng những tri-thức của mình mới có thể đi đến những thuyết tổng-hợp cao-siêu, về sau phụng-sự nhơn-loại một cách đặc-lục hơn. Những giả-thuyết khoa-học đã đóng một vai tuồng rất lớn trong sự xây dựng những chủ-nghĩa chánh-trị, và những hệ-thống triết-lý chi-phối cả đời sống loài người.

Vậy, khoa-học không phải là không có tánh-cách vụ ích-lợi. Đối với những người chủ-trương khoa-học vị khoa-học, một triết-gia Pháp đã nhắc lại rằng : « *Không phải người sanh ra để phụng-sự khoa-học, mà trái lại, khoa-học đã được tạo ra vì người, và giá-trị một phát minh chỉ do nơi sự ích-lợi của nó mà ra* ».

Về phần những nhà khoa-học, ta cũng nhận thấy rằng sự tìm tòi khảo-cứu, họ vẫn có phụng-sự cá-nhơn họ. Gác qua một bên những người nhắm vào mục-đích tìm danh tìm lợi, ta hãy xét về những nhà khoa-học đặt việc khảo-cứu lên trên hết mọi sự. Những nhà khoa-học

này thật ra cũng có một cao-vọng, cao-vọng hiểu được thiên-nhiên để chế-ngự nó, hầu giúp ích đồng-bào. Cao vọng này có tôn-quí thật, nhưng vẫn là cao-vọng cá-nhơn.

Thêm nữa, sự khảo-cứu khoa-học làm phát-triển nhiều khả-năng trí tuệ và nhiều đức-tánh của người. Nó làm cho giá-trị nhà khoa-học được nâng cao lên, và do đó, nó rất hữu-ích cho nhà khoa-học. Nó trả lời cho sự cần dùng phát-triển của nhà khoa-học, và không thể xem là hoàn-toàn không vị-kỷ được.

Một mặt khác, một số nhà khoa-học khi đã quen với công việc tìm tòi khảo-sát rồi, thì có một nhu-cầu tìm tòi khảo-sát rất mãnh-liệt. Ý muốn hiểu-biết, khám phá, phát-minh của họ trở thành dục-vọng thu hút hết nghị-lực họ. Bất họ ngừng làm việc, họ sẽ thấy khổ-sở vô-ngần. Ngay những nhà khoa-học có một mục-đích vụ-lợi thiên-cận, về sau cũng có thể tự mình thấy sung sướng khi tìm tòi khảo-cứu.

Một bằng cứ chi-tỏ tánh-cách vị-kỷ của nhà tư-tưởng là sự cố-gắng của họ để làm cho thiên-hạ chấp-nhận ý-kiến họ. Từ trước đến giờ, các nhà khoa-học và triết-học nổi danh đều có một thái-độ biệt-phái cứng rắn, và nhiều người đã tỏ ra hết sức cuồng-nhiệt trong sự bình vực hệ-thống lý-thuyết của mình.

Nói tóm lại, những nhà bác-học, dầu cho không đeo đuổi một mục-đích vụ-lợi thiên-cận, cũng không phải là không vị-kỷ, chỉ vì cái vị-kỷ của họ cao hơn cái vị-kỷ thấp kém của những kẻ tầm-thường cho nên người ta thường không nhận ra được nó mà thôi.

5.- SỰ VỊ-KỶ TRONG NGHỆ-THUẬT CỦA NGƯỜI.

Đối với chủ-trương « khoa-học vị khoa-học », người ta thấy phát-hiện mấy thể-kỹ sau đây chủ-trương « nghệ-thuật vị nghệ-thuật ». Những người theo chủ-trương này cho rằng nhà nghệ-sĩ chỉ có mục-đích phụng-sự cái đẹp cũng như nhà khoa-học chỉ có mục-đích phụng-sự chơn-lý. Nhưng thật-sự, như ta thấy, hoạt-động khoa-học không thoát khỏi tánh-cách vị-kỷ ; hoạt-động nghệ-thuật cũng thế.

Khi thưởng-thức một tác-phẩm nghệ-thuật, người ta tìm, hoặc một tri-thức để học thêm, hoặc một sự kích-thích, hoặc một phút xuất-thân hay một khoảnh-khắc mơ mộng giúp mình quên cuộc đời ô- trọc, nói tóm lại, người tìm một cảm-xúc, tức là một tình-cảm làm rung động được tâm-hồn mình. Và thật-sự, cái mà người ưa thích trong một tác-giả chính là cá-nhơn mình, chính là những cử-chỉ hành-động, chính là cả một cuộc đời mà người đã sống, hoặc thích sống và không sống được. Nói một cách khác, người tìm trong mỹ-thuật, hoặc một sự sinh-tồn quá-khứ, hoặc một sự sinh-tồn tương-tượng, để thay thế sự sinh-tồn thiệt-thọ hiện-tại chưa đủ làm toại được chí người.

Như vậy, những hình-ảnh mà nhà nghệ-sĩ gợi ra, sở-dĩ làm xúc-cảm được người, phần lớn vì nó có liên-lạc với cá-tánh người, với thân-thể thật-sự hay tương-tượng của người.

Về phần những nghệ-sĩ, họ thường đem phỏ vào tác-phẩm họ cả bản-ngã họ. Có khi họ tự tả họ một cách trực-tiếp. Nhưng cũng có thể biểu-lộ một cách gián-tiếp ; họ gán cho những nhơn-vật họ tạo ra, những khuynh-hướng, những tình-cảm của họ. Nguyễn Du đã nhờ nàng Kiều để bày tỏ thân-thể thật-sự của mình, và nhờ Từ Hải để phác ra vai tồng xã-hội mình muốn đóng. Người ta đã nhận thấy rằng nhà nghệ-sĩ càng có nhiều dục-vọng, càng có

nhiều tâm-sự u-ẩn thì càng sản-xuất những tác-phẩm tâm-kỳ. Đối với họ, sự cần dùng phải sản-xuất cũng khắc-nghiệt như sự cần dùng khảo-cứu tìm tòi của nhà khoa-học.

Sự quan-sát về đời sống các nghệ-sĩ đã cho chúng ta biết rằng những động-lực thúc đẩy họ là sự thỏa-mãn những nhu-cầu tinh-thần, tánh tự-tôn, tự-đại, lòng ham muốn danh-vọng, tiền tài, ý muốn được người hiểu biết hay mến phục. Những động lực trên này đều có tánh-cách vị-kỷ không ít thì nhiều.

6.- SỰ VỊ-KỶ TRONG HOẠT-ĐỘNG TÔN-GIÁO.

Trong sự hoạt-động tôn-giáo, ta cũng nhận thấy sự vị-kỷ xuất-hiện. Người thời xưa vì không rõ nguyên-nhơn những hiện-tượng thiên-nhiên chung quanh mình, nên cho rằng những hiện-tượng đó do ý muốn những nhơn-vật vô-hình mà ra. Họ gán cho những nhơn-vật vô-hình này một linh-hồn như họ, và tạo ra những ma qui, thánh thần. Đọc những thần-thoại của tất cả các dân-tộc, ta có thể nhận thấy rằng ma qui, thánh thần ngày xưa có những tình-cảm, nguyện-vọng như người, với những khả-năng hành-động cao hơn. Vậy, người đã nhờ tôn-giáo để biểu-diễn những nguyện-vọng và mơ ước của mình.

Một mặt khác, trong tôn-giáo, người còn tìm một phương-tiện để tự-vệ chống giữ những lực-lượng vô-hình có thể phò-hộ hay giết hại mình. Người đã thờ cúng lễ-bái các vị thần-minh, để cho họ thương mình mà tha cho, hoặc hơn nữa, binh vực giùm mình. Các bộ-lạc, các chủng-tộc xưa đều thờ một vị thần bảo-hộ đoàn-thể mình. Những cá-nhơn cũng cầu-đào để được mạnh khỏe, được thành-công trong việc làm, được giàu sang sung sướng.

Ngay đến khi tôn-giáo có một tánh-cách cao-thượng hơn, phần lớn loài người vẫn giữ thái-độ vụ- lợi trên đây trong sự thờ phụng thần thánh. Phúc, lộc, thọ, danh, đó là những điều mà người mong ước thần thánh ban-bố cho mình hay cho thân-nhơn mình.

Một điều rõ rệt chứng tỏ sự vị-kỷ của người trong sự thờ phụng thần thánh, là người chỉ thiết-tha cầu-khẩn khi khổ-sở, khi gặp những hoạn-họa gớm ghê mà sức người không đương trở nổi. Lúc những phương-tiện hoạt-động của người được mở mang, lúc người được an-toàn và sung-túc, người rất ít khi nghĩ đến Phật Trời.

Ta phải công-nhận rằng trong nhơn-loại, có một số người có một tinh-thần mộ-đạo rõ rệt hơn. Nhưng hạng người này thật ra cũng chỉ nghĩ đến họ ; họ muốn được sống an-toàn ở trần-thế, và khi trút linh-hồn, lại được lên thiên-đường sống một cuộc đời vĩnh-cửu, đầy lạc-thú. Nếu họ cố-gắng để có những đức-tánh cần-thiết như lòng từ-bi bác-ái, sự đại-lượng đối với kẻ khác thì cũng vì mục-đích vị-kỷ trên này.

Những người có óc thần-bí, muốn hòa-hợp hồn mình với Thượng-Đế cũng không thoát khỏi sự vị-kỷ. Sở-dĩ họ muốn được trở về với Thượng-Đế, là vì Thượng-Đế có một quyền-năng vô-hạn, có một sự từ-ái mình mong. Một điều ta nên lưu-ý, là những người thần-bí này chỉ tin nơi Thượng-Đế riêng của mình. Nói đến tôn-giáo khác, họ chỉ có lòng khinh-bí, thù hằn. Hơn nữa, họ cũng không tha những kẻ cùng thờ một Thượng-Đế với họ, nhưng có một quan-niệm khác họ về sự thờ cúng Thượng-Đế ấy. Những sự tàn-sát nhau giữa các tôn-giáo, những tôn-giáo pháp-đình đã lưu lại cho nhơn-loại bao trang sử rùng rợn, đều là công-trình những nhà thần-bí cuồng-tín, không ngại dùng đến những phương-pháp tàn-bạo nhứt để binh-vực giáo-lý mình.

C.- SỰ VI-KỶ TRONG NHU-CẦU PHÁT- TRIỂN CỦA NGƯỜI.

Sự sinh-tồn, như ta đã thấy, không phải chỉ đầu vào việc duy-trì sự sống dưới hình-thức hiện-tại. Nó còn gồm ý muốn nâng cao sự sống lên và mở rộng nó ra. Bất cứ ở địa-vị nào, người cũng muốn vượt lên trên nữa.

Một vị Thiên Hoàng ngự-trị trên một nước Nhật đang lúc hùng-cường, đã viết trong một bài thơ làm khi ngự-giá dự một cuộc thao-diễn hải-quân :

*Hà thời đạt đắc bình-sanh chí
Nhật được đằng phi ngũ đại châu ?*

(Biết bao giờ ta đạt được chí bình-sanh, phóng một bước nhảy qua cả năm đại-châu ?)

Giấc mộng bá-chiếm hoàn-cầu này, những tay thống-lãnh các đại đế-quốc từ trước đến nay đều có cơn trốn. Giá như một ngày kia có người đạt được nó, người ấy sẽ không ngừng lại đó. Họ sẽ nghĩ đến việc chinh-phục thời-gian sau khi chinh-phục không-gian. Họ sẽ tìm cách được trường-sanh bất-tử như Tần Thủy-hoàng ngày trước, và như Staline gần đây. Ngay bây giờ, mộng bá-chiếm hoàn-cầu chưa thực-hiện được, mà đã có người nghĩ đến việc chinh-phục mặt trăng và các hành-tinh gần địa-cầu rồi.

Vậy, nền tảng của sự sinh-tồn là sự bành-trướng. Ngay ở những sanh-vật sơ đẳng, sự bành-trướng cũng hết sức mạnh mẽ. Nhiều loại vi-khuẩn trong một ngày đã sanh ra đến 70 đời. Nếu có đủ lương-thực để sống, khối vi-khuẩn này có thể nặng đến 5.000 tấn. Trong vòng 15 năm, hậu-duệ của một cặp chim lên đến số 10 triệu con, trong khi một con cá chép thường có thể sanh ra 100 triệu trứng.

Loài người tự xưng là chủ-nhơn-ông của địa-cầu kể ra không hổ với danh-hiệu này, vì sức bành-trướng sự sống của người thật vô-cùng mạnh mẽ. Người đã thay đổi cả mặt quả đất, người đã chế-ngự được cả muôn loài.

Chẳng những muốn nô-lệ-hóa loài thú và điều-khiển vật-chất, người còn muốn sử-dụng đồng-loại theo ý mình nữa. Người luôn luôn cố-gắng vượt lên trên kẻ khác và ngự-trị kẻ khác.

Người nào cũng tự cho mình là « *rún của quả đất* », xem cá-nhơn mình là trên cá, nghề-nghiệp mình là cao quý hơn hết, đẳng-cấp mình là quan-trọng nhất. Nhà khoa-học, nhà triết học, nhà nghệ sĩ, nhà tôn-giáo, nhà chánh-khách, đều cho rằng chỉ có ngành hoạt-động mình phụng-sự mới có thể mang hạnh-phúc lại cho nhơn-loại, và do đó, nó phải được đặt lên trên hết. Trong mỗi nước, hạng nông-dân thường cho rằng mình hữu-ích hơn cả, trong khi thợ thuyền quả-quyết rằng chính họ mới là phần-tử cần-thiết bậc nhất.

Ý muốn trở thành một nhơn-vật quan-trọng là một nhu-cầu thiết-yếu của mọi người. Trong phạm-vi hoạt-động của mình, người luôn luôn muốn tỏ rằng mình tài giỏi hơn kẻ khác. Lòng ham quyền-chánh, tham danh-vọng, thích nịnh bợ, có thể nói chung cho hầu hết loài người.

Chủ-trương bình-đẳng do nơi lòng tự-ái của người mà ra. Người không bao giờ muốn hạ mình xuống cho bằng kẻ thấp hơn, trái lại, muốn leo lên cho bằng kẻ ở trên mình. Khi nhận thấy mình không lên trên được, người lại thậm muốn cho người ở cấp trên bị khốn khổ, hoặc

bị giáng xuống địa-vị mình. Như thế, xét tâm-lý con người, ta thấy rằng người luôn luôn hiểu sự bình-đẳng theo một nghĩa có lợi cho mình.

Một mặt khác, ngay những người hô-hào bình-đẳng cũng tự-nhiên hướng về sự bất-bình-đẳng. Người bao giờ cũng thèm khát những đặc-quyền, đặc-ơn, và sự tôn-ty xuất-hiện trong mọi tổ-chức. Giáo-hội nào cũng có cấp bậc trên dưới, và đảng Cộng-sản Đệ Tam Quốc-tế, vốn chủ-trương một sự bình-đẳng triệt để giữa loài người, chẳng những đã đặt một hệ-thống phân-biệt phẩm-trật nhiều hơn trong bất cứ tổ-chức nào khác, mà còn đặt ra chế-độ đặc-táo, tiêu-táo để chánh-thức-hóa những sự bất-công mà những tổ-chức khác chỉ dung-nạp một cách bán-chánh-thức mà thôi.

Về phương-diện trí-tuệ, người muốn cho ý mình thống-trị kẻ khác. Những người đã tạo ra những hệ-thống lý-thuyết chánh-trị, những chủ-nghĩa cách-mạng, những tôn-giáo, đều có ý muốn uốn nắn tất cả đời sống mọi người. Họ muốn phát-huy những sở-kiến của họ để bắt buộc mọi người phải theo những kế-hoạch, những mộng-tưởng của họ : đó là ý-chí ngự-trị của người phát-hiện dưới danh-nghĩa của tư-tưởng.

Những nhà tư-tưởng chịu sống một cuộc đời khô-sở để đạt mục-đích, đã bị sự chi-phối của ý-chí ngự-trị này mà bỏ qua những xu-hướng vật-chất bị xem là tầm-thường nhỏ mọn.

Trong ý-chí bành-trướng sự sống kể trên đây, ta có thể nhận thấy lòng ham muốn một mực sống cao hơn về vật-chất hay về tinh-thần. Và như thế, tánh-cách vị-kỷ của người trong sự bành-trướng ấy không ai có thể phủ-nhận được.

D.- SỰ VỊ-KỶ VÀ SỰ HY-SINH TÁNH-MẠNG.

Sự sinh-tồn của người làm cho người muốn sống và bành-trướng sức sống của mình. Nhưng người cũng có khi dám liều chết, dám hy-sinh tánh-mạng mình. Sự hy-sinh này có thoát khỏi tánh-cách vị-kỷ hay không ?

Trước hết, ta có thể nhận thấy rằng, sự sống hàm sự hoạt-động, mà sự hoạt-động bao giờ cũng có nguy-hiêm. Do đó, muốn sinh-tồn, người phải nhận nguy-hiêm. Nhiều khi chính sự liều chết lại làm cho người sống : phá một con đường máu trong một khối địch-quân đông đảo hơn mình là phương-pháp duy-nhứt giúp người thoát khỏi bị chúng bắt và hành-hạ trước khi xử tử.

Một mặt khác, người mạnh mẽ bình-thường cần phải vận-động, phải sử-dụng hết nghị-lực của cơ-thể mình. Một số người chỉ có thể tìm thấy được sự vui thú trong sự lộng-hiêm ; những nhà thể-tháo, những nhà săn bắn, lắm khi tự mình tìm lấy sự sung sướng trong việc tiêu-phí nghị-lực đó. Nhưng cũng có khi lòng ham danh-vọng, ý muốn nêu gương cho thiên-hạ khiến cho người quên những mối nguy-hiêm mà lẩn mình tới trước. Cũng có khi người liều tánh-mạng để đạt được một mục-tiêu, thâu-hoạch một kết-quả. Sự thực-hiện một nguyện-vọng, quả tìm một người yêu, có thể là phần thưởng người mong chờ khi có những tác-động đồng-cảm liều thân.

Sau hết, người có thể hủy mạng sống của mình khi cuộc đời trở thành một cực-hình cho người. Sự xấu hổ, sự nhục-nhã, sự tuyệt-vọng có thể đưa người đến chỗ quyết-định từ giã trần-thế để tìm hạnh-phúc ở thế-giới bên kia. Người tự-tử là để giải-thoát lấy mình khỏi những dây oan-nghiệt làm khổ-sở cho mình.

Ngoài ra, lại còn một số người tự-hủy mình vì nhiệm-vụ. Đó là trường-hợp những người liều mạng hy-sinh cho Tổ-Quốc, cho tôn-giáo mình. Sự đồng-cảm của họ rất đáng kính-phục. Tuy-nhiên, ta không thể bảo rằng họ không vị-kỷ chút nào trong sự hy-sinh ấy.

Bảo-vệ quê-hương hay tôn-giáo mình, tức là bảo-vệ những hình thức sống còn mà người chấp-nhận hay tôn-kính. Đối với người, không sống còn được theo hình-thức ấy thì thà chết còn hơn. Trong trường-hợp này, người xem những yếu-tố làm cho cuộc đời đầy ý-nghĩa có giá-trị cao hơn chính cuộc đời. Nhưng đầu sao, người vẫn hy-sinh vì một chủ-kiến của mình.

Những nhà ái-quốc không thể chịu được cái nhục mất nước, cái khổ thấy đồng-bào nô-lệ cho người ngoại-bang, những người tử vì đạo vì muốn được lên thiên-đường theo vị Thượng-Đế mình tôn thờ. Họ đã từ khước cái sống thừa khổ nhục, để chọn lấy cái sống vĩnh-cửu và an-ôn của tâm-hồn. Vậy, họ không phải là không vị-kỷ.

Đ.- SỰ VỊ-KỶ TRONG NHỮNG HÀNH-ĐỘNG VỊ- THA.

Ngoài những bản-năng hoàn-toàn vị-kỷ khiến cho người chỉ lo đến mình, chỉ mưu-đồ sự sinh-tồn cho cá-nhơn mình và có những hành-động vị-kỷ, người lại còn có những bản-năng tình-dục và bản-năng xã-hội. Những bản-năng sau này khiến cho người có xu-hướng gần gũi và sống chung với đồng-loại. Nó đã đóng một vai-tổng quan-trọng trong sự thúc đẩy người hợp nhau lại thành đoàn-thể.

Thật-sự thì người không phải chỉ có thiện-cảm với người đồng-loại. Đứng trước một kẻ lạ người thường e dè và giữ miệng, ít khi thông-cảm họ. Ngay trong vòng những kẻ liên-lạc mật-thiết với người, mỗi giao-tình nhiều khi lợt lạt, hời hợt lắm. Nhưng chúng ta không thể phủ-nhận được rằng khuynh-hướng hợp-quần của người cũng rất mạnh, nó khiến người tự-nhiên thấy buồn bã khi cô-độc, và luôn luôn tìm cách liên-lạc với đồng-loại, muốn cho họ ưa thích và nể nang mình.

Trong sự sống chung với đồng-loại, người nhiều khi biết nghĩ đến họ, đến quyền-lợi của họ, và có những hành-động mà ta gọi là hành-động vị-tha. Đối với một số nhà tư-tưởng và đạo-đức, vị-tha là một tình-cảm hoàn-toàn tốt đẹp của người, nó đối chọi hẳn với sự vị-kỷ. Tuy nhiên, con người vốn có một cơ-thể, một tâm-hồn, một bản-ngã mạnh mẽ. Họ không bao giờ có thể tự quên mình được một cách hoàn-toàn. Do đó, những hành-động vị-tha của họ vẫn mang dấu hiệu của bản-ngã họ, và do đó, vẫn còn dựa vào sự vị-kỷ không ít thì nhiều.

1.- SỰ VỊ-KỶ TRONG TÌNH YÊU.

Tình yêu là một tình-cảm rất mạnh có thể đưa người đến những hành-động vị-tha. Nó bắt nguồn từ những nhu-cầu sanh-lý khẩn thiết của người. Đàn ông và đàn bà đều bị bản-năng tình-dục chi-phối, khiến cho họ tự thấy cần dùng nhau và đi tìm kiếm nhau.

Nhưng ngoài ra nhu-cầu tình-dục, tình yêu còn dựa vào sự cần dùng nương tựa nhau : người đàn ông cũng như người đàn bà đều phải sống chung nhau để bình vực cho nhau. Đó là một yếu-tố phần nào có hơi hướng vị-kỷ rồi.

Một mặt khác, tình yêu cũng dính dáng đến bản-năng tư-hữu. Tánh ghen tuông – nhiều khi tồn-tại sau khi tình yêu đã chết – là một biểu-hiệu chỉ tỏ rằng người muốn được độc quyền với người mình yêu. Sự vị-kỷ của kẻ si-tình thật là hiển-hiện trong thái-độ họ ; họ thà thấy người họ yêu chết ngay trước mắt, còn hơn biết rằng người ấy có hạnh-phúc với một người khác.

Người có thể hy-sinh nhiều cho kẻ được người yêu dấu, song người cũng chờ đợi nơi người ấy một sự ban thưởng là lòng yêu của người ấy, hay ít nhất là cái quyền được yêu người ấy. Lời than thở của một nhà thi sĩ :

« Yêu là chết ở trong lòng một ít,
« Cho rất nhiều, song được chẳng bao nhiêu »

(Xuân -Diệu)

đã diễn-tả một cách rõ rệt tánh-cách vị-kỷ của tình yêu. Như thế, chung-qui, nếu có hy-sinh, người cũng chỉ hy-sinh cho dục-vọng của mình.

Thuở người còn man-dã, tình yêu dựa vào sự cần dùng sanh-lý, và sự cần dùng nương tựa nhau nhiều hơn hết. Trong xã-hội văn-minh, nó có thể gồm thêm yếu-tố khác ; sự tương-đồng quyền-lợi, tình-cảm, tư-tưởng và sau đó, những thói quen, những công-ước xã-hội.

Sự hòa-hợp giữa hai vợ chồng rất hữu-ích cho cả hai ; nó vừa tăng-gia sức mạnh tuyệt-đôi của họ, vừa tăng-gia hiệu-lực của sự làm việc nhờ sự phân-công. Tục ngữ ta có câu : « *Thuận vợ, thuận chồng, tát biển Đông cũng cạn* ». Như thế, tình yêu có mang nhiều mối lợi vật-chất đến cho người. Về mặt tinh-thần, sự cộng-tác chặt chẽ giữa vợ chồng giúp cho họ nhân-nhượng nhau và sửa chữa lỗi nhau. Do đó, họ có thể đạt nhiều đức-tánh giúp họ thành-công trong xã-hội một cách dễ dàng hơn.

Như thế, tình yêu chung-qui vẫn có lợi cho người, và ta có thể bảo rằng, nền tảng nó dựa vào sự vị-kỷ của người rất nhiều.

2.- SỰ VỊ-KỶ TRONG TÌNH GIA- ĐÌNH.

Bản-năng tình-dục khi mở rộng ra đã đưa người đến những tình-cảm gia-đình, trong ấy, mạnh mẽ nhất là tình cha mẹ yêu con. Kể ra, thì lòng thương nhau giữa cha mẹ với con có một nền tảng sanh-lý tự-nhiên, vì đứa con do cha mẹ sanh ra, và mang một phần xương thịt cùng đặc-tánh của mẹ với cha. Tuy vậy, yếu-tố huyết-thống riêng nó cũng không được mạnh mẽ lắm.

Nhiều loài vật không hề biết đến con. Trong những xã-hội mọi rợ, nhiều trẻ con bị cha mẹ ăn thịt. Người thái-cổ có thể giết con trẻ vì những lỗi rất nhỏ hay vì nó là miệng ăn vô ích. Cũng có khi cha mẹ đem con tế-thần cầu lợi, hay đôi lấy một món hàng.

Nhiều dân-tộc, khi đã đạt được một trình-độ văn-minh khá cao mà còn vẫn giữ những tục-lệ man- dã đối với con trẻ. Người Hy-lạp, người La-mã và người Trung-Hoa ngày trước, hay giết hại những đứa bé tàn-tật, uôn yếu, có khi đem bán trẻ sơ sanh. Con gái thường bị bạc-đãi hơn con trai. Nếu không bị thải-trừ hồi nhỏ, chúng cũng được nuôi trong một chế-độ

khắc-nghiệt, đến lớn, bị cha mẹ gả bán đi theo ý riêng, không cần đến sự ưng-thuận của chúng.

Trong xã-hội văn-minh hiện đại, những tục-lệ man-dã trên đây không còn nữa. Con trẻ được săn sóc kỹ càng hơn, được nuông chiều hơn. Cha mẹ thường săn sàng hy-sinh, chịu thiếu thốn, chịu cực khổ cho con. Ở đây, ta có thể công-nhận rằng lòng vị-tha đã có xuất-hiện. Tuy thế, trong lòng vị-tha này, sự vị-kỷ vẫn hầy còn.

Quan-sát hành-động mọi người chung quanh ta, ta có thể nhận thấy rằng, người thường đem lòng thương yêu những cái gì do chính tay mình săn sóc, chăm nom. Người bao giờ cũng chuộng kẻ chịu ơn mình hơn kẻ làm ơn cho mình. Những con vật do chính người nuôi nấng, những cây cối do người trồng hay bón xới, những đồ vật do chính người tạo ra, người bao giờ cũng trù mến, ưa thích. Người nông-dân suốt năm chăm chút đến mảnh ruộng mảnh đất mình cày cấy, rất yêu mảnh đất mảnh ruộng ấy, mặc dầu nó không phải của họ. Nhiều người tá-diền đã đánh nhau chí-tử để bảo-vệ một tài-sản thật-sự là của kẻ khác.

Người thợ sỡ-dĩ không yêu hãng xưởng chỗ mình làm bằng người nông-dân yêu đất, là vì họ chỉ là một phần-tử nhỏ nhất trong một bộ máy khổng-lồ, và thường chỉ coi sóc việc sản-xuất những bộ phận của một đồ vật. Họ không tự tay tạo ra một món hàng đầy đủ, và không thể tự-hào mà cho rằng món hàng nào đó do mình sản-xuất ra. Do đó, họ dễ dàng phá-hoại những hãng xưởng dùng họ những khi cần, và săn sàng hơn người nông-dân để theo chủ-trương cộng-sản.

Sự thích mến những món do tự tay mình chăm nom hay chế-tạo ra là một xu-hướng chung cho mọi người, nó hàm sự vị-kỷ bên trong. Tình cha mẹ thương con một phần thuộc vào trường-hợp trên này. Đứa bé, chẳng những do cha mẹ sanh ra, lại còn được cha mẹ nuông chiều, chăm nom từng chút. Công cha mẹ đối với con thật là không sao kể xiết được. Như thế, cha mẹ tự-nhiên phải yêu con nhiều. Trong sự sanh-dưỡng đứa bé, người mẹ đóng vai tuồng quan-trọng hơn, thành ra mẹ thương yêu con hơn cha.

Lòng thương con của cha mẹ thật là mạnh mẽ ; nhưng không phải vì đó mà nó mất tánh-cách vị-kỷ. Người mẹ nhiều khi yêu con đến nỗi không muốn cho ai chia xẻ sự thương yêu đó với mình. Những bà mẹ chồng đông-phương hành-hạ con dâu, cũng như những bà mẹ vợ tây-phương không ưa chàng rể, vì trong mắt họ, con dâu hay chàng rể thu hút hết tình yêu của con họ. Nhiều người mẹ bị lao, nhưng không chịu rời con, thành ra chúng bị lây bệnh ấy.

Trong sự dựng vợ gả chồng, cha mẹ cũng thường nhắm vào sự môn-đường hộ-đối, vào mục-đích của cháu bé, hơn là vào hạnh-phúc của con. Thêm nữa, ta cũng nhận thấy rằng, trong một bầy con, cha mẹ yêu thương những đứa thông-minh, lanh lợi, có thể làm rạng rỡ tông-môn hơn những đứa con ngu đần, khó thành-công ngoài xã-hội.

Những điểm trên này là những luận-cứ chứng-minh rằng tình cha mẹ thương con tuy hết sức cao quý, vẫn có phần vị-kỷ bên trong. Về phần con, ai cũng nhận thấy rằng, chúng không thương yêu cha mẹ bằng cha mẹ thương yêu chúng. Sỡ-dĩ Nho-giáo nhấn mạnh trên đạo hiếu, là vì lòng hiếu-thảo không phải là tình-cảm tự-nhiên mạnh mẽ bằng tình yêu nhau giữa vợ chồng, hay tình cha mẹ thương con. Nếu mọi người đều tự-nhiên yêu mến và phụng-dưỡng cha mẹ hết lòng, và bao giờ cũng lo cho cha mẹ hơn lo cho vợ con, thì truyện « *Nhị thập tứ hiếu* » không có lý-do tồn-tại.

Một mặt khác, ta có thể nhận thấy rằng, trong một bầy con, đứa thương yêu cha mẹ nhất là đứa đã từng chịu cực khổ với cha mẹ. Trái lại, những đứa được cha mẹ nuông chiều quá lại ít yêu cha mẹ hơn. Người Việt-nam khi nói đến sự kiện này thường cho rằng trong mấy đứa con ấy, đứa thì đòi nợ, đứa thì đi trả nợ. Nhưng thật-sự, đây chỉ là một biểu-lộ của một bầm-tánh ta đã thấy trên này : con người yêu những kẻ chịu ơn mình hơn những kẻ làm ơn cho mình.

Trong sự hiếu-thân, người ta cũng có thể nhận ra lòng ham muốn được thiên-hạ ngợi khen, nếu không phải là lòng sợ hãi dư-luận chê cười. Những kẻ tống-táng giỗ chạp cha mẹ một cách linh-đình, thường nghĩ đến danh-vọng mình nhiều hơn là nghĩ đến việc báo ơn cha mẹ.

Về tình anh em đối với nhau, nó tự-nhiên lọt lạt hơn tình cha mẹ với con. « *Giàu cha, giàu mẹ thì ham, giàu anh, giàu chị ai làm nấy ăn* » là một câu hát diễn tả một sự thật hiển-hiện. Việc anh chị em kiện nhau để tranh gia-tài là một việc thường thấy, và những bậc thánh-hiền đã phải cố-gắng hết sức để dạy anh em chị em ăn ở phải đạo với nhau. Thật ra, thì cũng có nhiều người anh em chị em thương mến nhau một cách đậm đà, nhưng trường-hợp này cũng giống như trường hợp những người kết bạn với nhau.

3.- SỰ VỊ-KỶ TRONG TÌNH BẠN.

Nếu trong tình yêu giữa cha mẹ với con, sự vị-kỷ còn lộ ra cho ta thấy, thì trong tình bạn bè, nó lại còn rõ rệt gấp mấy nữa. Người ta chỉ có thiện-cảm với người khác khi người ấy hợp-ý mình. Những người bạn thân-thích với nhau thường là những người giống nhau hoặc là bổ-túc nhau. Thêm nữa, muốn cho tình bạn được lâu dài, người phải có những sở-thích, những nguyện-vọng chung nhau, khiến cho người cùng có những mỗi cảm-xúc như nhau, và có một thái-độ gần như nhau trong một hoàn-cảnh chung.

Một mặt khác, sự cùng chia sung sướng, mà nhất là chia gian-lao với nhau, cũng như sự chơi đùa, giải-trí chung nhau, làm cho người khấn khít với nhau. Trong người bạn, người có thể nào tìm được một phần nào cá-nhơn mình. Và lại, một người bạn chơn-thành rất hữu-ích cho người ; người có thể học hỏi, có thể vui chơi, có thể nhờ sự giúp đỡ của bạn. Do đó, người có một xu-hướng kết bạn khá mạnh, và có bạn trong hầu hết mỗi giai-đoạn của đời mình : bạn đồng song trong lúc cấp sách đến trường, bạn đồng ngũ khi từng-chinh, bạn đồng-nghiep khi ra vật lộn với đời để mưu-sanh, bạn tâm- tình khi có dịp ở chung nhau.

Ta nên lưu-ý rằng tình bạn phải vun bồi mới sống được. Những người bạn thân-thiết nhau có thể trở thành xa lạ với nhau nếu không gặp gỡ nhau thường. Nhiều người bạn học lúc nhỏ rất gần nhau, nhưng về sau không được gặp gỡ nhau và không còn chơi thân nhau nữa. « *Cách mặt thì xa lòng* », đó là một sự thật mà dân-tộc nào cũng thấy.

Trái lại, những người sống cạnh nhau và giao-du với nhau, nhiều khi không hoàn-toàn giống nhau, cũng có thể trở thành thân-thiết được. « *Bà con xa không bằng láng giềng gần* », đó là một sự nhận xét chứng tỏ trong tình bạn sự gần nhau, và do đó, sự cùng nhau chia xẻ nỗi vui buồn đóng một vai tuồng rất quan-trọng.

Qua những điều-kiện trên này, ta có thể nhận thấy rằng tình bạn phải dựa vào nền tảng vị-kỷ một phần nào.

4.- SỰ VỊ-KỶ VÀ LÒNG THƯƠNG XÓT.

Lòng thương xót cũng là một tình-cảm tự-nhiên của người. Nó do nơi thiện-cảm mà ra. Thoạt-kỳ-thủy nó làm cho người tham-dự một cách thụ-động vào sự lo âu khổ-sở của kẻ khác, nó khiến người đau đớn khó chịu. Sau đó, nó trở thành tích-cực hơn, và xui người giúp đỡ kẻ đau khổ khó chịu đó.

Người ta thường xem sự thương xót là một tình-cảm vị-tha hoàn-toàn. Nhưng nếu xét kỹ về nó, ta cũng thấy sự vị-kỷ ẩn núp bên trong.

Trước hết, người ta nên lưu-ý rằng, người không hề thương xót cục đất hay tảng đá. Người chỉ bắt đầu động-tâm khi thấy một cành hoa héo, một nhánh cây khô. Sự thương xót của người ta tăng-gia với loài cảm thú mở rộng ra đến tuyệt-độ đối với người đồng-loại. Điều này chứng tỏ rằng người chỉ thương xót nhiều những kẻ giống mình, vì tự nghĩ rằng mình có thể ở vào địa-vị kẻ ấy.

Nhiều người thường nhắc đến « *quả tim vàng* » của hạng người nghèo. Những văn-gia, thi-sĩ đã hết sức ca tụng tinh-thần tương-thân tương-trợ giữa những người xấu số với nhau. Điều này cũng phần nào đúng với sự thật, chớ không phải hoàn-toàn chỉ dựa vào trí tưởng-tượng của những kẻ hay mơ mộng. Nhưng tại sao những người nghèo khó lại sẵn sàng giúp đỡ nhau hơn những người giàu có, trong khi họ có ít phương-tiện hơn ? Lý-do rất giản-dị : họ đã trải qua những tình-cảnh khổ-sở và có thể sẽ phải trải qua những tình-cảnh ấy nữa trong tương-lai. Họ giúp đỡ kẻ khác để kẻ khác sẽ giúp đỡ lại họ khi họ gặp sự khó khăn. Người giàu, trái lại, không từng trải qua cảnh khổ của kẻ nghèo, và không hiểu cái khổ ấy ; họ cũng không lo ngại nhiều cho họ trong tương-lai. Vì đó, họ đứng dưng trước sự đau đớn của những hạng người xấu số trong xã-hội.

Những người có của, đứng ra tổ-chức những việc làm từ-thiện thường có mục-đích quảng cáo cho tên tuổi mình. Trong sự giúp đỡ kẻ khác, một số lớn tìm sự khen ngợi của đồng-bào, hoặc sự ban thưởng của chánh-phủ. Cũng có một số người hiểu rõ rằng nâng đỡ người nghèo khổ là hàn gắn bớt những vết thương xã-hội, và như thế là đóng góp một phần vào công việc làm cho xã-hội được ôn-định, điều-kiện cần-thiết để duy-trì quyền-lợi họ. Sau hết, một số người tìm thấy sự sung sướng trong việc giúp đỡ người khác. Tình-cảm này là kết-quả của một bản-năng xã-hội mở mang. Nó hết sức cao-thượng, nhưng thật-sự bên trong, người cũng có tìm sự thỏa-mãn cho chính tâm-hồn mình.

5.- SỰ TƯƠNG-QUAN GIỮA LÒNG VỊ-THA VÀ LÒNG VỊ-KỶ.

Ta đã thấy rằng những động-lực làm cho người hành-động đều có một nguồn gốc duy-nhứt : sự thỏa-mãn những bản-năng của người. Bên những bản-năng vị-kỷ hoàn-toàn, người vẫn có những bản-năng đặc-biệt khiến người mở mang tâm-hồn mình ra để hòa-hợp với kẻ khác. Nhưng dầu sao, những bản-năng đó cũng của người, và sự thỏa-mãn nó cũng hữu-ích cho người trước hết. Vì thế, tất cả những hành-động của người đều có tánh-cách vị-kỷ, ngay đến những hành-động được gọi là vị-tha.

Ta có thể bảo rằng, sự vị-tha bắt nguồn từ nơi lòng vị-kỷ. Không có những nhu-cầu, không có ý muốn và hy-vọng thỏa-mãn nhu-cầu ấy, thì người không có những hành-động vị-tha.

Sự hoạt-động vốn để thỏa-mãn ý-chí sinh-tồn của người, mà ý-chí này càng mạnh thì phạm-vi và trình-độ sinh-tồn lý-tưởng của người lại càng rộng, càng cao. Do đó, những người có một sức sinh-tồn dồi dào, có nhiều nhu-cầu, thì lại càng hướng về đồng-loại và càng lo lắng cho họ.

Hạng người hào-hiệp nhứt trong xã-hội bao giờ cũng là hạng thanh-niên. Họ dễ dàng hy-sinh hơn người già cả gần đất xa trời. Lúc nào họ cũng sẵn sàng để chiến-đấu và cảI-tổ lại thế-giới. Nhưng kỳ thật, sự hăng hái và khuynh-hướng phụng-sự của những người thanh-niên chỉ là một hình-thức chưa ổn-định của thị-dục và hy-vọng mình mộng của họ. Họ muốn tạo ra một khung cảnh phù-hợp với sự sinh-tồn lý-tưởng họ nêu ra. Dưới chủ-trương nâng đỡ nhơn-loại, ta có thể nhận thấy rõ ràng ý muốn ngự-trị lên trên thiên-hạ và phát-triển sự sinh-tồn cá-nhơn của họ.

Vả lại, người thanh-niên vốn có nhiều nghị-lực, và nghị-lực này bắt buộc họ phải hành-động, phải phao-phí sức mình. Đó là một nhu-cầu hữu-ích, vì sau cùng, sự hoạt-động làm cho người thanh-niên giỏi dang mạnh mẽ hơn. Nhưng muốn thực-hiện được nguyện-vọng mình, người không phải chỉ cần ra khỏi cá-nhơn mình, mà còn phải chịu thiệt thòi chút ít để người khác có thể chấp-nhận sức bành-trướng của mình. Vậy, sự phát-triển bắt buộc người phải có tánh đạI-lượng. Sự vị-tha thật ra là sự phát-triển bản-ngã của người, và như thế, nó chỉ là một hình-thức đặc-biệt của vị-kỷ. Nó là một sự vị-kỷ hiểu một cách sáng suốt.

Những điều trên này, chỉ tỏ rằng vị-tha và vị-kỷ không phải là hai tình-cảm trái ngược nhau. Thật-sự, vị-tha và vị-kỷ hòa-hợp nhau làm một và chung-qui, vấn-đề vị-tha và vị-kỷ chỉ là một vấn-đề quan-điểm.

Người ta có thể cho rằng tất cả những hoạt-động của người ngay đến hoạt-động vị-kỷ, đều có tánh-cách vị-tha, vì hoạt-động của người do thị-dục, tức là sự ưa thích mà ra.

Người si-tình yêu tình-nhơn, mẹ yêu con, nghệ-sĩ yêu nghệ-thuật, nhà bác-học yêu khoa-học, người nông-dân yêu mảnh đất mình cày cấy, người ghiền á-phiện mê ả phù dung, những người tranh-danh đoạt lợi mê quyền-chánh danh-vị. Tất cả những người này đều sẵn sàng hy-sinh sự an-ổn, sự sung sướng, có khi cả cuộc đời mình cho những cái mình yêu.

Bù lại, người ta cũng có thể cho rằng tất cả những hoạt-động của người, ngay đến những hoạt-động vị-tha, đều có tánh-cách vị-kỷ, vì người chỉ ưa thích cái gì người có thể dùng để thỏa-mãn một thị-dục, một nguyện-vọng, một nhu-cầu của mình và thật-sự, người chỉ yêu lấy mình mà thôi.

Như vậy, trong sự vị-tha, có lòng vị-kỷ, và trong sự vị-kỷ cũng có lòng vị-tha. Nhưng chúng ta phải nhận thấy rằng lấy sự vị-kỷ làm gốc hợp-lý hơn, vì thật-sự người có một bản-ngã và không lúc nào có thể gạt qua một bên cái bản-ngã ấy được. Vì đó, sự vị-tha của người bao giờ cũng chỉ là một giai-đoạn trung-gian, cứu-cánh của nó luôn luôn vẫn là bản-ngã của người.

Sự quan-sát đã cho ta thấy rằng, sự vị-tha của người không hề đi đến những kẻ người không quen biết, những kẻ hoàn-toàn xa lạ với người. Người bao giờ cũng yêu con mình hơn con người dung, yêu công-trình mình hơn công-trình kẻ lạ. Hơn nữa, người chỉ vị-tha khi người cần thỏa-mãn một nhu-cầu, một bản-năng. Như thế, sự vị-tha bao giờ cũng có tánh-cách vụ-lợi, dầu mỗi lợi người nhắm vào chỉ là một mối lợi tinh-thần.

Tánh vụ-lợi vốn do dục-vọng người mà ra. Muốn cho người không vụ-lợi, ta phải hủy bỏ dục-vọng người. Nhưng khi người không còn dục-vọng, người cũng không còn sống, bởi lẽ, thiếu dục-vọng, sự hoạt-động của người không còn lý-do tồn-tại nữa.

Vậy, sự vị-tha luôn luôn bắt nguồn từ sự vị-kỷ. Trong trường-hợp đó, lấy vị-tha chọi lại vị-kỷ là một điều lầm lạc rất to. Những người chủ-trương hủy bỏ sự vị-kỷ, thật-sự lại làm cho họ vị-kỷ hơn. Một số học phái theo chủ-trương thế-giới cho rằng lòng yêu thân-thuộc khiến cho người quên lãng người dung và lòng thương đồng-bào làm cho người bất-công với người ngoại-quốc. Họ dạy người nên hủy bỏ những lòng thương thiên-vị ấy đi để lo cho nhơn-loại.

Nhưng thật-sự, những người hủy-diệt lòng thương gia-đình, tổ-quốc của mình được rồi thì, lại hóa ra dửng dưng với mọi người. Không thương cha mẹ, vợ con, đồng-bào, họ không còn thương ai cả và dưới những khẩu-hiệu có vẻ vĩ-đại, nhưng kỳ thật thì trông rỗng như « phụng-sự nhơn-loại », « phục-vụ nhơn-dân », họ chỉ nghĩ đến cá-nhơn họ. Sự tàn ác của những đảng-viên cộng-sản một phần do nơi chỗ họ diệt những tình-cảm tốt với người gần họ và thay vì trở thành hoàn-toàn vị-tha, lại hóa ra vị-kỷ một cách hẹp hòi.

Về phương-diện này, ta có thể bảo rằng Nho-giáo đã có một chủ-trương hợp-lý hơn khi dạy người đi từ chỗ gần đến chỗ xa, từ cái vị-kỷ đến cái vị-tha, bắt người *tu-thân* và *tề-gia* trước khi *trị-quốc*, *bình thiên-hạ*.

Nói tóm lại, sự vị-kỷ là một kết-quả tự-nhiên của sự sinh-tồn. Sự sinh-tồn, bắt người phải vị-kỷ. Dầu muốn, dầu không, người cũng không sao thoát khỏi sự vị-kỷ ấy. Nhưng ta nên nhớ rằng có sự vị-kỷ ngu độn và sự vị-kỷ sáng suốt, có sự vị-kỷ hữu-ích và sự vị-kỷ tai-hại, có sự vị-kỷ hẹp hòi và sự vị-kỷ rộng rãi. Giá-trị đạo-đức của mỗi người thật ra chính ở chỗ người vị-kỷ một cách khôn-ngoa hay ngu dại mà thôi.

Một mặt khác, ta cũng không nên cho rằng, phủ-nhận sự vị-tha hoàn-toàn là không công-nhận những tình-cảm tốt đẹp của người. Trái lại, hiểu-biết nguồn gốc những tình-cảm tốt đẹp ấy là một điều cần-thiết để kêu gọi và tăng-cường nó. Không công-nhận qui-tắc dùng sự vị-kỷ để bồi đắp lòng vị-tha thì chẳng khác nào lấy có rằng phân không được thơm tho để vun bón hoa quả mình trồng.

Cái lầm lạc của những chánh-khách và những nhà đạo-đức từ trước đến nay, là bài-xích sự vị-kỷ, và kêu gọi người phụng-sự quyền-lợi chung vì nghĩa-vụ. Thật-sự, muốn cho người phụng-sự quyền-lợi chung, không gì bằng chỉ cho họ thấy rằng quyền-lợi riêng của họ nằm trong quyền-lợi chung ấy. Những chế-độ luân-lý, luật-pháp, không dựa vào sự vị-kỷ của người sẽ không có một nền tảng vững chắc và không sao phụng-sự được con người, cũng như cây cối không bón phân không thể sản-xuất được những hoa thơm quả ngọt vậy.

III.- ĐIỀU-KIỆN CỐT-YẾU CHO SỰ SINH-TỒN CỦA NGƯỜI : LUẬT TRANH-ĐẤU.

Ta đã nhận thấy rằng vì kết-cấu của cơ-thể và tâm-hồn mình, vì bản-tánh mình, người luôn luôn hoạt-động để sinh-tồn. sự sinh-tồn là cái động-lực duy-nhứt, cái mục-đích hần-nhiên đại-đồng và vĩnh- viễn của loài người, dầu họ có ý-thức hay không cũng vậy. Giờ ta hãy xem người phải làm gì và phải tuân theo những điều-kiện gì trong sự hoạt-động để đạt mục-đích ấy. Sự quan-sát đời sống quanh ta giúp ta thấy ngay cái định-luật thiên-nhiên chi-phối sự hoạt-động của người : luật tranh-đấu.

A.- LÝ-DO TRANH-ĐÁU VÀ ĐỐI-THỬ CỦA NGƯỜI.

Vật-chất vốn tự nó không bao giờ bất-động. Trên thế-giới, ta không bao giờ tìm được một thể quân-bình ổn-định. Mọi sự vật đều gồm có những lực khác nhau hướng theo nhiều lối khác nhau và tác-động lẫn nhau.

So với các vật-chất thường, sanh-vật lại càng hoạt-động nhiều hơn, vì sự sống cốt là một hoạt-động định hướng nhằm vào mục-đích tự phát-triển. Trong một đám rừng, các loài thảo mộc cầm thú đều có tự-động để bành-trướng. Người tự-nhiên không thoát khỏi công-lệ hoạt-động này.

Đời sống sanh-lý của người chung-qui chỉ là một chuỗi dài giao-hoán hóa-hợp. Nó bị sự chi-phối của những cuộc xung-đột giữa các lực khác nhau. Nền tảng đời sống tâm-lý của người là những bản-năng tạo ra nhiều nhu-cầu dục-vọng, nhiều ý-lực cạnh-tranh nhau để chiếm địa-vị ưu-thế. Đứng về phía trí-tuệ mà nói, người chỉ có ý-thức được nhờ sự hiện-diện của hai yếu-tố khác nhau. Một cảm-giác đồng đều mãi thì người không thể nhận-thức được. Muốn cho ý-thức người chỗi dậy, phải có sự thay đổi, phải có sự đụng chạm giữa trạng-thái đương-hữu, và một trạng-thái mới. Xét về mặt đạo-đức, lương-tâm người thường phải chứng-kiến sự xung-đột giữa những nhiệm-vụ khác nhau, những tư-tưởng đối chọi nhau. Sau hết, muốn tự duy-trì, cá-tánh người cũng phải đương đầu với những yếu-tố ngoại lai và những nguyên-nhơn nội-bộ làm cho nó biến-đổi. Những điều-kiện trên này chỉ rằng con người đã tự mình gồm nhiều lực khác xung-đột lẫn nhau.

Trong sự hoạt-động của người để sinh-tồn, sự xung-đột lại càng rõ rệt hơn nữa. Muốn sống, trước hết, người phải bảo-vệ thân mình và nuôi dưỡng nó. Người muốn chống chọi lại các mối nguy có thể làm hại mạng mình và tìm những món ăn uống cho no đủ.

Những lực-lượng có thể làm hại đến người, cũng như những vật-liệu cần-thiết cho sự bảo-dưỡng thân người đều ở trong thiên-nhiên, trong loài cầm thú, với những vật-chất hữu-hình và những lực-lượng vô-hình của nó, vừa có thể hại đến mạng người, vừa có thể cung-ứng những vật-liệu cần-thiết cho người. Người một mặt phải tìm cách chống lại những vận-động của thiên-nhiên có hại đến mình, một mặt phải ra công tìm kiếm trong thiên-nhiên những món cần cho sự sống của mình và bắt buộc nó phải cung-nạp cho mình.

Đối với những loài động-vật khác, cũng như đối với thiên-nhiên, người vừa phải giữ cho nó không hại đến mình, vừa phải tìm cách giết nó hay chế-ngự nó để lấy xác thịt nó mà dùng, hay bắt nó phụng-sự mình.

Những vật-liệu cần-thiết cho người không phải luôn luôn phong-phú, có đủ cho tất cả mọi người. Muốn giành lấy phần cần-thiết cho mình, người phải tranh nhau với người khác.

Nhưng sự cần dùng của người không phải chỉ thâm vào trong phạm-vi vật-chất. Ngay trong sự tìm lấy những vật-liệu hữu-ích cho mình, người bao giờ cũng có xu-hướng muốn được cái ngon nhứt, đẹp nhứt.

Trong lãnh-vực tinh-thần, người có những ý-tưởng, những tình-cảm. Những ý-tưởng, những tình-cảm của người này không phải luôn luôn giống những ý-tưởng, tình-cảm của người khác. Người không những muốn được tự-do phát-biểu những ý-tưởng, những tình-cảm

của mình, mà còn lại muốn rằng những ý-tưởng ấy được người khác noi theo, những tình-cảm ấy được người khác kính nể. Điều này cũng bắt buộc người tranh nhau với người khác.

Nói tóm lại, muốn sống người phải tranh nhau, mà muốn cho sức sống mình tràn ra ngoài bản-thân mình, người cũng phải tranh nhau.

Như thế, trong sự hoạt-động để sinh-tồn, người luôn luôn gặp những phản-động-lực. Dầu cho người hoạt-động một mình hay hoạt-động chung với nhiều người khác, bao giờ người cũng gặp những trở-lực hay những địch-thủ chống lại mình. Điều này đúng cho đến nỗi người ta có thể lấy sự tranh-đấu làm đặc-điểm cho sự sinh-tồn. « *Sống, tức là tranh-đấu* ». Đó là một sự thật có một giá-trị tuyệt-đối muôn đời.

Từ khi xuất-hiện trên thế-giới đến giờ, người phải luôn luôn tranh-đấu chưa lúc nào ngừng. Người phải tranh đấu với thiên-nhiên, với loài cầm thú, với người đồng-loại. Ba sự tranh-đấu này có một lượt với nhau chớ không phải chia ra thành thời-kỳ, trong mỗi thời-kỳ người phải tranh-đấu với một lực-lượng như Tôn Văn đã nói trong chủ-nghĩa Dân-quyền. Một người dã-man thuở trước cũng như một người văn-minh hiện giờ vừa phải tìm cách tránh mưa nắng, bệnh tật, vừa phải ăn thịt những loài cầm thú và giữ cho nó khỏi ăn thịt mình, vừa phải cạnh-tranh với đồng-loại để tìm đủ những nhu-cầu thiết-yếu cho mình, để khỏi phải từng-phục họ và bắt họ từng-phục mình. Người từ trước đến nay đã phải tranh-đấu với ba lực-lượng ấy, người hiện đương phải tranh-đấu và sau này sẽ tranh-đấu mãi mãi với nó để sinh-tồn.

Ngoài ra, lại còn hình-thức tranh-đấu nữa dành cho những người có một trình-độ khá cao rồi : mình tranh-đấu với mình để chế-ngự những khuynh-hướng thấp kém của mình, để tự bắt buộc mình theo một qui-phạm mình nêu ra. Tánh-cách tranh-đấu của sự tự tu đã hiện ra rõ rệt trong những kinh sách của các tôn-giáo. Người ta đã dùng nhiều từ ngữ chiến-tranh để dạy người theo đạo. Người ta đã nói đến việc dùng gươm trí-tuệ cắt đứt trần-duyên, việc diệt-trừ lục-tặc, việc đấu-tranh với ác-quỉ để giữ thiên-lương.

B.- NHỮNG HÌNH-THỨC TRANH-ĐẤU.

1.- NHỮNG CUỘC TRANH-ĐẤU BẠO TỌN.

Đời sống của người từ ngàn xưa đến giờ, chỉ duy-trì được bằng cái chết của bao nhiêu cầm thú, cây cỏ, bằng sự hủy-diệt không biết bao nhiêu vật-liệu. Người phá-hoại để tự-vệ, để tự dinh-dưỡng, tự điều-trị, để trang-phục, để xây dựng và trang-hoàng nhà cửa, để học hỏi và để quảng-bá tư-tưởng mình. Người lại còn phá-hoại để vui chơi : những cuộc săn bắn câu kéo bao giờ cũng có người mê thích.

Đối với đồng-loại, người cũng có bao nhiêu lý lẽ để tấn công : người đã công kích đồng-loại để ăn thịt họ, để bắt họ làm nô-lệ cho mình, để cướp bóc họ, để thỏa-mãn lòng căm hận, để có quyền được yêu, để giành lấy chánh-quyền và hưởng những mối lợi to tác mà chánh-quyền đem đến. Người đã nhờn danh-nghĩa của những ý-tưởng tôn quý, những tín-ngưỡng cao-siêu mà giết nhau. Người đã xung-đột nhau vì tôn-giáo, vì lý-tưởng, vì đạo-đức. Người đã từng đánh nhau vì tánh hiếu-chiến, người đã đánh nhau để xây dựng hòa-bình.

Những cuộc chiến-tranh đẫm máu giữa các dân-tộc, các quốc-gia thật là không kể xiết : nó là yếu-tố chánh của lịch-sử loài người từ đời thái-cổ cho đến ngày nay. Sự chiến-

tranh có tánh-cách cần-thiết đối với người cho đến người xem nó là một định-luật thiên-nhiên. Trong hầu hết các tôn-giáo ngày xưa, những vị thần oai-quyền như là những vị chủ về việc chiến-tranh.

Những cuộc chiến-đấu giữa người trong một nước để giành chánh-quyền, để có một địa-vị ưu-thắng, để giải-phóng những kẻ bị áp-bức, để chinh-phục tự-do, để bành-trướng tôn-giáo cũng tàn ác và thường xảy ra như những cuộc chiến-tranh giữa các chủng-tộc.

2.- NHỮNG CUỘC TRANH-ĐẤU ÔN-HÒA.

Kể bên những cuộc chiến-tranh có tánh-cách bạo tợn trên này, lại còn những cuộc tranh-đấu ôn-hòa hơn.

Việc xây dựng nhà cửa để tránh mưa tránh nắng cũng như việc canh-tác để có nông-sản làm lương-thực hay làm vật-liệu kỹ-nghệ, đều bắt buộc người phải cố-gắng đối chọi lại thiên-nhiên. Đối với cầm thú, người không phải chỉ sát-phạt mà thôi, người còn biết chăn nuôi nó để nhờ nó giúp mình trong nhiều công việc.

Giữa người với người, sự hoạt-động không phải luôn luôn đưa đến chỗ giết hại nhau. Các dân-tộc có thể cạnh-tranh nhau về mặt kinh-tế ; họ cố tranh thị-trường, cố tạo những hàng-hóa rẻ và đẹp để bán chạy hơn nước khác.

Bên trong một dân-tộc, người cũng có thể tranh-đấu nhau một cách hòa-bình. Những chánh-khách ở các nước dân-chủ cạnh-tranh nhau trong những cuộc vận-động tuyên-cứ, những đoàn người khác nhau đều cố-gắng để đưa đại-biểu vào nghị-viện hay đưa nhơn-viên vào chánh-phủ hầu bảo-vệ quyền-lợi mình. Ngay trong các tu-viện, những tu-sĩ cũng cố để hơn nhau, mặc dầu họ đã từ khước cuộc đời và hướng về Thượng-Đế.

Ta có thể nói tóm lại, rằng trong bất cứ sự giao-thiệp nào giữa người với người cũng có sự tranh-đấu. Ngay đến vợ chồng, cha con trong nhà cũng phải có sự tranh-đấu với nhau để bình vực cá-tánh mình.

C.- HIỆU-QUẢ CỦA SỰ TRANH-ĐẤU VÀ SỰ QUAN-TRỌNG CỦA NÓ.

Tất cả những cuộc tranh-đấu của người, tranh-đấu bạo tợn cũng như tranh-đấu ôn-hòa, đều gồm có hai yếu-tố sau đây : sự hiện-hữu của hai hay nhiều lực khác nhau, về một ý-tưởng về một hay nhiều mối lợi làm phần thưởng cho sự tranh-đấu. Dầu dùng phương-tiện gì, những đối thủ tranh-đấu nhau cũng nhờ sự tranh-đấu quyết-định xem kẻ nào được quyền hưởng những mối lợi họ thêm muốn như nhau. Và kết-quả, ngay trong những cuộc tranh-đấu có tánh-cách ôn-hòa, hay là sự suy-vi của người thất-bại.

Thật-sự, thì người bị dồn vào một tình-thế quyết-liệt không thể tránh được ; chiến-thắng hay chết nếu không thể sống nhục. Người không thắng được thiên-nhiên thì thiên-nhiên hại mạng người, người không sẵn ác thú thì ác thú ăn thịt người, người không chế-nự được sự hoạt-động của đồng-loại thì sự sinh-tồn của người phải bị uy-hiếp. Vì lẽ sự sinh-tồn của người bắt buộc người phải triệt-hạ đối-thủ, nó có tánh-cách xâm lấn và thường đưa đến sự sát-phạt.

Trong một cuộc tranh-đấu quyết-liệt có quan-hệ đến sự sống còn của người, thường người ta thấy có thể xuất-hiện một thời-kỳ gọi là thời-kỳ khủng-hoảng. Trong thời-kỳ này, sanh-vật thấy nguy-hiểm đến mình hay cảm thấy mất tất cả sự cân dùm thủ thắng. Bản-năng sinh-tồn của nó bị kích-thích mãnh-liệt. Tất cả sanh-lực của nó tập-trung lại và giúp nó đánh một phát cuối cùng để thủ thắng hay tháo thân.

Nhờ sự tập-trung sanh-lực này, sanh-vật có thể làm được những việc khó khăn mà bình-thường nó không làm được. Một bài thơ ngụ-ngôn Pháp kể chuyện con chiên gặp mưa, nghe tiếng sấm sét ì ầm thì hoảng-hốt chui vào bụi gai, không sợ đau đớn. Đến khi mưa tạnh, nó sợ gai mọc không dám chun ra.

Trong chuyện tiểu-lâm của ta cũng có chuyện anh học nghề ăn trộm bị chủ nhà rượt, phải chun vào bụi gai, rồi không ra được. Đến sáng, anh ta gặp thầy đi kiếm, mới năn nỉ ông này phác sạch gai cho mình ra. Nhưng ông này chỉ cần la to lên : « *Bớ người ta, thầy ăn trộm đây rồi !* " để khiến cho anh ta vọt ra khỏi bụi gai mà chạy về nhà.

Những câu chuyện trên đây không phải chỉ là chuyện bịa, nó miêu-tả một trạng-thái có thật của cuộc chiến-đấu. Trong khi người say mê tranh-đấu và bị kích-thích, những khả-năng tiềm-thể của người có thể bộc-phát và làm người tự vượt lên trên giá-trị bình-thường của mình. Những kẻ nhảy xuống sông hay xông vào lửa để cứu người, những chiến-sĩ xông xáo trên bãi chiến-trường mặc dầu đã bị thương, đều ở vào tình-trạng trên đây.

Như vậy, sự tranh-đấu có thể đem nguy-hiểm đến cho người, nếu có khiến cho người sát-phạt sanh-vật khác, cũng mang đến cho người ngoài cái lợi mà sự chiến-thắng đưa đến cho người : đó là sự tiến-hóa của người. Nó làm phát-triển những khả-năng tiềm-thể, và khiến cho người giỏi hơn, tự-tin nơi mình hơn.

Sự xung-đột giữa các khuynh-hướng cao và thấp của người có ý-thức, có thể kiện-toàn tinh-thần đạo-đức của người. Sự xung-đột giữa các ý-tưởng khác nhau trong trí óc người cũng làm cho trí-tuệ người mở mang thêm. Về phương-diện xã-hội, ta có thể bảo rằng, chính sự cân dùm tranh-đấu đã bắt con người hợp-quần nhau lại. Các bộ-lạc, tiêu-bang, quốc-gia, dân-tộc, chỉ thành-lập được nhờ sự cân dùm phải tự vệ đối với các đoàn-thể người khác, hay để tấn-công các đoàn-thể ấy.

Trong lịch-sử, quá-khứ, những chủng-tộc đã đóng một vai tuồng trong sự tiến-hóa của nhon-loại đều là những chủng-tộc tổ-chức theo lối quân-sự. Sự vận-dụng hết nhon-lực và tài-lực của đoàn-thể để đối-phó với địch-thủ đã làm cho cả xã-hội tiến lên về phương-diện tổ-chức, cũng như về phương-diện kết-quả vật-chất và tinh-thần thâm-hoạch được. Như thế, ta có thể quả-quyết rằng sự tranh-đấu không những là điều-kiện căn-bản của sự sinh-tồn, mà còn là điều-kiện cốt-yếu của sự tiến-hóa nữa.

Sự tranh-đấu tất-yếu cho sự sinh-tồn đến nỗi nó tạo cho người một bản-năng đặc-biệt là bản-năng tranh-đấu. Nó gây cho người ý muốn chiến-thắng trong mọi hoạt-động, ngay trong những trò chơi, ngay trong những hành-động có vẻ không vụ-lợi. Thật ra, đối với một số đông người, không có gì thích- thú mê say cho bằng sự tranh-đấu. Ta chỉ cần nhìn một người cờ bạc, tay run run khi dở mấy quân bài thì thấy rõ sự quan-trọng của tinh-thần tranh-đấu ngay trong sự vui chơi. Lòng ganh tị, sự thèm muốn bằng hay hơn kẻ khác, tánh hay châm-biếm để hạ kẻ khác đều dính dáng đến bản-năng tranh-đấu này và thấm nhuần tất cả hoạt-động của người.

Nói tóm lại, sự tranh-đấu sinh-tồn là một định-luật cốt-yếu của đời sống con người. Đó là một hiện-tượng đại-đồng, tuy có thể mang nhiều tên khác nhau : xung-đột, cạnh-tranh, chiến-đấu, tranh-đấu. Thật ra, nó có hiện-tượng duy-nhứt có tánh-cách đại-đồng trong lịch-sử. Nó là định-luật bao quát được tất cả các thời-đại. Nó là cái động-lực đã hướng-dẫn tất cả những hành-vi của loài người, nó là cái chìa khóa giải-thích tất cả những biến-cổ lịch-sử.

Giai-cấp tranh-đấu chỉ là một phần của cuộc sinh-tồn tranh-đấu mà thôi. Nó chỉ là sự tranh-đấu giữa người với người bên trong xã-hội. Nó sỡ dĩ phát-sanh là vì sự sinh-tồn của một số đông người bên trong xã-hội bị uy-hiếp thái quá. Vậy, nó chỉ là một cái bệnh của sự sinh-tồn, chứ không phải là một nguyên-động-lực làm trung-tâm-điểm cho sự hoạt-động của con người. Vì thế, nó không giải-thích được những cuộc tranh-đấu đã xảy ra trong lịch-sử loài người, giữa những dân-tộc, những tư-tưởng, những tôn-giáo khác nhau. Chỉ có sự sinh-tồn tranh-đấu mới giải thích đủ được hết các cuộc xung-đột giữa loài người ; nó bao gồm cả giai-cấp tranh-đấu, dân-tộc tranh-đấu, tư-tưởng tranh-đấu, tôn-giáo tranh-đấu v.v...

IV.- ĐIỀU-KIỆN THẮNG-LỢI TRONG CUỘC TRANH-ĐẤU : SỨC MẠNH VÀ QUAN-NĂNG BIẾN-CẢI.

A.- LUẬT SỨC MẠNH.

Muốn sinh-tồn, người phải tranh-đấu. Sự thất-bại trong cuộc tranh-đấu, dầu là cuộc tranh-đấu ôn-hòa, nhứt-định đưa người đến chỗ suy-vi. Vì thế, người không phải chỉ cần tranh-đấu mà thôi, người còn phải thắng-lợi trong sự tranh-đấu nữa. Sự tranh-đấu vốn hàm ý xung-đột giữa hai hoặc nhiều lực, và trong sự xung-đột này, tất-nhiên lực nào mạnh hơn phải thắng-thế. Vậy, khi đã chấp-nhận rằng tranh-đấu là cần-thiết, ta cũng phải chấp-nhận luật thắng-lợi của kẻ mạnh. Vấn-đề sức mạnh thật ra chỉ có thể là một vấn-đề tương-đối : kẻ thắng là kẻ mạnh hơn người bại « mạnh được, yếu thua », đó là một công-lệ xưa nay, không ai phủ-nhận được.

1.- ĐẠI-LƯỢC VỀ SỨC MẠNH.

a)- LỰC VẬT-CHẤT.

Nói đến sức mạnh, người ta nói đến sức mạnh vật-chất trước hết, vì trên đời, chỉ có những tác-động vật-chất mới đưa đến những hậu-quả rõ ràng. Lẽ cố nhiên là sức mạnh này ở ngay trong vật-chất. Cứ như lời các nhà vật-lý thì thế-giới vật-chất hoàn-toàn bị sự chi-phối của các lực.

Ý-niệm về lực thật ra chỉ là một quan-niệm siêu hình. Theo định nghĩa của các nhà khoa-học, *lực là cái nguyên-nhơn có thể làm cho các vật-chất hoạt-động*. Như thế nó không phải là một vật cụ thể.

Tuy nhiên, ta vẫn có thể chấp-nhận ý-niệm về lực, vì ta có thể qui các lực về những biểu-lộ vật-chất mà ta kiểm-soát, đo lường được. Về phương-diện khoa-học, người ta nhận-định ra các lực nhờ sự gia- tốc, sự thay đổi tốc-độ, và đo lường các lực ấy bằng số công cung-cấp .

Như thế, thật ra, người chỉ nhận-thức và đo lường những hiện-tượng do lực gây ra, nhưng điều này đủ cho ta thấy rõ rằng lực vốn có.

Sự quan-sát chi tỏ rằng các hiện-tượng biểu-hiệu của lực kể ra trên này đều có trong nền tảng của mọi thực-tại. Một đồ vật có thể xem như là một tổng-số của những đặc-tánh vật-lý, tức là những khả-năng tác-động và phản-động của nó đối với ngoại-giới. Thêm nữa, tất cả các đơn chất đều có thể qui-định được nhờ một đặc-tánh chung : trọng-lượng nguyên-tử, vốn cũng là một lực. Sau hết, người ta cũng đã phân-tích đến nguyên-tử và tìm thấy rằng nó là một hệ-thống điện-lực.

Vậy, lực là một yếu-tố làm cơ-sở cho cả vật-chất. Mọi vật tác-động được đều do lực, mà các vật ta thấy bất-động, thật ra cũng do lực chi-phối, vì sự bất-động chỉ là một trạng-thái quân-bình tạm-thời giữa các lực đồng sức nhau và chế-ngự nhau. Một số nhà bác-học cho rằng những phản-ứng hóa-hợp cũng chỉ là sự cải-tổ những nhóm lực đặc-biệt. Như thế trong giới vật-chất, tất cả đều qui về lực vật-chất. Đối với những nhà khoa-học, nó là thực-tại nguyên-thủy vậy.

b)-SỨC MẠNH THỂ -CHẤT VÀ TINH -THẦN CỦA NGƯỜI.

Người vốn có một cơ-thể, tức là một khối vật-chất có thể tác-động trên các vật-chất khác. Ta đã thấy rằng, lực là cái nguyên-nhơn làm cho các vật hoạt-động. Với tay, chơn, thân-thể mình, người có thể làm cho những vật quanh mình di-động hay biên-tánh đi. Vậy, cơ-thể người có một cái lực, lực đó là sức mạnh thể-chất của người. Nó tùy theo kết-cấu của bắp thịt, của bộ xương, của các khí-quan, tùy theo sự di-truyền, sự phát-dục và sự tập-luyện của người mà to nhỏ khác nhau cho từng người một.

Nhìn người đang cử-động, ta thấy sức mạnh thể-chất trước hết. Do đó, khi nói đến sức mạnh của người, người ta thường nghĩ đến sức mạnh thể-chất ấy. Nhưng người vốn là một sanh-vật cao-đẳng và những khả-năng đặc-biệt của người còn giúp cho người một sức mạnh khác nữa mà ta gọi là sức mạnh tinh-thần.

Ta đã biết rằng, về phương-diện tâm-lý, hành-động của người bị các bản-năng và khuynh-hướng chi-phối. Bản-năng là nguyên-lý hoạt-động của người, chính nó điều-khiển và sử-dụng được sức mạnh thể-chất của người trong các hành-động vô ý-thức cũng như các hành-động ý-thức.

Những khả-năng của tâm-hồn người vốn cũng tùy-thuộc các bản-năng, và cũng có đóng một vai tuồng trong sự thúc đẩy người hoạt-động. Lý-trí người không phải chỉ phân-biệt, phán-đoán mà thôi, nó còn biết chọn lựa tức là hướng người về một đối-tượng sau khi phán-đoán. Tình-cảm người thường giữ nhiệm-vụ của một yếu-tố điều tiết để kích-thích hay kềm chế các năng-lực của người và thúc giục người hành-động. Ý-chí của người, một mặt, giúp lý-trí trong sự quyết-định việc chọn lựa đối-tượng, một mặt, giúp tình-cảm trong sự vận-dụng các năng-lực của người, và duy-trì sự tác-động của người đến một mực nào đó.

Nếu ta dựa vào định-nghĩa đã nêu ra trên đây, theo đó, lực là cái nguyên-nhơn làm cho các vật hoạt-động, ta có thể bảo rằng, bản-năng của người cùng với lý-trí, tình-cảm và ý-chí của người có thể đều được xem là những lực, vì nó khiến cho người hoạt-động. Một số những lực này có tánh-cách đặc-biệt mà vật-chất ngay đến các loài động-vật khác đều không có. Như

thể, người ta rất hữu-lý mà nhận rằng người có một sức mạnh đặc-biệt gọi là sức mạnh tinh-thần.

Sức mạnh tinh-thần của người tự-nhiên có liên-quan với sức mạnh thể-chất một cách chặt chẽ. Nó phải dựa vào cơ-thể người mới biểu-lộ ra được, và muốn ảnh-hưởng đến ngoại-giới, nó phải nhờ đến sức mạnh thể-chất của người. Vì đó, sự phân-biệt phần sức mạnh thể-chất với phần sức mạnh tinh-thần trong một cử-động của người hết sức khó khăn. Tuy nhiên, không phải vì thế mà ta có thể qui sức mạnh tinh-thần của người về sức mạnh thể-chất.

Trước hết, nếu sức mạnh thể-chất là cái lực tác-động ra ngoại-giới, sức mạnh tinh-thần lại có thể xem như là cái lực tác-động trên con người, để người sử-dụng sức mạnh thể-chất của mình.

Một mặt khác, vì cơ-thể người có những tánh-cách đặc-biệt làm cho nó phân-biệt với vật-chất thường, sức mạnh tinh-thần của người cũng có những tánh-cách đặc-biệt làm cho nó phân-biệt với các lực vật-chất.

Các lực vật-chất vốn diễn-tiến một cách máy móc, không cứu-cánh, không ý-thức, và thúc đẩy các khối vật-chất với một hiệu-quả luôn luôn đồng đều, làm cho người ta có thể dự đoán những kết-quả một cách dễ dàng. Trong khi đó, sức mạnh tinh-thần của người chẳng những nhắm vào một cứu-cánh mà lại có thể nhờ ý-thức mà thay đổi các mục-tiêu cần đạt, để sau cùng tiến đến cứu-cánh trên đây. Nó lại có thể huy-động hết sức mạnh thể-chất hiện có của người, và làm phát-khởi những khả-năng tiềm-tàng trong cơ-thể để tăng-gia sức mạnh thể-chất của người. Ta có thể bảo rằng, sức mạnh tinh-thần của người gán thêm cho sức mạnh thể-chất một chỉ-số đặc-biệt tùy người, khiến cho hiệu-quả của sức mạnh thể-chất không cân-phân với sức mạnh cân-lực mà ta phỏng-đoán nơi mỗi người.

Xét về bản-chất, sức mạnh thể-chất của người có thể so sánh với lực vật-chất được, vì người ta có thể đo lường nó như người ta đã đo lường các lực vật-chất. Sức mạnh tinh-thần của người vì tánh-cách đặc-biệt của nó nên không thể đo lường được. Nó biến sức mạnh thể-chất thành một sức mạnh đặc-biệt khác với lực vật-chất ở chỗ hiệu-quả nó thay đổi tùy lúc một cách bất ngờ. Trong sự tác-động trên thế-giới vật-chất, sức mạnh tinh-thần của người giúp người nhận-thức các lực thiên-nhiên, và dùng sức mạnh thể-chất của mình mà vận-dụng những lực thiên-nhiên ấy trong sự đối-phó với những lực thiên-nhiên khác để đem phần thắng-lợi về mình.

2.- VAI TƯỜNG CỦA SỨC MẠNH TRONG SỰ TRANH-ĐẤU.

Thế-giới vật-chất có thể qui về các lực vật-chất, còn người thì có sức mạnh thể-chất và sức mạnh tinh-thần. Như thế, cả thực-tại đều lấy lực hay sức mạnh làm gốc, và sức mạnh tự-nhiên trở thành một yếu-tố quan hệ trong sự tranh-đấu.

Trong những cuộc tranh-đấu bạo tợn giữa loài thú, ta phải công-nhận sức mạnh thể-chất là yếu-tố đáng kể hơn hết. Giữa hai con thú tranh-đấu nhau, con nào có một thể-xác to hơn, có một sức mạnh cơ-thể dồi dào hơn thường nắm phần thắng-lợi. Tuy nhiên, ta đã có thể nhận thấy, trong đó có một vài yếu-tố khác phụ thêm vào như sự hướng về một chủ-đích, trí khôn, và lòng can-đảm. Những yếu-tố này là mầm mống của sức mạnh tinh-thần. Nhưng ở loài thú, nó chưa phát-triển đến mức cải-biến sức mạnh thể-chất và đóng một vai tường trọng-yếu như ở con người.

Trong sự tranh-đấu của người, sức mạnh thể-chất vẫn còn quan-trọng. Những người có một cơ-thể cường-tráng thì chống chọi lại thiên-nhiên với nhiều hy-vọng thắng-lợi hơn những người yếu yếu. Họ đương đầu với sự thay đổi thời-tiết, với mưa nắng, với bệnh tật, và thực-hiện những dự định của họ trong sự chế-ngự thiên-nhiên, bắt buộc thiên-nhiên cung-ứng cho mình những món mình cần dùng một cách dễ dàng hơn.

Tuy thế, với người, vai tuồng của trí óc đã mở mang đến một mức hết sức rộng rãi. những tri-thức, kỹ-thuật, sự khéo léo, óc sáng-kiến là những yếu-tố giúp người rất nhiều trong sự thắng-lợi. Những đức-tánh tốt như lòng can-đảm, óc nhiệt-tín, tánh kiên-nhẫn, sự phục-tùng kỹ- luật cũng vô-cùng hữu-ích cho người. Như vậy, sức mạnh tinh-thần của người đã tham-dự một phần lớn vào sự tranh-thắng của người. Nó làm cho những người yếu đuối có thể thâm-hoạch một kết-quả tốt hơn những người mạnh khỏe. Một người nhỏ bé khôn ngoan và kiên-nhẫn thường tạo được nhiều công-trình hữu-ích hơn một người to lớn, nhưng đần độn hoặc không trì chí.

Người ta có thể bảo rằng trong phần lớn những cuộc tranh-đấu giữa người với thiên-nhiên, thật-sự chỉ có những lực-lượng vật-chất chống lại lực-lượng vật-chất : chính những dụng-cụ, máy móc và những năng-lực vật-chất mà dụng-cụ và máy móc ấy cung-cấp cho người đã chế-ngự được những lực-lượng thiên-nhiên đối thủ của người.

Nhưng thật-sự, việc chế-tạo và sử-dụng những dụng-cụ, máy móc, việc nhận-thức được những lực-lượng thiên-nhiên và phương-pháp ích-dụng những lực-lượng ấy một cách có lợi cho người, không thể xem là một tác-động của sức mạnh thể-chất được.

Một mặt khác, cùng với những dụng-cụ máy móc như nhau, những người có một sức mạnh thể-chất ngang nhau có thể đi đến những kết-quả khác nhau, vì trí tuệ và đức-tánh họ không bằng nhau.

Sau hết, có những trường-hợp trong đó sức mạnh tinh-thần đóng một vai tuồng quyết-định : nhiều người bệnh nặng hoặc tàn-tật chỉ nhờ một nghị-lực cương-cường mà thoát chết, hay cử-động một cách gần như bình-thường được.

Như vậy, ta không phủ-nhận được vai tuồng cốt-yếu của sức mạnh tinh-thần trong sự tranh-đấu giữa người với thiên-nhiên.

Vai tuồng cốt-yếu càng hiện ra rõ rệt trong sự tranh-đấu giữa người và loài cầm thú. Sức mạnh thể-chất của người vốn kém cõi hơn sức mạnh thể-chất nhiều loài khác. Lúc hãy còn thấp kém như các thú ấy, người phải chặt vật vô-cùng mới khỏi phải chết vì chúng. Nhưng nhờ sự mở mang của trí khôn, nhờ những đức-tánh tinh-thần quý báu, người đã lần lần tiến lên địa-vị ưu-thắng. Hiện nay, người có thể tiêu-diệt các loài thú dữ một cách dễ dàng và bắt được nhiều loài thú khác phục-dịch mình.

Trong những cuộc tranh-đấu giữa người với người, giá-trị của sức mạnh tinh-thần lại càng gia-tăng vạn-bội. Ta có thể bảo rằng, không có cuộc tranh-đấu nào giữa người với người mà không có sự tham-dự của sức mạnh tinh-thần. Theo lý đương-nhiên thì hai người đánh nhau, người to lớn hơn, nắm phần ưu-thế hơn, và trong hai khối người tranh-chiến nhau, khối đông hơn có nhiều hy-vọng thắng-lợi hơn. Nhưng với lòng can-đảm, với chí quyết-thắng, với kỹ-thuật tranh-đấu cao hơn, một người yếu đuối có thể hạ được một người to lớn hơn. Với một kỹ-luật chặt chẽ hơn, một tinh-thần tác-chiến cao hơn hoặc những khí-giới tinh-xảo hơn,

một đạo quân nhỏ có thể thắng một đạo quân lớn hơn mình. Tài những người chỉ-huy quân-sự ngày xưa đến nay vẫn làm cho binh-sĩ phấn-khởi lên, mang hết năng-lực mình ra bỏ vào cuộc chiến-đấu, và tập-trung các năng-lực này ghép lại vào sức tàn-phá do khí-giới cung-cấp cho mình, rồi điều động khối lực-lượng trong tay mình như thế nào cho nó có hiệu-lực tối-đa, tràn ngập cả lực-lượng của địch.

Nếu trong những cuộc tranh-đấu bằng bạo-lực, sức mạnh tinh-thần đã có đóng một vai tuồng quan-trọng và nhiều khi chuyển bại thành thắng được, thì trong những cuộc tranh-đấu ôn-hòa, sức mạnh tinh-thần càng trở thành chủ-yếu.

Sự học hỏi, tìm tòi, sự khảo-cứu phát-minh, phần lớn dựa vào trí-tuệ và những đức-tánh của người. Những hoạt-động kinh-tế có mục-đích vận-dụng vật-chất, những sự cạnh-tranh kinh-tế càng ngày càng có tánh-cách kỹ-thuật và kêu gọi đến sức mạnh tinh-thần nhiều hơn thể-chất của người.

Trong những cuộc hoạt-động chánh-trị ở các nước dân-chủ, sự thắng-lợi nghiêng về số đông. Nhưng muốn cho số đông theo mình, một chánh-đảng cần phải có tổ-chức, có kỷ-luật, có một chương-trình hoạt-động thích-hợp với tình-thế, một hệ-thống lý-luận chặt chẽ và hấp-dẫn. Xã-hội càng tiến-bộ thì sự tổ-chức và lý-thuyết chánh-trị càng cần-thiết để nắm được số đông, hầu thắng-lợi trong trường chánh-trị.

Sau hết, trong xã-hội loài người, lại còn một sức mạnh minh mông là sức mạnh của dư-luận. Lòng tin tưởng chung có thể thúc đẩy hàng triệu người đương đầu với sự nguy-hiêm để tranh-chiến nhau, hay để đeo đuổi những công việc vĩ-đại, lắm khi điên rồ. Bầu không khí hăng hái hay thất-vọng, làn sóng căm hận hay cảm kích tràn lan trên một dân-tộc có thể đưa đến những biến-cải không-lò. Những cuộc thánh-chiến thời xưa là kết-quả lòng cảm-kích của những dân-tộc cuồng-tín muốn mở rộng mối đạo của mình. Phong-trào duy-tân mấy thế-kỷ gần đây đã làm thay đổi hẳn xã-hội nhiều nước vùng Trung-Đông và Viễn-Đông.

Dư-luận còn tạo ra phong-tục tập-quán, uốn nắn con người theo khuôn khổ mình. Nó đã đóng một vai tuồng quan-trọng trong sự chế-ngự và điều-khiển sự phát-hiện các bản-năng của người. Mặc dầu đều có bản-năng tình-dục như nhau, người dân-tộc này có thể hoàn-toàn khác người dân-tộc kia trong sự phát-biểu lòng yêu đương và trong sự thiết-lập gia-đình. Chính dư-luận trong nhiều xã-hội đã bắt người con gái phải giữ tiết-trinh, người đàn bà trung-thành với chồng, và người quả-phụ thủ-tiết với chồng quá-vãng. Ở Ấn-Độ ngày xưa, dư-luận cho rằng người quả-phụ xứng đáng phải tự thiêu theo chồng, và mặc dầu luật-pháp không hề bắt buộc, rất nhiều quả-phụ đã noi theo tục-lệ ấy. Đối với những quả-phụ ấy, thà chết thảm-khốc như thế còn hơn là sống mà bị dư-luận khinh bỉ chê bai.

Người bị dư-luận bài-xích thật là khốn-nạn vô-cùng. Những lời chế giễu, những cử-chi khinh-thị của thiên-hạ gây cho họ một bầu không khí khó thở, và luật-pháp hoàn-toàn bất-lực trong sự binh vực họ. Trái lại, người được dư-luận tán-thành có một thể-lực rất mạnh. Những chỗ dở, chỗ xấu của họ được thiên-hạ bỏ qua và một ý-kiến của họ nhiều khi có một hiệu-quả rất to.

Dư-luận có thể hiếp-chế được người, những tánh-cách tinh-thần của nó hết sức là rõ rệt. Nó là một khí giới vô-cùng lợi hại để giúp người chiến-thắng. Bởi đó, người sống trong xã-hội đều phải cố-gắng để chinh-phục dư-luận về mình.

3.- THÁI-ĐỘ CỦA XÃ-HỘI ĐỐI VỚI SỨC MẠNH.

Trong lịch-sử tranh-đấu của loài người từ ngàn xưa đến giờ, sức mạnh bao giờ cũng là yếu-tố chánh, mang sự thắng-lợi đến cho người. Do đó, mặc dầu trên thế-giới, có rất nhiều người lên tiếng phản-đối cường-quyền và bạo-lực – tức là phản-đối sức mạnh – thật-sự, xã-hội không phản-đối sức mạnh. Ngay đến những người chủ-trương đả-đào cường-quyền và bạo-lực cũng chỉ phản-kháng sức mạnh nói một cách trừu-tượng mà thôi. Về phương-diện thực-hành, người ta đã vô-tình hay cố ý, hưởng-ứng theo sức mạnh.

Tất cả mọi người đều thán-phục sức mạnh một cách ý-thức hay vô ý-thức, và lấy nó làm tiêu-chuẩn cho mọi phán-đoán của mình. Những kẻ yếu luôn luôn sẵn sàng chạy theo người mạnh, người mà họ cho là đủ sức bảo-vệ họ, mang đến cho họ những mối lợi họ mong ước, hay đủ sức trừng-trị họ. Trong giới nào cũng vậy, người ta thường hay tuân-lệnh những kẻ nhẩy ra gánh vác lấy việc khó khăn thể cho mình.

Một bằng cớ chắc chắn chỉ tỏ rằng người công-nhận sức mạnh là lòng tín-phục những kẻ thành-công. Ở bất cứ xã-hội nào, người ta cũng đều theo chủ-trương « được là vua, thua là giặc ». Quần-chúng thường tự-nhiên kính-trọng những kẻ chiến thắng, dầu họ là quân-nhon, là bác-học, là nghệ-sĩ, là nhà thể-thao hay là nhà chánh-khách cũng vậy.

Phần lớn dân-chúng đều kính nể những nhà chức-trách thi-hành được trọn vẹn quyền-hành khiên- chế xã-hội. Người ta chỉ phản-đối chánh-phủ khi chánh-phủ tỏ ra bất-lực. Và những kẻ phản-đối chánh-phủ cũng chỉ phản-đối với lòng tin rằng mình sẽ gây được một sức mạnh khả-đĩ đánh đổ chánh-phủ sau này.

Lòng tôn thờ sức mạnh cũng hiển-hiện trong óc thích được làm quan của hầu hết mọi người. Những sắc-phục, cấp-hiệu của sĩ-quan, những lễ-phục của những công-chức, có một sức hấp-dẫn rất lớn đối với đám đông. Tiền-tài vốn là một phương-tiện để được gần những người có oai thế nên lần lần cũng được người trọng-vọng. Những người giàu có, nếu không được người ta ưa thích, cũng được họ kiêng nể hay sợ hãi.

Trong những hội-nghị quốc-tế, những dân-tộc hùng-cường bao giờ cũng có thế-lực hơn và được kính nể hơn những dân-tộc nhược-tiểu. Ảnh-hưởng của một dân-tộc đối với các dân-tộc khác do nơi sức mạnh của dân-tộc ấy rất nhiều. Thuở xưa, dân-tộc Trung-Hoa hùng-cường nhưt Á-Châu và dân-tộc Việt-nam cũng như các dân-tộc Viễn-Đông khác, hết sức tôn-trọng nền văn-hóa Trung-Hoa. Nhưng đến thế-kỷ thứ 20, khi các cường-quốc Âu Mỹ tràn vào Á-Châu và tỏ ra hùng-cường hơn Trung-Hoa rất nhiều, nền văn-hóa Trung Hoa đã bị xem thường và tiếng « ba tàu » trong ngôn-ngữ Việt-nam lại hàm ý-nghĩa chế giễu và khinh bỉ.

Vậy, xã-hội thường tôn-trọng những kẻ thành-công. Mà như ta đã thấy, sự thành-công do nơi sức mạnh mà ra. Và hoan-hô kẻ chiến thắng, tức là chấp-nhận tôn thờ sức mạnh.

Điều mà người ta phản-đối, chính là việc dùng sức mạnh thể-chất một cách cục mịch và không phương-pháp, không theo một đường lối, một kỷ-luật nào. Trái lại, một sức mạnh khôn ngoan, áp-dụng một cách đồng đều và có qui-củ, luôn luôn được người tán-thành. Bởi đó, thật-sự, xã-hội không phải chọi lại sức mạnh, mà chỉ muốn qui-định cách dùng sức mạnh như thế nào cho nó có một hiệu-lực tối-đa.

Những người dùng mưu mẹo gian-hùng, sỏ-dĩ bị người ta thóa-mạ là vì họ không dựa vào sức mạnh thể-chất hay tinh-thần thật-sự của họ, họ chỉ lợi-dụng trong một thời-gian

những sức mạnh ở bên ngoài họ. Thêm nữa, việc họ bị thóa-mạ chỉ tỏ rằng họ đã bị thất-bại một phần nào trong sự hoạt-động của họ, hoặc vì mưu mẹo họ không đủ khéo léo để che giấu dụng-ý sâu sắc của họ, hoặc vì những lực-lượng họ huy-động chưa đủ sức để chế-ngự hẳn những lực-lượng đối-lập.

Một số nhơn-vật lịch-sử đã từng thành-công rực rỡ, nhưng về sau, lại bị hậu-thế nhiệt-liệt bài-xích. Tần Thủy-hoàng, Thành-cát-tur-hãn, Hitler đã bị nhơn-loại thán-oán vô-cùng. Điều này có vẻ nghịch lại luật thắng-thế của sức mạnh. Kỳ thật, nó chỉ đặt vấn-đề thành-công trong một phạm-vi rộng lớn hơn mà thôi. Những nhơn-vật kể trên này quả thật có thành-công lúc sanh-thời, nhưng sự thành-công của họ chỉ tiêu vào một thời-gian ngắn. Sự thắng-lợi do sức mạnh đem đến cho họ chưa hủy-diệt được hết các đối-thủ của họ, và không uốn nắn được quần-chúng theo khuôn khổ tư-tưởng của họ.

Những sĩ-phu Trung-Hoa sống sót sau những cuộc « *phần thơ khanh nho* » đã huy-động được quần-chúng Trung-Hoa lật đổ nhà Tần. Thành-cát-tur-hãn và hậu-duệ ông chỉ xây dựng một triều-đại ngắn ngủi ở Trung-Hoa, và dân-chúng ông về sau lại bị người Trung Hoa chinh-phục về mặt văn-hóa và tinh-thần, Hitler đã bị thóa-mạ vì nước Đức đã thảm-bại trong trận thế-giới đại-chiến vừa qua.

Trong lịch-sử của nhơn-loại, những người đã hoàn-toàn thắng đối-phương, dầu có tàn-nhẫn, cũng không hề bị chỉ-trích. Các lãnh-tụ Hán-tộc đã tiêu-diệt Miêu-tộc vẫn được tôn-kính : Huỳnh-đế được xem là một vị thánh-nhơn trong khi Xuy-vuru bị cho là tướng giặc. Nếu trong lịch-sử Việt-nam Ngô Quyền không thành-công trong việc giải-phóng dân-tộc và những triều-đại tiếp theo ông không giữ được nền độc-lập, dân-tộc ta hẳn đã bị Hán-tộc đồng-hóa và người ta đã chấp-nhận quan-niệm của Lê Tắc theo đó, Mã Viện và các tướng Trung-Hoa sang chinh-phục nước ta là những bậc anh-hùng, trong lúc bà Trưng, bà Triệu và những người hiện được chúng ta sùng-bái vì công-nghiệp cứu-quốc của họ bị xem như là tội-nhơn.

Giả-sử, ngày mai, các lãnh-tụ cộng-sản chinh-phục được thế-giới, chế-ngự được cả hoàn-cầu, đào-luyện được mọi người theo khuôn khổ họ, và bộ máy cai-trị họ dựng lên không đến nổi tan vỡ vì sự cạnh-tranh của họ, nhơn loại sau này sẽ nâng những con người tàn-nhẫn vô-nhơn-đạo của thế-giới đó ấy lên mực thánh-thần y như dân-chúng Nga đang làm hiện giờ, cho đến khi nào chế-độ cộng-sản bị đánh đổ.

4.- LUẬT-PHÁP VÀ SỨC MẠNH.

Sức mạnh là điều-kiện thắng-lợi trong sự tranh-đấu sinh-tồn của người. Mặc dầu nhiều người đã nhơn-danh đạo-đức mà phản-kháng cường-quyền, hầu hết mọi người đã vô-tình hay cố-ý thán-phục kẻ mạnh, tức là kẻ thắng-lợi. Do đó, sức mạnh đóng một vai tuồng rất quan-trọng trong đời sống xã-hội của người; hơn nữa, ta có thể bảo rằng nó là nền tảng của xã-hội.

Xét lịch-sử thế-giới và quan-sát đời sống của các xã-hội loài người hiện-tại, ta có thể nhận thấy rằng các quốc-gia chỉ thực-hiện và duy-trì được nhờ võ-lực. Hai yếu-tố quan-trọng tất-yếu để định-nghĩa một quốc-gia là chánh-quyền và chủ-quyền. Cả hai đều hàm-ý rằng quốc-gia có những khả-năng rất lớn, một mặt để chế-ngự nhơn-dân, một mặt để đối-phó với các quốc-gia khác. Quốc-gia nhỏ nào không đủ sức mạnh thì có thể bị ngoại-quốc uy-hiệp và mất cả chủ-quyền, tức là bị diệt. Không như thế, dân-chúng có thể lật đổ chánh-quyền để tạo nên một chánh-quyền khác, và quốc-gia phải bị biến-cải đi. Vậy, chánh-quyền và chủ-quyền

của quốc-gia vẫn lấy sức mạnh làm nền tảng, và những chế-độ xã-hội đều phải dựa vào sức mạnh của quốc-gia.

Ngay đến những ý-niệm luật-pháp và công-lý mà người ta nêu ra để đòi chọi lại nguyên-tắc sức mạnh, thật ra, cũng phải nhờ sức mạnh mới có hiệu-quả. Người Pháp đã có câu nói « *Không có những người hiến binh, những vị thẩm-phán chỉ là những anh chàng mơ mộng mà thôi* ».

Xét nguồn gốc luật-pháp, ta lại càng thấy rõ yếu-tố sức mạnh bên trong. Thời-kỳ tiền xã-hội, con người sống hoàn-toàn theo ý mình và giải-quyết mọi xung-đột với kẻ khác theo sức mạnh riêng của mình. Sự giết hại nhau là một việc tự-nhiên, và cuộc tranh-đấu sinh-tồn hết sức là rùng rợn. Điều này có hại nhiều, không những cho cá-nhơn, mà còn cho chủng-loại nữa. Cá-nhơn có thể bị giết hại bất cứ lúc nào, và chủng-loại bị suy yếu nhiều vì cuộc tương-tàn giữa người đồng-loại.

Khi người họp nhau lại sống chung nhau, những bản-năng xã-hội lần lần nảy nở. Một mặt khác, những nhóm người còn giữ những tập-quán của đời sống cô-độc ngày xưa, và giết hại nhau hằng ngày bên trong đoàn-thể, tất-nhiên phải yếu sức, và bị các nhóm người có một tổ-chức nội-bộ vững chắc hơn tiêu-diệt đi. Do sự đào-thải đó, bản-năng xã-hội của những người sống sót càng ngày càng mạnh lên. Sau cùng, những bản-năng xã-hội này họp với bản-năng tự-vệ của cá-nhơn để đưa đến ý-niệm công-lý và luật-pháp.

Công-lý và luật-pháp theo nguyên-lý thì ngược lại xu-hướng của người muốn tự mình dùng sức mạnh đối-phó với đồng-loại khi có sự xích mích. Tuy thế, nó không phải bỏ ý-niệm sức mạnh. Nó chỉ hợp-thức-hóa sự dùng sức mạnh. Nó lấy quyền sử-dụng sức mạnh của cá-nhơn giao cho đoàn-thể. Mà người cầm đầu đoàn-thể trong thời-kỳ mù mịt của buổi xã-hội mới lập thành là con người mạnh, đủ sức chế-ngự những con người khác để giữ oai-quyền mình.

Xã-hội về sau mở mang tiến-bộ thêm ; cách tuyển chọn người cầm đầu các đoàn-thể loài người có thay đổi. Nhưng chung-qui, nguyên tắc oai-quyền tuyệt-đối của quốc-gia vẫn giữ mãi cho đến bây giờ. Công việc làm luật-pháp và xử kiện có thể giao cho một cơ-quan đặc-biệt khác với cơ-quan hành-pháp, nhưng dầu sao, người ta cũng phải nhờ có cơ-quan hành-pháp mới thi-hành được luật-pháp. Vậy, chỉ có thủ-tục là thay đổi, còn nội-dung vấn-đề vẫn còn nguyên vẹn, không biến-chuyển chút nào.

Với ý-niệm công-lý và luật pháp, việc dùng sức mạnh để giải-quyết mọi xung-đột giữa cá-nhơn được dành cho xã-hội. Ta đã thấy rằng, sự thật, thì cũng chỉ có những kẻ mạnh mới nắm được quyền-chánh mà điển-chế và thi-hành luật-pháp. Trong những vụ kiện-tụng, những kẻ mạnh này nhờ sự trung-gian của các nhơn-viên tư-pháp mà quyết-định phần thắng-lợi cho những người tranh-chấp nhau. Do đó, sức mạnh được dùng của những kẻ đưa nhau ra trước tụng-đình có một tánh-cách xã-hội rõ rệt hơn. Nó không phải dựa vào thể-chất, trí khôn ngoan hay đức-tánh của họ mà dựa vào qui-chế do quốc-gia tạo ra. Tuy nhiên, thể-lực của tiền-tài, danh-vọng và sự khôn ngoan trong việc theo thủ-tục pháp-lý cùng việc trả lời cho những câu hỏi của tòa-án cũng có đóng một vai-tượng khá quan-trọng.

Thêm nữa, thật-sự thì luật-pháp đặt ra để hợp-thức-hóa những oai-quyền của kẻ mạnh. Những người nắm được quyền-chánh – tức là những kẻ mạnh nhứt trong xã-hội – tất-nhiên phải điển-chế những luật-lệ trong xã-hội như thế nào cho quyền-lợi của chính họ, của gia-đình thân-thuộc họ, và của hạng người ủng-hộ họ được bảo-vệ một cách đắc-lực nhứt. Ngay đến

những nhóm người chủ-trương xây dựng một xã-hội cộng-sản không giai-cấp cũng không thoát khỏi công-lệ trên này.

Quyền-lợi những hạng người cầm-quyền-chánh có thể thay đổi. Do đó, luật-pháp có thể thay đổi theo dân-tộc, theo thời-đại.

Sau những sự thay đổi luật-pháp, nhiều khi sự thay đổi những mối tương-quan lực-lượng giữa các hạng người trong nước hiện ra một cách rõ ràng. Trước kia, sự lập hội và đình-công phá sở của thợ thuyền là một trọng-tội, bị trừng-phạt nặng nề. Đến khi hàng-ngũ thợ thuyền đông đảo, họ họp nhau thành những chánh-đảng cách-mạng tranh-đấu để đòi quyền lập hội, các chánh-phủ dân-chủ lần lần công-nhận cho người vô-sản có quyền lập nghiệp-đoàn và đình-công để bảo-vệ quyền-lợi họ. Ở nhiều nước dân chủ tự-do, thợ thuyền đã đi quá mức ấy, và những cuộc đình-công của họ nhiều khi có tánh-cách vận-động chánh-trị hơn là tánh-cách bình vực quyền-lợi nghề-nghiệp. Nhưng sau đó, ở nước Đức Quốc-xã, nước Ý Phát-xít cũng như ở những nước mà đảng Cộng-sản Đệ Tam nắm được chánh-quyền, thợ thuyền lại bị khép vào một kỷ-luật khắc-nghiệt. Các nghiệp-đoàn vẫn tồn-tại, nhưng quyền đình-công lại bị hủy-diệt đi và chung-qui, những tổ-chức thợ thuyền chỉ được dùng để phụng-sự chánh-phủ.

Về phương-diện quốc-tế, các luật-pháp cũng đặt nền tảng trên sức mạnh quốc-gia. Những hiệp-ước ký-kết chỉ dựa vào sự tương-quan lực-lượng giữa các nước, và những tổ-chức quốc-tế lấy làm lý-tưởng việc phụng-sự nhơn-loại, phụng-sự hòa-bình trong công-lý, cũng vẫn long-trọng nhìn nhận các hiệp-ước bất-bình-đẳng do các nước đế-quốc dùng võ-lực mà bắt các dân-tộc nhược-tiểu ký-kết với mình. Hội Quốc-liên trước kia, và Liên-hiệp-quốc hiện thời đều ở vào tình-trạng đó. Vì thế, các dân-tộc nhược-tiểu, nếu có đem vấn-đề nước mình ra trước hội-nghị quốc-tế, cũng chỉ để lợi-dụng sự xung-đột quyền-lợi giữa các cường-quốc mà đem sự thắng-lợi về cho mình. Chớ không thể tin tưởng nơi tinh-thần công-lý của các tổ-chức quốc-tế.

B.- LUẬT BIẾN-CÁI.

Sức mạnh đã đóng một vai tuồng trọng-hệ và trong lịch-sử võ-trụ, lúc nào ta cũng thấy nó hiện ra. Tuy thế, có nhiều trường-hợp, yếu-tố sức mạnh không đủ để giúp cho sanh-vật được sinh-tồn chắc chắn.

Khoa cổ-sanh-vật-học cho ta biết rằng, thời tiền-sử, có không biết bao nhiêu giống thú khổng-lồ. Sức mạnh của chúng so với những thú khác trong ấy có tiên-tổ loài người – lúc đó hãy còn là một thú thú tâm-thường chưa có trí tuệ – thật là lớn hơn vạn bội. Nhưng những con thú ấy đã bị tiêu-diệt từ lâu, trong khi nhiều loại bọ nhỏ hơn người rất nhiều – và tất-nhiên có một sức mạnh không đáng kể so với các thú khổng-lồ kia – hãy còn tồn-tại đến ngày nay.

Hơn nữa, theo một số ước-lượng của một số nhà khoa-học, nhiều loại bọ và vi-khuẩn có một sức sống mãnh-liệt vô-cùng. Chúng sanh-sản rất nhiều và đương đầu lại sự sát-hại của người một cách có hiệu-lực. Một vài người đi xa hơn nữa, tỏ ý lo ngại rằng những loài ấy sẽ là một mối nguy cho nhơn-loại sau này.

Dẫu không theo chơn những nhà khoa-học quá bi-quan đó, chúng ta cũng phải nhận rằng những điều-kiện trên này có thật, và sức mạnh riêng nó chưa đủ mang sự thắng-lợi về cho các sanh-vật tranh-đấu nhau. Ngoài sức mạnh ra, các sanh-vật còn có một khả-năng khác. Khả-năng ấy là khả-năng biến-cải của sanh-vật. Nó giúp cho sanh-vật uốn mình theo hoàn-

cảnh, tự thay đổi năng-lực mình để ứng- phó với những điều-kiện bất-thuận-lợi, và dùng sức mạnh của mình một cách thích-hợp với tình-thế.

Trong sự sinh-tồn của các chủng-loại, sự biến-cải đóng một vai tưởng cũng quan-trọng không kém sức mạnh, mặc dầu vai tưởng này chỉ được các nhà khoa-học nhận-thức, chứ không được quảng-đại quần-chúng biết đến. Trong giới khoa-học sanh-vật, vấn đề biến-cải trở thành một trong những vấn-đề căn-bản, và các lý-thuyết gia tiến-hóa không ít thì nhiều đều phải dựa vào ý-niệm biến-cải này.

Nói một cách khái-quát, sanh-chất tự nó đã có khuynh-hướng biến-cải, và sanh-vật nào cũng có quan-năng biến-cải, chỉ khác nhau về phần phẩm mà thôi. Tuy vậy, đối với người, quan-năng biến-cải có tánh-cách vô-cùng phức-tạp. Để cho tiện sự khảo-sát, ta có thể phân-biệt hai loại biến-cải, biến-cải của loài thú, biến-cải đặc-biệt của người.

1.- QUAN-NĂNG BIẾN-CẢI CỦA LOÀI THÚ.

Vỡ-trụ là một khối vật-chất biến động không ngừng vì bị sự chi-phối của nhiều lực khác nhau. Sự sống vốn cũng là hoạt-động. Nhưng phải có một số điều-kiện mới có thể duy-trì được. Do sự biến-đổi không ngừng của vỡ-trụ và của thời-tiết, các sanh-vật luôn luôn bị đặt vào hoàn-cảnh mới. Muốn khỏi bị tiêu-diệt, nó phải tự biến-cải để ứng-phó với hoàn-cảnh mới ấy. Ví đó, sanh-vật tự-nhiên có khả-năng biến-cải và lịch-sử những cuộc biến-cải không ngừng.

Trước hết, các nhà sanh-vật-học cho biết rằng lịch-trình tiến-hóa của các loài gồm có nhiều ngẫu- biến. Đó là những sự thay đổi đột ngột trong các vi-nhơn của những tế-bào sanh-dục, làm cho sanh-vật con còn có những tánh-cách thể-chất khác sanh-vật sanh ra nó rất xa. Chính những ngẫu-biến đã làm xuất-hiện nhiều loại sanh-vật khác nhau từ những sanh-chất nguyên-thủy.

Tuy thế, những tác-nhơn gây những ngẫu-biến hiện nay chưa được biết một cách rõ ràng. Thêm nữa, những ngẫu-biến không phải hướng cả về sự bảo-vệ sự sinh-tồn của các loài. Nếu nó có thể đưa một sanh-vật đến một hình-thức cao hơn, nó cũng có thể làm cho sanh-vật tuyệt-chùng được. Sau hết, nó có tánh-cách ngẫu-nhiên và không thể xem là một khả-năng.

Khả-năng biến-cải theo đúng nghĩa của nó, chỉ giúp sanh-vật thay đổi hình-thức trong một phạm-vi nhỏ hẹp và nhứt là thay đổi cách ứng-phó với hoàn-cảnh bên ngoài. Những thay đổi này có tánh-cách di-truyền, nhưng thường thì chỉ đạt được trong phạm-vi cá-nhơn mà thôi.

Ngay trong giới thực-vật và động-vật hạ-cấp, người ta đã nhận thấy có sự biến-cải rồi.

Những loài cây ở chỗ nóng và ít mưa đã biến-đổi những cơ-quan của mình để rút được nước vào thân mình và đồng-thời giữ cho hơi nước ít bốc ra. Rễ nó thường ăn sâu xuống đất, còn lá thì nhỏ lại, có khi biến thành gai để cho diện-tích phơi ra nắng và giữ nhiệm-vụ đưa hơi nước ra ngoài nhỏ bớt đi. Nhiều loại trùng khi gặp hoàn-cảnh sanh-hóa bất-thuận-lợi thì hóa thành những bào-tử-nang, có một lớp vỏ cứng chắc bọc lại, đủ sức bảo-vệ nó chống những nguy-cơ tiêu-diệt. Đến khi hoàn-cảnh thuận-tiện trở lại, bào-tử-nang lại trở thành con vi-trùng. Vi-trùng cũng có thể tự tạo những khả-năng chống lại các chất có thể giết hại nó. Những thứ thuốc sát-trùng, nếu dùng không đủ lượng rất có hại, vì chẳng những không giết

được vi-trùng, nó còn tập cho vi-trùng quen với thuốc, và về sau, có thể đương cự lại thứ thuốc ấy, dầu số lượng có đủ cũng vậy.

Đối với những động-vật có một cơ-thể phức-tạp hơn, và hoạt-động trong một phạm-vi rộng hơn, sự biến-cải càng rộng hơn. Cơ-thể những động-vật này vừa phải tự điều-chỉnh những khí-quan của mình cho nó hòa-hợp nhau, vừa phải tự thay đổi để ứng-phó với sự thay đổi thời-tiết. Nhiều loài vật ở xứ lạnh phải tổ-chức đời sống một cách phù-hợp với phong-thổ. Ở những xứ này, mùa đông trời lạnh lẽo, cây cỏ trở trụi, việc kiếm ăn rất khó. Vì đó, một số động-vật mùa hè thì ăn rất nhiều để tạo những chất trữ-bị trong thân, đến mùa đông, chúng tìm chỗ ẩn náu và ngủ suốt mấy tháng. Trong thời-kỳ này, cơ-thể chúng sanh-hoạt rất ít và tiêu-thụ những chất trữ-bị chúng đã chế-tạo được.

Sự biến-cải của các loài thú, hoặc chỉ là những phản-ứng tự-nhiên của cơ-thể, hoặc thực-hiện dưới sự điều-khiển của các bản-năng. Trí khôn của thú nếu có một vai tuồng thì vai tuồng này cũng ít và không đáng kể. Ví đó, quan-năng biến-cải của loài thú là một quan-năng biến-cải tự-nhiên.

Một trong những biểu-lộ quan-năng biến-cải này là năng-lực nghĩ-thái. Đó là một xu-hướng của loài vật khiến cho nó bắt chước hình dáng những đồ vật hay sanh-vật ở quanh nó để có thể ẩn núp trong khung cảnh một cách dễ dàng.

Năng-lực nghĩ-thái có nhiều cách phát-biểu khác nhau. Chúng ta có thể phân-biệt những loại nghĩ-thái sau này.

a) NGHĨ-THÁI BẰNG THÁI-ĐỘ HAY BẰNG SỰ XỬ-DỤNG CÁC PHÂN-TIẾT TỰ- NHIÊN.

Những côn-trùng bay dờ thường hay giả chết để gạt các địch-thủ, hoặc gieo mình xuống đất rồi nằm im không cựa cạy giữa đám cỏ, giữa các lớp lá cây khô, hay giữa các mầu đất vụn, thành ra người ta khó tìm thấy nó. Con mèo khi gặp kẻ địch thì xù lông ra cho có vẻ lớn hơn để giống hình dạng con beo hay con cọp, làm cho kẻ địch khiếp-đảm.

Nhiều loại côn-trùng thường tiết ra những chất nước bay mùi khó chịu, làm cho những sinh-vật khác không muốn lại gần nó. những con giòi, con nhộng của một thứ côn-trùng bán-si thuộc loại ve ve, bao mình bằng một thứ bọt từ trong hậu-môn tiết ra, giống hệt như đờm dãi, thành ra rất dễ gớm.

b) NGHĨ-THÁI BẰNG CÁCH MANG ĐỒ VẬT LẠ VÀO MÌNH.

Những con giòi, con nhộng của nhiều giống nhện nhỏ thuộc loại sâu ghẻ, giữ luôn trên mình những lớp da đã lột, che giấu hết cả chi-thể. Nhiều con bọ ở bờ sông mang trên lưng một viên bùn có dính những mầu vụn lặt vặt, thành ra giống như cục đất thật vậy. Con nhộng loài thạch-tàn ở dưới nước mang theo mình một cái vỏ bằng bùn hay bằng cây mục. Con ốc ma thì ở trong một cái vỏ ốc trống để tự-vệ dễ hơn.

c) NGHĨ-THÁI BẰNG CÁCH BIẾN MÌNH CHO TIẾP VỚI KHUNG-CẢNH CHUNG QUANH.

Nhiều loài nhộng sống giữa rông rêu, xem giống hệt như rông rêu. Những loài sâu sống trên cây lá có khi giống hệt như cây lá ấy : con thì hình cái lá, con thì tựa như các mầm cây non, con thì y như một nhánh nhỏ. Nhiều thứ sâu khác có màu tiếp với màu cây lá nó ăn. Ta có câu tục ngữ : « Rau nào sâu nấy » chỉ rằng mỗi thứ rau có một giống sâu đặc-biệt và giống sâu này hình tích giống như hoa lá cây rau hay có màu tiếp với cây rau.

Thú vật cũng có sắc lông hợp với khung cảnh trong đó nó sống. Những loài thú, loài chim vùng địa- cực, như gấu, sói, chồn, thỏ, chim ục, v.v... đến mùa đông băng tuyết phủ khắp nơi thì bộ lông trắng tinh, tiếp hẳn với màu tuyết. Con sư-tử, con báo-đà, con linh-dương, con thỏ nhảy ở sa mạc thì lông màu vàng lợt, giống như màu cát vậy. Con ngựa vằn, con cọp ở những cánh đồng cỏ mọc cao thì mình vẫn vện, khi đứng trong đám cỏ, rất khó trông thấy. Con beo thường sống trên cành cây thì bộ lông có đốm y như bóng mặt trời chiếu qua khe lá. Nhiều loài chim sống dưới lùm bụi có bộ lông có màu xanh tiếp với lá cây.

Những loài cá mình đẹp như cá đuối, cá lờn bon, lưng màu y hệt như màu đáy biển trên đó nó nằm.

Đặc-biệt nhất là con cắc-kè và con cá chim hoa có thể thay màu một cách dễ dàng cho tiếp với khung cảnh mỗi lúc.

d) NGHĨ-THÁI BẰNG CÁCH BIẾN HÌNH CHO GIỐNG NHỮNG THÚ KHÁC.

Nhiều thứ bướm ở lưu-vực sông Amazone thuộc Nam Mỹ-châu, có màu sắc sặc sỡ và mùi rất hôi, các giống chim ăn bộ luôn luôn chừa nó ra. Cũng ở trong vùng đó, có một giống bướm khác, không có mùi hôi, nhưng màu cánh cũng sặc sỡ như loài bướm trên, thành ra các giống chim thấy nó cũng lánh xa, không bắt. Người ta lại còn gặp nhiều thứ rắn không độc, nhưng hình-tích giống như thứ rắn độc, làm cho các giống khác cũng sợ nó như sợ thứ rắn độc kia vậy.

Nói tóm lại, năng-lực nghĩ-thái được phát-biểu ra nhiều cách khác nhau. Nhưng mục-đích nó vẫn luôn luôn là giúp cho sinh-vật những điều-kiện thuận-tiện để tranh-đấu sinh-tồn.

Đối với những loài sinh-vật nhỏ bé thì năng-lực nghĩ-thái có tánh-cách tự vệ nhiều hơn : sự giả chết, sự ẩn núp dưới những chất phân-tiết tự-nhiên, hay dưới những đồ vật lạ chung quanh, sự biến hình cho giống đồ vật chung quanh mình hay có màu sắc tiếp với màu sắc những đồ vật ấy, sự biến hình cho giống những thú khác, cốt để cho sanh-vật nhỏ bé có thể trốn tránh hay gạt gẫm những kẻ địch mạnh hơn mình.

Năng-lực nghĩ-thái của những giống vật mạnh thì có tánh-cách xâm hại : con thú mạnh sỡ-dĩ cần ẩn núp trong khung cảnh tự-nhiên một cách có hiệu-lực là để cho con mồi không thấy con thú mạnh để con thú mạnh săn nó một cách dễ dàng hơn.

Năng-lực nghĩ-thái làm cho sinh-vật có hai cá-tánh : một cá-tánh do thiên-nhiên phú sẵn cho nó, và một cá-tánh mà bản-năng sinh-tồn giúp cho nó để nó đối-phó với những kẻ thù có thể hại mạng nó. Cùng với luật mạnh được yếu thua, luật lưỡng-cá-tánh của năng-lực nghĩ-thái đã đóng một vai tuồng rất quan-trọng trong sự đào-thải thiên-nhiên.

2.- QUAN-NĂNG BIẾN-CẢI CỦA NGƯỜI.

a)- ĐẠI-LƯỢC VỀ QUAN-NĂNG BIẾN-CẢI CỦA NGƯỜI.

Trong các loài động-vật, người là giống có quan-năng biến-cải cương-khịnh nhất. Trong quyển « Con người, kẻ lạ chưa ai biết » đã cho chúng ta rất nhiều tài-liệu để hiểu về con người, bác sĩ Alexis Carrel, đã nghiên-cứu kỹ càng về quan-năng biến-cải này.

Theo bác sĩ, cơ-thể của người gồm toàn những chất mềm bở, dễ hư hỏng và có thể tan rã trong vài giờ đồng hồ. Tuy vậy, nó lại tồn-tại lâu dài như là đúc bằng thép cứng vậy. Chẳng những tồn-tại được, nó lại còn có thể vượt qua nhiều khó khăn và những nguy-cơ do thế-giới bên ngoài đưa đến. Hơn bất- cứ loài thú-vật nào khác, con người đã ứng-biến một cách thích-hợp với những điều-kiện thường biến của ngoại-giới. Trước tình-thế mới, cơ-thể người tạo ngay ra một phương-tiện để đối-phó. Phương-tiện này luôn luôn hướng đến chỗ kéo dài đời sống của người đến mực tối-đa. Ta có thể bảo rằng tất cả những diễn-tiến sanh-lý trong thân người đều có mục-đích bảo-đảm sự sinh-tồn của người và đều có tánh-cách biến-cải.

Nơi người, sự biến-cải gần như là thường-trực, và có rất nhiều hình-thức khác nhau. Tuy thế, chúng ta có thể gom nó về hai loại : sự biến-cải nội-quan, tức là sự biến-cải bên trong những cơ-quan nội-tại của người, và sự biến-cải ngoại-quan, tức là sự biến-cải của thân người để đối-phó với hoàn-cảnh bên ngoài.

1.- SỰ BIẾN-CẢI NỘI-QUAN.

A) SỰ ĐIỀU-CHỈNH NỘI- GIỚI CỦA NGƯỜI.

Nội-giới của người gồm những tổ-chức, những thể-dịch và huyết-dịch rất ổn-định. Tiết-điệu những cơ-quan của người không thay đổi bao nhiêu. Tế-bào và thể-dịch của người luôn luôn tiếp-tục những sự trao đổi hóa-hợp của mình. Máu người châu-lưu trong các huyết-quản và các mao-quản của các tổ-chức với một tốc-độ gần như bất-biến.

Sự ổn-định của nội-giới không phải là một trạng-thái an nghỉ, cũng không phải là một trạng-thái quân-bình. Nó là kết-quả của một sự hoạt-động không ngừng của toàn cơ-thể.

Muốn cho máu người giữ được bản-chất và châu-lưu một cách đều đặn, cơ-thể phải thi-hành không biết bao nhiêu vận-động sanh-lý. Và tất cả những hệ-thống cơ-quan của người đều phải tập-trung hết sức cố-gắng của mình lại, mới làm cho những tổ-chức của thân người được an-ổn.

Máu người luôn luôn nhận thêm hay là mất bớt nước một cách bất-thường. Trong khi người ăn uống, nước trong thức ăn thức uống cùng với những thức nước do các tuyến tiêu-hóa tiết ra đổ vào trong máu, thành ra máu thêm rất nhiều nước. Trái lại, trong khi người tiêu-hóa vật-thực, các cơ-quan tiêu-hóa lại rút trong máu một phần nước cần-thiết cho sự làm việc của mình. Khi người vận-dụng cơ-thể một cách mạnh bạo, khiến cho mồ hôi đổ ra, hay khi người uống thuốc tầy và đi đái-tiên nhiều, máu người lại mất đi một phần nước của mình. Để cho sự thêm bớt nước này không làm biến-cải áp- lực và tổng-lượng của máu, cơ-thể người phải vận-dụng nhiều cơ-cấu điều-chỉnh khối máu.

Áp-lực của máu không phải tùy tổng-lượng tuyệt-đối của khối máu, mà tùy sự tương-quan giữa tổng-lượng khối máu với dung-lượng của bộ máy tuần-hoàn. Những huyết-quản của bộ máy này vốn không phải là những ống cứng rắn, nó có thể biến-đổi khẩu-kính của mình. Nó giãn ra hay co lại tùy theo khối máu nhiều hay ít. Thêm nữa các mao-quản lại có tánh thông-thấu, nghĩa là có thể để cho chất nước trong máu và trong các tổ-chức thấm qua lại với nhau. Sau hết, nước trong máu có thể do thận, do các tuyến ngoài da, do ruột, do phổi mà bài tiết ra ngoài thân người. Khi máu tụ về phía hữu quả tim nhiều quá, tâm-nhĩ bên hữu phản-ứng lại làm cho tim đập mau hơn, đồng-thời huyết-thanh thấm qua các mao-quản để lọt vào các thớ thịt và các tổ-chức. Nhờ đó, bộ máy tuần-hoàn loại trừ phần nước dư trong khối máu đi. Trái lại, khi tổng-lượng và áp-lực của máu hạ xuống, các huyết-quản tự-nhiên co lại, đồng-thời những chất nước trong các tổ-chức do các mao-quản mà thấm vào máu. Nhờ những tác-động này, và nhiều tác-động khác phức-tạp hơn, tổng-lượng và áp-lực máu trong cơ-thể người gần như là luôn luôn ở vào một mực bất-biến.

Sự kết-cấu của máu cũng hết sức ổn-định. Trong trạng-thái bình-thường, số lượng của huyết-cầu, huyết tương, chất diêm, chất đản bạch tinh, chất mỡ và đường không thay đổi bao nhiêu. Các tổ-chức của người luôn luôn lưu trữ nước, diêm, mỡ, đản bạch tinh và đường để phòng khi thiếu thốn nên những biến cố bất ngờ thường không biến-đổi được bản-chất nội-giới của cơ-thể.

Cương-lực của dưỡng-khí và thán-toan trong máu cũng luôn luôn bất-biến, nhờ nhiều tác-động khác nhau. Sự trao đổi dưỡng-khí cùng thán-toan giữa các tổ-chức và máu do những tánh-chất hóa-học của hồng-huyết-tố, của đản-bạch-tinh và các chất trong huyết-thanh điều-chỉnh.

Một sự diễn-tiến sanh-lý đặt dưới sự điều-khiển của những tế-bào thần-kinh qui-định số lượng dưỡng-khí và máu mang từ phổi đến các tổ-chức cho vừa đủ với sự cần dùng của cơ-thể.

Ngoài ra, còn nhiều tác-động vừa có tánh-cách lý-hóa vừa có tánh-cách sanh-lý, giữ cho nội-giới không bị toan-hóa đi. Những chất toan do các tổ-chức tiết ra thấm vào các thể-dịch, nhờ các chất diêm trong huyết-thanh chế-ngự, nên không biến-đổi bản-chất của máu. Tuy thế, cơ-thể cũng bài-tiết bớt các chất toan thừa thãi của mình. Thán-toan do nơi phổi và những chất toan không huy-phát do nơi thận mà bị bài-tiết ra ngoài.

Tất cả những tác-động giữ cho nội-giới của người bất-biến đều do thần-kinh-hệ kiểm soát và điều-khiển.

B.- SỰ HÒA-HỢP CÁC CƠ-QUAN NỘI-TẠI.

Những cơ-quan nội-tại của con người đều nhờ sự liên-lạc của nội-giới và thần-kinh-hệ mà hòa-hợp với nhau để hoạt-động cho những mục-đích chung. Mỗi yếu-tố trong thân người dường như biết rõ những sự cần dùng hiện-tại và tương-lai của toàn cơ-thể và tự biến-đổi để trả lời cho sự cần dùng đó.

Khi một quả thận của người bị cắt đi, quả còn lại tự-nhiên lớn thêm ra, mặc dầu một quả thận bình-thường đã đủ để giữ nhiệm-vụ bài-tiết nước tiểu. Như thế, là để trong tương-lai, khi cơ-thể cần dùng một sự cố-gắng nhiều hơn của quả thận, cơ-quan này có đủ sức cung-cấp sức làm việc thêm ấy.

Khi người bị xuất-huyết và mất máu nhiều, các huyết-quản của người co lại và điều này làm tăng thêm tổng-lượng tương-đối của khối máu còn lại. Nhờ đó, áp lực của máu trong huyết-quản vẫn đủ cho máu tiếp-tục châu-lưu. Đồng-thời nước trong các tổ-chức và trong các bắp thịt thấm qua các mao-quản để vào trong hệ-thống tuần-hoàn, người bị xuất huyết thấy khát dữ dội và nước anh ta uống vào làm cho huyết-thanh của anh ta lần lần đạt được tổng-lượng cũ. Những huyết-cầu trừ-bị trong các cơ-quan được đổ vào máu. Các tủy xương thì lo chế-tạo những yếu-tố tế-bào để hoàn-thành lại việc bồi đắp khối huyết. Như vậy, trong cả thân người ta, ta nhận thấy có một loạt những hiện-tượng sanh-lý, lý-hóa và kết-cấu cùng hợp lại để giúp cơ-thể ứng-phó với sự xuất-huyết.

Dưới con mắt nhà khảo-sát, những bộ-phận khác nhau của một cơ-quan cũng có vẻ hòa-hợp nhau lại để thực-hiện một mục-đích nhất-định. Khi bộ não người tự kéo dài ra phía ngoài da thành một cái thần-kinh thị-giác và cái võng-mô, da chỗ ấy thành ra trong suốt. Nó tạo ra cái giác-mô và cái thủy-tinh-thể để hợp với võng-mô và thần-kinh thị-giác làm ra cơ-quan thị-giác của con người. Trước cái thủy-tinh-thể, cái màng của mống mắt lập thành cái cách-mô. Tùy theo sức chói của ánh sáng nhiều hay ít, cách-mô mở rộng ra hay thu hẹp lại, và sức cảm-xúc của võng-mô tăng-gia hay giảm-thiểu đi. Hình thể của thủy-tinh-thể có thể biến-đổi để cho người nhìn xa hay nhìn gần tùy ý. Như vậy tất cả những bộ-phận trong con mắt người đều tương-quan nhau và tự-nhiên hòa-hợp nhau trong sự trông nhìn.

C.- SỰ TU-BỔ TÔ-CHỨC.

Khi người bị một vết thương vì đụng chạm, vì phỏng cháy, vì trúng tên đạn, thành ra da, thịt, huyết-quản và xương cốt một vùng trong thân-thể bị tổn-hại, cơ-thể người cấp-tốc ứng-phó với tình-thế mới. Nhiều tác-động rất khác xa nhau cùng hòa-hợp nhau lại để tu-bổ phần cơ-thể bị tổn-hại đó.

Khi một huyết-quản bị cắt đứt, máu do huyết-quản đó mà chảy ra nhiều. Áp-lực của máu trong huyết-quản hạ xuống. Người bị nạn ngất đi. Máu tự-nhiên bết chầy. Một cục máu cứng hiện ra trong vết thương, và nhiều sợi huyết bao bọc lấy miệng huyết-quản, thành ra máu bị cầm lại. Trong những ngày kế tiếp theo đó, những bạch huyết-cầu và những tế-bào của các tổ-chức len vào trong cái nút bằng sợi huyết và vá lại cái huyết-quản bị cắt đứt.

Khi một chi-thể bị gãy, những đầu nhọn của các đốt xương vỡ thường xé các thớ thịt và các mao-quản. Vì đó, chung quanh các đầu nhọn này có một khối nhầy nát gồm có sợi huyết, mảnh xương và thớ thịt. Sự lưu-thông của máu ở đây liền trở nên linh-hoạt hơn. Chi-thể sưng tấy lên. Máu mang đến vùng bị thương-tổn những chất bổ-dưỡng cần-thiết cho sự tu-bổ các tổ-chức. Ở trung-tâm-điểm và ở những vùng bao quanh vết thương, các tổ-chức quây quần lại để vá những chỗ hư hỏng. Những tổ-chức này tùy theo sự cần dùng của vết thương mà biến-hóa không cùng. Một thớ thịt gần chỗ xương gãy có thể biến thành một mẩu sụn mềm, nối các đầu xương gãy. Mẩu sụn này lần lần thành ra xương thật. Như vậy trong một khoảng thời-gian sau ngày chi-thể bị gãy, một loạt nhiều hiện-tượng hóa-học, thần-kinh, tuần-hoàn và kết-cấu cùng phát-xuất và liên-lạc nhau để tu-bổ những nơi bị thương-tổn và làm cho chi-thể lành mạnh trở lại.

Trong sự vá lành những vết thương ngoài da, người ta cũng nhận thấy tánh-cách biến-cải của cơ-thể. Khi da bị lột mà người ta che chở những thớ thịt bị phơi ra ngoài chống vi-trùng, chống không-khí, và mọi nguyên-do kích-thích một cách hoàn-toàn quá, sự lành lặn không còn cần-thiết cho cơ-thể và vết thương không lành được. Nhưng nếu người ta để cho

vi-trùng hay mảnh vải băng làm cho vết thương bị kích-thích, nó lẩn lẩn lạnh lặn. Tổ-chức liên-kết mọc ra để lấp vết thương và làm cho miệng vết thương nhỏ lại. Trong khi đó, tổ-chức biểu-bì tạo ra lớp da non bao bọc vết thương.

Những tác-động của các cơ-cấu để tu-bổ những vết thương luôn luôn hòa-hợp nhau để đạt mục-đích, nhưng trong trường-hợp một trong những hiện-tượng ấy vì một lý-do gì mà khiếm-khuyết hẳn đi, những hiện-tượng còn lại cũng vẫn tiếp-tục công việc làm của nó và tìm cách bù vào hiện-tượng khiếm-khuyết ấy.

D) SỰ TRỊ-LIỆU CÁC BỊNH-TẬT.

Khi các vi-trùng hay tinh-độc lọt được vào trong nội-giới của cơ-thể, các quan-năng của người liền thay đổi tức khắc. Người ngộ bệnh, và tánh-cách của căn bệnh người mắc phải tùy theo cách các tổ-chức người biến-cải để đối-phó với những bệnh-tổ.

Sự biến-cải của cơ-thể để đối-phó với các căn bệnh có hai trạng-thái khác nhau. một mặt nó hướng đến chỗ ngăn cản các tác-nhơn sanh bệnh, không cho chúng vào cơ-thể, hoặc diệt trừ nó nếu nó đã vào cơ-thể rồi. Một mặt khác nó tu bổ những vết thương do những tác-nhơn sanh bệnh này gây ra trong thân-thể, và tiêu-hủy những độc tố do những loại vi-trùng hay chính các tổ-chức tiết ra.

Hoặc nhờ sự trợ-lực của những huyết-thanh thích-hợp, những chất thuốc hóa-học, hay những cách điều-trị vật-lý, hoặc với sức riêng của mình, cơ-thể người chống với các vi-trùng xâm-lược. Trong khi đó, bạch-dịch và huyết-dịch của người chứa đầy những độc-tổ của vi-trùng và những căn bã của sự tiêu-hóa trong cơ-thể. Toàn thân người trải qua những sự biến-động lớn, và nhiều khi các cơ-quan bị thương-tổn rất nặng. Lúc ấy, các tế-bào phát-biểu ra những năng-lực đặc-biệt không hề xuất-hiện trong khi cơ-thể bình-thường. Nó cố-gắng làm cho nội-giới của người trở thành độc-hại cho vi-trùng, và đồng-thời kích-thích các cơ-quan hoạt-động. Bạch-huyết-cầu sanh thêm nhiều, tiết thêm nhiều chất mới. Nó biến-cải theo những điều-kiện bất ngờ của chứng bệnh do sự công-kích của các tác-nhơn sanh bệnh, do sự suy yếu của các cơ-quan hay do sự tập-trung của vi-trùng trong một bộ phận gây ra. Ở những nơi hư thúi, nó hóa thành mũ chứa những chất đặc-biệt có thể tiêu-hóa các vi-trùng, và làm tan những tổ-chức tế-bào sống để dọn đường chạy ra phía ngoài da hay vào một cơ-quan trống rỗng có thể bài-tiết được các chất dơ ra ngoài.

Trong những chứng bệnh do sự suy yếu của cơ-thể gây ra, quan-năng biến-cải cũng đóng một vai tuồng quan-trọng. Khi một cái tuyến làm việc ít quá, những tuyến khác tăng-gia hoạt-động để bù vào. Khi cái van lấp vào lỗ thông giữa tâm-nhĩ và tâm-thất bên tả yếu đi và để cho máu chạy dội lại, quả tim to ra và sức mạnh nó tăng-gia. Nhờ đó nó có thể tống vào chủ-động-mạch một tổng-lượng máu đầy đủ như thường, và người bệnh có thể tiếp-tục sống thêm hàng năm như người không bệnh tật.

2.- SỰ BIẾN-CẢI NGOẠI-QUAN.

Sự biến-cải ngoại-quan là sự biến-cải giúp cho cơ-thể người ứng-phó với thế-giới vật-chất và hoàn-cảnh xã-hội bên ngoài. Chính nhờ nó mà người ta có thể sinh-tồn được qua những điều-kiện bất-thường của hoàn-cảnh.

A) SỰ BIẾN-CẢI ĐỂ ỨNG-PHÓ VỚI THẾ-GIỚI VẬT-CHẤT.

Sự biến-cải ngoại-quan giúp cơ-thể người hòa-hợp tình-trạng nội-giới của mình với những sự biến-chuyển của hoàn-cảnh bên ngoài. Nhờ nhiều vận-động khác nhau, cơ-thể người giữ cho đời sống sanh-lý và tâm-lý của mình được ổn-định và thống-nhất.

Mỗi khi hoàn-cảnh bên ngoài thay đổi, những quan-năng biến-cải đều có một cách đối-phó thích-hợp. Nhờ đó, con người có thể chịu được những sự biến-đổi của ngoại-giới.

Không khí bao giờ cũng nóng hay lạnh hơn thân người. Tuy thế, những thể-dịch thấm nhuần các tổ-chức và máu chảy trong huyết-quản của người luôn luôn giữ một nhiệt-độ hầu như bất-biến.

Nhiệt-độ người trong thân người thường tăng-gia lúc không khí bên ngoài nóng lên. Lúc ấy, sự tuần-hoàn trong phổi và sự vận-động hô-hấp trở nên nhanh hơn. Trong các phế-nang, số nước bốc thành hơi nhiều hơn lên. Do đó, nhiệt-độ của máu trong phổi hạ xuống. Đồng-thời, các huyết-quản dưới da giãn ra, máu dồn về mặt ngoài thân-thể nhiều, và nhờ tiếp-xúc với không-khí bên ngoài mà mát bớt. Trong trường-hợp không-khí nóng quá, các tuyến mồ hôi tiết mồ hôi ra, và mồ hôi này, khi bốc thành hơi, làm cho nhiệt-độ của thân người hạ xuống. Lúc ấy thần-kinh-hệ được vận-dụng, khiến tim nhảy nhanh lên, căng các huyết-quản ra, làm cho người thấy khát và uống nước vào để thay số nước trong máu đã bốc thành hơi ở phổi và bị tiết ra thành mồ hôi. Trái lại, khi không-khí bên ngoài lạnh, các huyết-quản ngoài da co lại, da thành tái đi. Máu dồn về phía trong các cơ-quan nội-tại ; nơi đó, sự tuần-hoàn và các trao đổi hóa-hợp được tăng-gia để thêm sức nóng cho cơ-thể.

Như vậy, thân-thể người chống chọi lại với thời tiết nóng lạnh bằng những biến-đổi thần-kinh, tuần-hoàn và dinh-dưỡng của toàn thân.

Ngoài ra, cơ-thể cũng đối-phó lại những kích-thích của ngoại-giới một cách tinh-diệu. Ánh sáng chói lọi quá rất có hại cho cơ-thể. Vì đó, cơ-thể có nhiều cơ-cấu chống lại sức chói quá mạnh của ánh sáng. Mí mắt và cách-mô của móng mắt che đậy mắt khi người gặp một ánh sáng chói lọi quá. Đồng-thời, sức cảm-xúc của võng-mô cũng hạ xuống để cho người đỡ nhọc mắt.

Sự giảm-thiểu tính mẫn-thụ là một phương-pháp mà cơ-thể dùng rất thường để đối-phó lại sự kích-thích quá mạnh của ngoại-giới. Khi người sống trong một bầu không-khí xú-úế, mũi người bớt thính đi, và trong một thời-gian, người không ngửi thấy mùi hôi ấy, mặc dầu nó vẫn còn như trước. Ngoài ra, người còn có thể quen với những tiếng động âm ỉ nếu những tiếng động này tiếp-tục hay đều đặn.

B)- SỰ BIẾN-CẢI ĐỂ ỨNG-PHÓ VỚI HOÀN-CẢNH XÃ-HỘI.

Đối với hoàn-cảnh xã-hội cũng như đối với thể-giới vật-chất, người phải biết biến-cải để ứng-phó lại.

Những hoạt-động tâm-lý của người cũng như những tác-động sanh-lý đều có xu-hướng biến-cải để giúp cho người dễ sinh-tồn. Nó luôn luôn tìm cách làm cho người hòa-hợp được với hoàn-cảnh.

Nói một cách khái-quát, người không bao giờ tự-nhiên vô-cớ mà chiếm được địa-vị người ước muốn trong đoàn-thể xã-hội chấp chứa người. Bản-năng sinh-tồn của người làm

cho người muốn chiếm-hữu, hiểu biết, điều-khiển, hưởng-thụ. Nó làm cho người ưa thích tiền bạc, có tham-vọng, có tánh tò mò và có tình-dục. Nhưng người lại sống trong một hoàn-cảnh hừng hờ với người, nhiều khi lại cừu-địch với người. Người nào cũng tự-nhiên hiểu rằng mình phải tranh-đấu để chinh-phục những cái gì mình tự-nhiên ước muốn. Vì đó, ý-thức người cũng biến-cải để đối-phó với hoàn-cảnh xã-hội. Sự biến-cải này tùy theo thể-cách của cá-nhơn mà khác nhau vô-cùng.

Người có thể ứng-phó với xã-hội bằng cách chinh-phục nó, hoặc bằng cách trốn tránh nó. Nhưng như ta đã thấy, dầu sao, thái-độ tự-nhiên nhất của người đối với xã-hội và đồng-loại cũng là sự tranh-đấu.

Ý-thức người đối-phó với sự cay nghiệt của hoàn-cảnh xã-hội bằng cách cố gắng để chống chọi lại hoàn-cảnh ấy. Do đó, trí thông-minh của người nảy nở ra, người biết suy tính, mưu mẹo, biết dụng-tâm chú-ý, biết ham muốn học-tập, biết tận-lực làm lung, biết cương-quyết chiếm-hữu và chế-ngự. Những điều này gây cho người cái sức mạnh tinh-thần cần-thiết để giúp người chiến-thắng.

Dục-vọng chiếm-hữu của người tùy theo hoàn-cảnh mà có nhiều hình-thức khác nhau, nhưng bao giờ nó cũng đóng vai tuồng chủ-động trong những việc làm xuất-chúng. Chính nó đưa những nhà bác- học đến sự tìm tòi phát-minh khoa-học vĩ-đại, những nhà cách-mạng và chánh-khách đến những công cuộc cải-tạo xã-hội mạnh mẽ, những nhà triết-học, văn-hào, đến những công-trình, tư-tưởng bất-hủ. Nhưng nó cũng đưa những kẻ đạo-tặc đến việc giết người cướp của, những kẻ gian-hùng đến những vụ lường gạt, những người tham-ô đến sự bóc lột dân-chúng. Nó thúc giục người xây dựng những bệnh- viện, những phòng thí-nghiệm, những nhà đại-học, những miếu-đường. Nó xô đẩy người đến sự vinh- quang và đến chỗ chết, đến sự anh-dũng và đến tội ác.

Người cũng có thể đối-phó với hoàn-cảnh xã-hội bằng sự trốn tránh. Một số người hèn kém không có can-đảm tranh-đấu đã hạ mình xuống một mực sinh-tồn không cần đến sự cạnh-tranh nữa. Đó là những kẻ cam-tâm sống cuộc đời nô-lệ, những người cùng-đình khép thân trong địa-vị ti-tiện của mình.

Một số người khác, lấy ngay tâm-hồn mình làm nơi ẩn náu để trốn tránh hoàn-cảnh xã-hội. Đó là những người ẩn-sĩ, những nhà tu-hành, những bậc triết-nhơn khắc-kỷ. Nhờ một đời sống nội-tại cường-khiến, những người này nhiều khi nâng trí thông-minh mình và đức-hạnh của mình lên một mực rất cao và do đó, họ có thể ảnh-hưởng mạnh mẽ đến xã-hội. Ta có thể bảo rằng họ chinh-phục được xã-hội một phần nào. Tuy thế, họ không lẫn lộn trong xã-hội, và thật-sự ra, họ không thuộc về ngoại-giới, vì đời sống nội-tại của họ đã chiếm hết sự hoạt-động của họ rồi.

Ngoài ra, còn nhiều người khác tìm cách lãng quên hoàn-cảnh xã-hội bằng cách làm việc không ngừng. Sự làm việc là phương-tiện có hiệu-lực nhất giúp người chịu đựng những điều-kiện bất lợi của hoàn-cảnh.

Cũng có nhiều người sống trong sự mơ ước, trong sự hy-vọng về tiền-tài, sức khỏe, danh-vọng và hạnh-phúc. Những sự mơ ước, hy-vọng này hoặc giúp cho người trốn tránh hoàn-cảnh xã-hội, hoặc làm cho người hăng hái lên để hoạt-động mạnh hơn lên. Nó cũng là một yếu-tố rất mạnh mẽ để hòa-hợp tâm-hồn người với một hoàn-cảnh không thuận-tiện.

Sau cùng, người cũng có thể hòa-hợp với hoàn-cảnh bằng thói quen. Sống trong cảnh khổ mãi rồi, người ta lần lần không còn thấy đau khổ nữa.

b) TÁNH-CÁCH CỦA NHỮNG QUAN-NĂNG BIẾN-CẢI VÀ ẢNH-HƯỞNG CỦA NÓ ĐẾN ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI.

Sự quan-sát đời sống con người chỉ cho ta thấy rằng, cơ-thể của người gặp bao nhiêu tình-thế mới thì quan-năng biến-cải của người có bao nhiêu hình-trạng. Quan-năng biến-cải này không phải là một biểu-lộ đặc-biệt của một hệ-thống cơ-quan nào. Ta chỉ có thể định tánh-cách nó bằng mục-đích nó đeo đuổi mà thôi. Phương-tiện của quan-năng biến-cải khác nhau vô-cùng, nhưng cứu-cánh nó chỉ có một: *cứu-cánh đó là sự sinh-tồn của con người.*

Xét quan-năng biến-cải qua tất cả những biểu-lộ của nó, ta có thể cho rằng nó là một tác-nhơn để ổn-định và tu-bổ các cơ-quan, để cải-lương các cơ-quan bằng cách xử dụng cơ-quan ấy, để liên-lạc giữa các tổ-chức và các thể-dịch làm cho thân người thành ra một toàn-thể kiên-cố giữa biến-chuyển của ngoại-giới, và để giúp cho người ứng-phó với mọi kích-thích của ngoại-giới.

Quan-năng biến-cải của người không bao giờ hạn-định ở một bộ-phận hay một cơ-quan của người. Trong sự tác-động sanh-lý cũng như trong sự tác-động tâm-lý của mình, quan-năng biến-cải vận-dụng toàn-thân người để đi đến cứu-cánh của nó. Khi cần chống chọi với sự rét chẳng hạn, nó huy-động hết bộ máy tuần-hoàn, hô-hấp, tiêu-hóa, cân-nhục và thần-kinh. Lúc người giận dữ tất cả những hệ-thống cơ-quan đều biến-đổi cả : các thớ thịt đều co lại, những thần-kinh giao-cảm làm tăng áp-lực của huyết-quản cùng tiết-điệu của quả tim và khiến cho gan đưa ra một số đường gờ-lu-cốt để cho bắp thịt dùng làm nhiên-liệu.

Tất cả những yếu-tố trong cơ-thể người đều hợp nhau lại hoạt-động cho ích-lợi chung của toàn cơ-thể, và đều có khả-năng biến-đổi để đối-phó với hoàn-cảnh, lại có thể dự-định những hoàn-cảnh có thể xảy ra trong tương-lai và chuẩn-bị để giải-quyết những vấn-đề do hoàn-cảnh tương-lai ấy đặt ra.

Sự biến-cải có thể thay đổi hẳn cơ-thể và ý-thức con người. Vì thế, hoàn-cảnh có ảnh-hưởng rất lớn đến đời sống con người. Sự tác-động lâu dài của hoàn-cảnh đối với con người từ lúc trẻ có thể in những dấu vết không phai trên người ấy. Do đó, nhiều trạng-thái mới có thể xuất-hiện trong cơ-thể và ý-thức của cá-nhơn, nhiều khi của cả chủng-loại nữa. Những tế-bào sanh-dục của người tự-nhiên cũng chịu ảnh-hưởng của hoàn-cảnh và làm cho những trạng-thái mới này lần lần có tánh-cách di-truyền.

Chính quan-năng biến-cải đã khiến cho loài người phân ra làm nhiều chủng-tộc khác nhau. Sự tiêu-thụ một món lương-thực bắt buộc người phải có một sự biến-cải nội-quan làm cho những chất hóa-hợp chứa đựng trong lương-thực ấy đồng-hóa với cơ-thể mình. Để đối-phó với những điều-kiện khí-hậu, cơ-thể người cũng phải nhờ một sự biến-cải ngoại-quan thích-hợp. Như ta đã thấy, những sự biến-cải này huy-động tất cả những hệ-thống cơ-quan của người, và nếu tác-động một cách thường-trực, nó có ảnh-hưởng đến ý-thức và thể-chất của người một cách sâu xa. Những giống dân trên mặt địa-cầu đã sống trong những điều-kiện dinh-dưỡng và khí-hậu khác nhau tự ngàn xưa đến giờ, tự-nhiên không thể giống nhau về thể-chất và tâm-lý. Sự phân-biệt những dân-tộc có những tánh-cách thể-chất và tâm-lý đặc-biệt vì đó mà thành ra một điều không thể tránh được.

Ngay bên trong dân-tộc, những người sống ở những địa-phương khác nhau, có những thổ-sản và khí-hậu khác nhau, cũng có những thể-chất và tâm-tánh khác nhau. Trong thời-kỳ mà dân-chúng mỗi vùng chỉ sống với những thổ-sản của mình, người mỗi tỉnh đều có những đặc-điểm địa-phương rõ rệt. Bởi đó, ta có thể bảo rằng người nào cũng mang dấu hiệu của quê-hương mình trên thân-thể mình.

Nhiệm-vụ người trong xã-hội và hoàn-cảnh kinh-tế của người cũng ảnh-hưởng đến đời sống của người. Vì đó, ngoài cái dấu-hiệu của quê-hương, người lại còn mang dấu hiệu của gia-đình, của nghề- nghiệp mình nữa.

Sau cùng, lối biến-cải riêng của mỗi người để ứng-phó với hoàn-cảnh chung lại còn làm nổi bật cá-tánh của người lên trong số bao nhiêu người khác cùng cảnh-ngộ với mình.

c)- SỰ MỞ MANG QUAN-NĂNG BIẾN-CẢI CỦA NGƯỜI.

Những quan-năng biến-cải của người luôn luôn hướng đến mục-đích bảo-vệ đời sống của người và kéo dài sự sinh toàn của người đến mục tối-đa. Tuy thế, không phải là nó luôn luôn thành-công. Nó chỉ hoạt-động trong một phạm-vi nhất-định.

Cơ-thể người chỉ có thể dung-nhận một số vi-trùng hạn-định và chỉ có thể chống lại sự công-phạt của các vi-trùng này đến một mực độ hạn-định. Trên số lượng đó và ngoài mực độ công-phạt đó, những quan-năng biến-cải của người không còn đủ sức chiến-thắng nữa. Trong sự chống chọi lại sự suy yếu, thời-tiết nóng lạnh, cũng như trong sự đối-phó với hoàn-cảnh xã-hội, quan-năng biến-cải cũng chỉ có hiệu-lực trong một phạm-vi nào đó mà thôi.

Phạm-vi hiệu-lực của quan-năng biến-cải tùy theo mỗi người mà khác nhau. Tuy thế, cũng như quan-năng sanh-lý khác, quan-năng biến-cải có thể được tăng-cường nhờ sự thường vận-động và luôn luôn bị giảm sút nếu không được sử-dụng.

Có những người to lớn vạm vỡ, nhưng bị bệnh-tật giết hại một cách nhanh chóng. Trong khi đó, nhiều người gầy yếu hơn lại có thể lành được khi mắc phải những bệnh-tật ấy. Như thế là vì người to lớn vạm vỡ kia từ xưa không biết bệnh-tật là gì, và không quen tranh-đấu với các thứ vi-trùng nên quan-năng biến-cải rất bạc-nhuợc, và khi gặp một giống vi-trùng độc-hại, nó không thể chống chọi được, còn cơ-thể người gầy yếu nọ từ trước đã được vận-dụng nhiều lần để chống chọi các tác-nhơn gây bệnh nên có một quan-năng biến-cải cường-khien hơn, giúp nó đối-phó với giống vi-trùng này một cách thắng-lợi.

Ngoài ra, người lại còn nhận thấy rằng, có nhiều chứng bệnh như bệnh đậu trời, bệnh thương-hàn chẳng hạn, một khi người đã mắc phải và chữa lành rồi thì khó mà mắc phải một lần nữa. Tánh miễn dịch này sở-đĩ có được là vì cơ-thể người mắc bệnh đã chiến-thắng được giống vi-trùng của chứng bệnh ấy một lần rồi, thì có đủ điều-kiện để đối-phó với nó một cách dễ dàng khi gặp nó một lần nữa. Sự nhận xét về tánh miễn-dịch đã đưa những nhà y-học tây-phương đến phương-pháp chủng-độc để ngừa bệnh.

Một bắp thịt càng vận-động thì lại càng nở nang. Sự làm việc đã không làm cho nó hao mòn mà lại còn làm cho nó mạnh thêm. Trái lại, nếu không được sử-dụng, bắp thịt teo đi và càng ngày càng yếu. Vì đó, những người làm việc chơn tay nhiều bao giờ cũng khỏe hơn kẻ ăn không ngồi rồi.

Những hệ-thống cơ-quan của người cũng như những bắp thịt : nó chỉ mạnh mẽ khi nó làm việc điều -hòa. Những cơ-quan ít hoạt-động luôn luôn mất sức và yếu hẳn đi.

Những giống người ở những địa-phương khí-hậu nghiêm-khắc vì phải vận-dụng hết các quan-năng của cơ-thể mình để ứng-phó với thời-tiết nên có một sức chịu đựng bền bỉ dẻo dai hơn những giống người ở những địa-phương khí-hậu hòa-hoãn.

Những quan-năng tâm-lý của người cũng chịu chung một định-luật với những cơ-quan sanh-lý. Trí thông-minh, ý-chí và tinh-thần đạo-đức của người phải được vận-dụng thường thì mới được cường-khiên. Có hăng hái, siêng năng, khắc-kỷ, biết tự khép mình vào một qui-phạm gắt gao và mạnh dạn đương đầu với những cảnh-ngộ khó khăn, người mới mong đạt được những đích cao của lý-trí, tinh-thần và đạo-đức. Những người lười biếng, ẻo oải, trốn công việc, tránh nhiệm-vụ, luôn luôn là những kẻ bạc-nhược, hèn nhát, và chiếm những địa-vị sau cùng trên bảng giá-trị tinh-thần.

Những người từ trẻ đã bị vất ra đời, phải đương đầu với những khó khăn liên-tiếp thường bất-thiếp, lạnh lẽ, xốc vác hơn những người thuở bé được nuôi trong nhung lụa và lớn lên thì sống trong những hoàn-cảnh thuận-tiện dễ dàng.

Trong lịch-sử thế-giới, chúng ta có thể lọc ra không biết bao nhiêu gương về sự suy-đòi của một gia-đình hay một chủng-tộc.

Nhà vua khai-sáng một triều-đại thông-minh và anh-dũng bao nhiêu thì những nhà vua cuối cùng của giòng họ ông ta lại ngu dại và hèn nhát bấy nhiêu. Giữa những người kéo ngọn cờ tiên-phong trong sự khai-thác đất đai hay kinh-dinh kỹ-nghệ và bọn công tử bột, con cháu họ, cũng có một sự cách-biệt to rộng tương-tự. Như thế, là vì những người khai-sáng cơ-nghiệp đã phải luôn luôn vật lộn với cảnh- ngộ khắc khe một cách cực nhọc và do đó mà phải luôn luôn huy-động hết quan-năng biến-cải của mình, làm cho những đức-tánh của mình được phát-triển đến cực-độ. Lũ con cháu của họ sanh trong cảnh giàu sang và lớn trong những điều-khiên dễ dãi không hề biết đến sự tranh-đấu với những cảnh- ngộ khó khăn. Quan-năng biến-cải của chúng vì đó mà suy giảm đi và những đức-tánh di-truyền của ông cha chúng hao mòn dần trong sự sung sướng. Chúng trở nên ươn hèn, ủy-mị. Đến khi vì một biến- cố gì mà những đặc-quyền do ông cha để lại không còn được duy-trì nữa chúng phải nhận lấy phần thất-bại trong cuộc tranh-đấu sinh-tồn.

Nhiều dân-tộc sau thời-kỳ hùng-cường phú-thạnh lại phải ôm hờn bại-nhục trước một giống dân khác trước kia thân-phục mình. Nguyên-nhơn sự biến-thiên này – mà nhiều người cho là hợp với lẽ tuần-hoàn quả báo của Tạo-hóa – chỉ là sự suy-giảm của quan-năng biến-cải chung do sự trù-phú mà ra.

d)- QUAN-NĂNG BIẾN-CẢI CỦA NGƯỜI SO VỚI QUAN-NĂNG BIẾN-CẢI CỦA LOÀI THÚ.

Nói một cách khái-quát, quan-năng biến-cải của người cường-khiên hơn quan-năng biến-cải của loài khác.

Riêng về mặt vật-chất, cơ-thể người đã phức-tạp hơn các thú khác nhiều. Thật ra, thì các loài khác cũng có nhiều khả-năng mà người không có. Đối với nhiều loài bọ, sự gãy mất một chi-thể không có ảnh-hưởng to tát đến châu-thân như người. Một vài loài có thể mọc ra

chi-thể khác thay vào chi-thể bị gãy. Nhưng xét chung, cơ-thể người có một sức chịu đựng to lớn hơn : người là động-vật duy-nhút có thể sống với mọi khí-hậu và mọi khung cảnh thiên-nhiên. Địa-bàn của người lan rộng khắp nơi trên địa-cầu, từ những đất đai mình mông phủ đầy tuyết trên địa-cực cho đến những sa-mạc ở xích-đạo, từ những đồng lầy nước mặn đến những rừng rậm âm-u, từ những bờ biển cả đến những đỉnh non cao, chỗ nào người cũng có thể sống được. Người cũng đã chống chọi nổi những thay đổi khí-hậu hay địa- hình đã xảy ra trên mặt địa-cầu. Nhiều loài thú tiền-sử to lớn hơn người rất nhiều nhưng đã bị loại trong những cuộc biến-động ấy.

Về mặt tinh-thần, trí thông-minh của người vượt hẳn trí khôn loài thú một trời một vực. Những đức-tánh cá-nhơn và xã-hội của người có thể xem như là một phương-tiện của quan-năng biến-cải, nhưng khi thực-hiện xong, nó lại tăng-cường thêm quan-năng biến-cải chung.

Với trí thông-minh và ý-thức của mình, người lại có một ý-niệm về sự sinh-tồn của mình, về những mục-đích của mình và những hoạt-động cần-thiết để đạt những mục-đích ấy. Đứng trước một công việc phải làm hay một tình-thế mới lạ hoặc khó khăn phải đối-phó, người biết suy nghĩ để tìm một đường lối thuận-tiện, một giải-pháp thích-hợp, một phương-thế có hiệu-quả, người lại biết huy-động những đức-tánh tinh-thần của mình và vận-dụng thể-chất của mình để noi theo đường lối ấy, đeo đuổi theo giải-pháp ấy, làm theo phương-thế ấy đến cùng. Vậy, người đã làm chủ quan-năng biến-cải mình một phần nào, và điều này giúp cho quan-năng biến-cải ấy có hiệu-lực thêm lên. Chẳng những khiến cho những khả-năng sẵn có của người phát-triển mạnh lên, nó còn giúp cho người bỏ-tức những khuyết-điểm của người.

Không có được một bộ lông mao hay lông vũ dày ấm để che đỡ mình khỏi lạnh, người đã biết lột da thú để mặc trước khi bện chỉ cây hay dệt vải, dệt hàng. Không có những móng nhọn cứng rắn như loài hùm beo, người đã biết dùng những khí giới bằng đá, bằng gỗ, bằng kim khí để tấn-công và tự-vệ. Thiếu năng-lực nghĩ-thái tự-nhiên của thú-vật người đã biết nghĩ ra trăm mưu ngàn kế để trá-hình, để cải-trang, để ẩn núp. Như thế, người có nhiều điều-kiện tự-nhiên tranh-thắng hơn các loài vật khác và lần lần vượt lên trên tất cả để làm chúa địa-cầu.

V.- SỰ TIẾN-HÓA CỦA NGƯỜI.

A.- KHÁI-QUAN VỀ SỰ TIẾN-HÓA CỦA NGƯỜI.

Trong tất cả các loài sống trên mặt địa-cầu, người là loài cao hơn hết. Địa-vị ưu-tiên của người, như ta đã thấy, không phải được ban-bố cho người ngay từ lúc sự sống mới phát-hiện. Nó chỉ đạt được sau một cuộc tiến-hóa dài đặc hằng triệu năm.

Những cơ-cấu và phương-thức tiến-hóa của loài người từ buổi sơ-thủy của sự sống cho đến lúc người có hình người, những nhà khoa-học hiện-thời vẫn chưa biết được một cách tường-tận. Họ chỉ nêu ra những giả-thuyết làm nền tảng cho sự khảo-cứu, và điều duy-nhút mà ai ai cũng công-nhận là sự tiến-hóa này có thật.

Về sự tiến-hóa của người từ khi đạt được hình-thức hiện-hữu, ta có thể nhận-thức được dễ dàng hơn. Từ địa-vị một động-vật trần trụi yếu đuối, người đã trở thành *người, chủ-nhơn ông của địa-cầu*.

Sức mạnh thể-chất của người thật ra không tăng-cường thêm, có lẽ người thời nay còn yếu kém người thuở trước là khác. Nhưng về mặt trí-tuệ, bước tiến của người có thể gọi là vô-cùng. Đứng về phương-diện kết-cấu sanh-lý và khả-năng tiềm-thể mà nói, có lẽ bộ óc của người thời xưa và bộ óc của người thời nay cũng chẳng khác nhau bao nhiêu. Con một nhà bác-học vào rừng từ nhỏ thì cũng thành người rừng. Tuy nhiên, về mặt trí-thức, người đã thu góp được những kho tàng vô giá. Nhứt là trong mấy thế-kỷ sau này, tinh-thần khoa-học mở mang, các tri-thức ấy chẳng những được chánh-xác hơn, chắc chắn hơn, mà lại còn được sắp đặt thành một hệ-thống hợp-lý hơn và được trình-bày một cách dễ hiểu hơn. Người đã hiểu-biết võ-trụ và chính mình một cách rõ ràng, đúng đắn hơn. Những dụng-cụ, máy móc, những kỹ-thuật làm việc do những tri-thức đó mà ra và tăng-cường sức mạnh của người vạn- bội.

Song song với sự mở mang trí-tuệ, đạo-đức của con người cũng có phần tăng-tiến hơn. Những ý-niệm về nhơn-đạo, về sự công-bình, về đạo-đức, bắt nguồn từ những bản-năng xã-hội của con người, lần lần mạnh mẽ lên. Những ý-niệm về danh-dự, về bôn-phận, về trách-nhiệm, về lòng tương-thân tương-ái, cũng nảy mầm và không ngớt phát-triển.. Những sở-kiến của người về các vấn-đề ấy thật ra khác nhau vô-cùng theo thời-đại và theo địa-phương, nhưng ta không có thể chối cãi được rằng, bên trên, luôn luôn vẫn có một nguyên-tắc bất-di bất-dịch làm lý-tưởng cho người.

Kết-quả sự tiến-hóa của người biểu-hiệu một cách rõ rệt trong sự tranh-đấu giữa người với thiên-nhiên và cầm thú. Người thời nay chẳng những không còn sợ hãi những lực-lượng thiên-nhiên thái-quá như người thời trước, mà còn chế-ngự được một số những lực-lượng ấy, bắt nó cung-phụng mình. Trong sự trị bệnh, nưà bệnh, trong sự xây dựng những nơi trú-ân, trong sự lưu-thông cũng như trong sự bắt buộc thiên-nhiên cung-cấp những vật-liệu cho mình, người đã nắm phần thắng-lợi một cách dễ dàng hơn trước nhiều. Những loài ác-thú độc-trùng nếu không bị người tiêu-diệt cũng phải sống ở chốn rừng rậm non cao và không còn là một mối nguy cho loài người nữa. Người đã chứng tỏ sự thắng-thể hoàn-toàn của mình ở chỗ chủ-trương bảo-vệ loài thú, giữ cho chúng không bị tuyệt-diệt.

Nhờ sự thắng-thể của mình trên thiên-nhiên và cầm thú, đời sống của người đã được nâng lên một mực rất cao. Người càng ngày càng sống đầy đủ, sung sướng và an-ninh hơn. Một người trung-lưu ở một xã-hội văn-minh hiện-đại được hưởng nhiều tiện-nghi hơn một nhà vua thời trung cổ.

Về mặt tinh-thần, tri-thức của người mở rộng rất nhiều. Những hoạt-động văn-hóa của người không phải dành riêng cho một thiểu-số nữa mà lần lần có tánh-cách phụng-sự đại-chúng. Về mặt này, một người tầm-thường trong xã-hội tân-tiến cũng hơn những người thượng-lưu của xã-hội ngày xưa.

Sự cư-xử giữa người với nhau mất dần tánh-cách man-dã để trở thành nhơn-đạo hơn. Việc ăn thịt người cũng như nhiều thủ-tục vô-nhơn-đạo bị trừ-diệt ở những xã-hội văn-minh. Nhiều chế-độ đã được dựng lên để nhơn-đạo-hóa chiến-tranh. Tuy không thành-công một cách hoàn-toàn, những chế-độ ấy cũng giúp cho người thuần-lương bớt.

Như thế, nói một cách khái-quát, loài người đã có tiến-hóa về cả hai mặt vật-chất lẫn tinh-thần. Tuy nhiên, so sánh xã-hội văn-minh và xã-hội man-dã, người ta có thể thấy nhiều

điểm bất-thuận-lợi cho xã-hội văn-minh. Truyền thuyết Trung-Hoa về đời Nghiêu Thuấn, thần-thoại của những triết-gia Âu- châu sống vào thế-kỷ 17 và 18 về những con người dã-man bầm sanh tốt không phải hẳn là vô-căn-cứ. Chủ-trương rằng về phương-diện đạo-đức, người hiện giờ thoái-bộ hơn người xưa thật ra không đúng, nhưng ta phải công-nhận rằng sự mở mang của trí-tuệ và ý-thức người đã có hại đến sự cư-xử giữa người với người bên trong một đoàn-thể với nhau.

Người cổ-sơ sống một cách vô ý-thức và không suy nghĩ gì nhiều về những cứu-cánh của hành- động mình. Họ lại sống chung lộn nhau nhiều hơn người văn-minh. Sự uy-hiệp mạnh mẽ của các nguy-cơ bên ngoài đưa đến làm cho họ luôn luôn sát cánh nhau để tranh-đấu chung. Họ không có thì giờ cũng không có cơ-hội để sống một đời sống riêng rẽ. Cá-tánh họ không có tánh-cách rõ rệt mạnh mẽ như người văn-minh. Trong sự tự-vệ cũng như trong sự mưu-sanh, họ phải khếp mình vào đoàn-thể một cách chặt chẽ. Những điều này gây ra một bầu không-khí thuận-tiện cho sự phát-triển của các bản-năng xã-hội. Người giúp đỡ nhau, binh vực nhau, chiến-đấu và hy-sinh cho quyền-lợi chung một cách rất tự-nhiên.

Sự xung-đột giữa cá-nhơn và cá-nhơn bên trong những đoàn-thể cổ-sơ ấy tất-nhiên không thể tránh được. Nhưng vì sự chi-phối của hoàn-cảnh, và vì người chưa đủ khôn ngoan để nghĩ ra những mưu-kế thâm-hiểm, nó thường được giải-quyết một cách thẳng thắn hơn.

Nói một cách khái-quát thì sự tranh-đấu hướng về bên ngoài đoàn-thể nhiều hơn và người bên trong đoàn-thể cố-kết nhau một cách chặt chẽ. Nếu có nhóm người nào trái với những thể-thức trên này, nó cũng bị đào-thải vì không cạnh-tranh lại những đoàn-thể khác.

Tinh-thần phục-vụ đoàn-thể trên đây, không phải chỉ xuất-hiện ở những con người cổ-sơ. Ta còn có thể nhận thấy nó ở các xã-hội văn-minh hơn, ở những nhóm người bị bạc-đãi, bị uy-hiệp, như những kẻ thuộc giới giang-hồ hoặc thuộc làng dao búa. Những nhà văn nhiều mơ mộng rất cảm-động khi nhận thấy sự thương mến và giúp đỡ nhau giữa những hạng người ấy mà họ cho là hơn hẳn những con người giả dối của giai-cấp trưởng-giả. Kỳ thật, tinh-thần đoàn-thể của những người dã-man cũng như những kẻ xấu số trong xã-hội văn-minh không phải là kết-quả của đạo-đức hay của ý-thức, nó chỉ là kết-quả của đời sống tập-thể giữa những sự uy-hiệp to tát của ngoại-giới.

Những người văn-minh bình-thường có nhiều nhu-cầu hơn người cổ-sơ. Trí óc họ lại mở mang hơn nên họ biết lo xa hơn. Do đó, ý muốn tu-hữu của họ phát-triển rất mạnh và họ thành ra tham-lam, ích- kỷ hơn người cổ-sơ. Vì thế, đời sống văn-minh của người tương đối an-ôn hơn. Những cơ-hội làm cho họ chen vai sát cánh nhau trở thành thừa thớt, và họ có nhiều điều-kiện để sống một cuộc đời riêng biệt. Điều này thêm vào sự phân-công, sự giáo-dục, làm cho cá-tánh họ rất mở mang. Thêm nữa, người có ít nhiều ý-thức về hành-động của mình và biết suy nghĩ, tính-toán trước khi hành-động. Sự suy nghĩ tính-toán đó thường được thực-hiện khi con người sống riêng rẽ, lúc các bản-năng xã-hội không có điều-kiện tác-động một cách mạnh mẽ, và tất-nhiên có tánh-cách phụng-sự cá-nhơn nhiều hơn. Một điều ai cũng có thể nhận thấy là những người trí-thức, những giống dân có một nền văn-hóa lâu đời, hướng đến chỗ tính-toán cho quyền-lợi riêng của mình rất nhiều và hóa ra vừa tham vừa nhát.

Những điều trên này đã làm cho các bản-năng xã-hội của những người văn-minh nhiều khi suy- nhược đi, không đủ sức chế-ngự những bản-năng vị-kỷ hoàn-toàn của người. Do đó, người văn-minh chẳng những tranh-đấu với các dân-tộc khác mà còn xâu xé nhau một cách mãnh-liệt ngay trong đoàn-thể mình. Kết-quả là người phân nhau thành giai-cấp, và bóc lột nhau một cách tàn-nhẫn. Với sự mở mang của trí thông-minh, người biết nghĩ ra những mưu-

kẻ thâm-hiểm để triệt-hạ nhau, để hành-hạ nhau, để gạt găm, lừa dối nhau. Chính những hành-động này làm cho một số triết-gia bất-bình và có cảm-giác rằng người văn-minh tàn-ác và thoái-hóa hơn người dã-man.

Ngoài ra, những người bình-thường vì sự mở mang của trí tuệ và ý-thức mà ích kỷ thái-quá, ta còn có thể gặp một số người khác không khếp mình vào xã-hội được. Những người này có những bản-năng vị-kỷ quá mạnh không sao có thể chế-ngự nó để sống một cuộc đời bình-thường của một công-dân tuân pháp-luật. Họ luôn luôn sống bên lề xã-hội. Dầu xã-hội có tốt đẹp, có an-ôn, họ cũng tìm cơ mà chống chọi lại nó. Họ là đám người lúc nào cũng tự xem là bất-đắc-chí và có ý muốn chọc trời khuấy nước với riêng mục-đích thỏa-mãn tánh dọc ngang của mình. Họ là những tướng lục-lâm kiểu Trung- Hoa, những tướng cướp điệu Huê-Kỳ, những tay buôn lậu quốc-tế. Họ là những chiến-sĩ tình-nguyện của giới đầu trộm đuôi cướp, mà cũng là chiến-sĩ tình-nguyện của những cuộc cách-mạng, những cuộc bạo-động. Sự hỗn-loạn mới là tình-thế thích-hợp cho họ. Trong sự hỗn-loạn này, họ giông ruổi một cách thích-thú. Nếu sự tình cờ xui họ ở vào một hàng-ngũ chơn-chánh, hay một tổ-chức thắng-lợi, họ có thể trở thành những bực anh-hùng. Nhưng khi xã-hội ổn-định lại, họ trở về bản-chất cũ, và trừ trường-hợp được tôn lên một địa-vị cao quý, họ thường hóa ra những kẻ phá rối trật-tự.

Bù lại, ở những xã-hội văn-minh, ta cũng có thể gặp những kẻ nhờ một bản-năng xã-hội mạnh mẽ mà có một tinh-thần phụng-sự đoàn-thể hết sức cao quý. Họ rất sung sướng mà được hy-sinh cho đoàn-thể, và nhiều khi sự thành-công trong vinh-quang không làm cho họ thích bằng sự chết một cách thâm- khốc cực-nhục cho đại-nghĩa.

Những hạng người không thể khếp mình vào xã-hội cũng như hạng người có bản-năng xã-hội hết sức mở mang thật ra không có bao nhiêu, và đại-đa-số quần-chúng các nước là đám người bình-thường có những đức-tánh tốt, nhưng cũng có tánh xấu. Nói một cách khái-quát thì những hạng người này thuần-lương hơn người cổ-sơ và ý-niệm đạo-đức của họ mở mang hơn. Nhưng vì các bản-năng xã-hội không chi-phối họ được một cách thường-trực và mạnh mẽ nên sự hành-động của họ nhắm vào mục-đích phụng-sự cá-nhơn của họ nhiều hơn vào mục-đích phụng-sự xã-hội, và do đó mà có một tánh-cách vị-kỷ hẹp hòi. Điều này làm cho sự hợp-quần trong đoàn-thể bị thương-tổn khá nhiều. Những nhà đạo-đức đã hết sức cố-gắng chống chọi lại sự vị-kỷ đó, nhưng họ không khi nào thành-công được một các mỹ-mãn, như là đối với những con người đã có ý-thức về sự sinh-tồn cá-nhơn của mình.

Muốn cho hành-động của mọi người nhắm vào mục-đích phụng-sự xã-hội nhiều hơn lo cho cá-nhơn của người, ta phải hủy-diệt cá-tánh người. Điều này chỉ có thể thực-hiện được khi ta chận đứng sự suy tưởng của người bằng sự khủng-bố, bằng sự nhồi sọ, bằng cách tổ-chức cho người sống thành bầy như thời cổ-sơ. Đó là những phương-pháp mà đảng Cộng-sản Đệ Tam Quốc-tế áp-dụng những nơi họ chiếm-cứ.

Kế quả của chánh-sách trên này là tổ-chức xã-hội được chặt chẽ và phần lớn sự hoạt-động của người qui về việc phụng-sự đoàn-thể. Nhưng làm như thế, người ta tất-nhiên phải khinh rẻ giá-trị con người. Tánh-mạng người bị xem như cỏ rác, nhơn-cách người bị chà đạp, trí-tuệ người bị khếp vào bốn bức tường đen tối, đạo-đức người bị suy-đổi. Người quả có phụng-sự xã-hội, nhưng với tư-cách là con trâu, con ngựa, không phải với tư-cách con người. Và chung-qui, chỉ có một thiểu-số được hưởng những mối lợi mà sự nô-lệ hóa nhơn-loại đưa đến cho xã-hội. Trong trường-hợp đó, đại-đa-số nhơn-loại tuy không còn vị-kỷ một cách hẹp hòi, nhưng cũng không phải tiến-bộ mà lại thoái-bộ một bước rất dài.

Như Pascal đã nói, người không phải là thiên-thần, nhưng cũng không phải là ác-thú, và cái khổ cho nhơn-loại là chính những kẻ muốn làm thiên-thần lại hóa ra làm ác-thú. Người cộng-sản đã nêu ra một lý-tưởng cao quý : họ muốn cho người hoàn-toàn tốt như thiên-thần. Nhưng muốn đi đến mục-đích, họ phải kềm chế người thái-quá, và cuối cùng chẳng những không thành-công được, họ lại còn hạ con người xuống hàng súc-vật. Thiết tưởng, những ai có chút lương-tri đều không thể chấp-nhận giải-pháp cộng-sản nếu họ biết rõ sự thật về giải-pháp ấy.

Nhưng, nói như thế không phải là ta không thể sửa chữa những khuyết-điểm của xã-hội. Ta đã nhận thấy rằng sự vị-kỳ là tánh-cách căn-bản của sự sinh-tồn và không sao hủy-diệt được. Một mặt khác, với sự mờ mang của trí tuệ và ý-thức của người, cá-tánh của người đã phát-triển đến một mực rất cao, và người ta không thể tiêu-trừ nó mà không phạm đến giá-trị con người. Nhưng với một sự giáo-dục thích-hợp, với một tổ-chức khéo léo, ta có thể làm cho người hiểu rằng quyền-lợi cá-nhơn của người có dính dáng mật-thiết đến quyền-lợi chung của xã-hội. Do đó, bảo-vệ quyền-lợi xã-hội là bảo-vệ quyền-lợi sâu xa của chính mình. Sự vị-kỳ thái-quá của người nhứt-định đưa xã-hội đến chỗ suy-vi hay hỗn-loạn, và điều này tự-nhiên có hại cho quyền-lợi cá-nhơn của người. Lịch-sử hưng vong của các dân-tộc tự cổ chí kim và từ đông sang tây là những gương sáng đủ để giác-ngộ con người.

Thật-sự thì những nền luân-lý đều không ít thì nhiều, dạy người nên hiểu quyền-lợi một cách sáng suốt. « *Điều mình không muốn, đừng làm cho kẻ khác* », « *Điều mình muốn, hãy làm cho kẻ khác* ». Đó là những huấn-thị nhắc người nên nghĩ đến quyền-lợi người khác, để bù lại, người khác nghĩ đến quyền-lợi của chính mình.

Chủ-trương nhơn nghĩa của Mạnh tử nếu hiểu một cách đúng đắn thì cũng có một tánh-cách tương tự. Cuộc đàm thoại giữa ông á-thánh đạo Nho với Lương Huệ-vương đã chỉ rõ bản ý Mạnh tử về vấn-đề này. Khi Mạnh tử đến yết kiến Lương Huệ-vương, nhà vua hỏi ông đem cái lợi gì đến cho nước mình, Mạnh tử giảng ngay cho nhà vua biết rằng, nếu nhà vua nghĩ đến cái lợi của nước mình, các quan to sẽ nghĩ đến cái lợi của nhà họ, dân-chúng sẽ nghĩ đến cái lợi của thân họ, trên dưới tranh mỗi lợi với nhau thì nước phải nguy-khốn và nhà vua tất-nhiên phải thiệt-hại nhiều. Trái lại, nếu mọi người đều nghĩ đến việc nhơn-nghĩa thì nước được phồn-thịnh an-ôn, và quyền-lợi mọi người đều được bảo-vệ. Vậy, thật-sự cái nhơn-nghĩa của thầy Mạnh tử không có chi khác hơn là quyền-lợi hiểu một cách sáng suốt sâu xa.

Ở những xã-hội văn-minh ngày trước, sự giáo-dục chưa phổ-thông, và những nhà đạo-đức hướng-dẫn tinh-thần nhơn-loại, không dám nhấn mạnh đến vấn-đề quyền-lợi, e rằng thị-dục người bành-trướng thái-quá, làm hại cho xã-hội. Do đó, thật-sự, đại-chúng không có một ý-thức rõ ràng về đời sống xã-hội và vẫn nghĩ đến những quyền-lợi cá-nhơn thiên-cận một cách mù quáng. Một số người có học thấy chủ-trương nhơn-nghĩa có vẻ vu-khoát quá cũng không theo nó, và sự điều-hòa của xã-hội dựa vào một thiếu-số ưu-tú. Thiếu-số này còn đủ sức để nắm lấy cương-thường thì xã-hội thanh, nó mà yếu sức đi thì xã-hội lại hỗn-loạn suy-vi.

Với một sự giáo-dục phổ-thông, dám nói đến vấn-đề quyền-lợi và chỉ rõ sự chánh-đáng của quyền-lợi hiểu một cách sáng suốt, người có thể vừa giữ cá-tánh mình và đồng-thời mở rộng sự vị-kỳ của mình ra đến phạm-vi xã-hội. Họ sẽ phụng-sự một cách có ý-thức để được hưởng lợi trong đó. Những khuyết-điểm của xã-hội văn-minh có thể nhờ đó mà bồi-bổ được.

Như vậy, người vẫn có thể tiến-hóa được về phương-diện tinh-thần. Sự tiến-hóa này không phải thực-hiện một cách vô-ý-thức như người hầy còn man-dã, mà dựa vào ý-thức nhiều hơn.

B.- NGUYỄN-NHON LÀM CHO NGƯỜI TIẾN-HÓA.

Động-lực căn-bản của sự tiến-hóa là ý-chí sinh-tồn của người, nó làm cho người cố-gắng tranh-đấu để duy-trì và khuếch-trương sự sống của mình. Trong sự cố-gắng tranh-đấu này, người đã nhờ một yếu-tố rất mạnh giúp đỡ mình : đó là quan-năng biến-cải.

Trong thời-kỳ tiền-sử, quan-năng biến-cải tự-nhiên đã giúp cho những động-vật thủy-tổ của người thay đổi hình-thể và tánh-cách cho thích-nghi với hoàn-cảnh và vượt qua những nguy-cơ uy-hiếp mình. Kết-quả của những sự biến-cải liên-tiếp nhau trong hàng triệu năm, đó là cơ-thể người dưới hình-thức hiện-tại, và những khả-năng tiềm-thể về sanh-lý và tâm-lý, phong phú vô-cùng.

Sau khi đạt được hình-thể hiện-tại, quan-năng biến-cải tự-nhiên của người vẫn tiếp-tục giúp người trong sự ứng-phó với hoàn-cảnh. Quan-năng biến-cải này là kết-quả của cơ-cấu thể-chất con người, với tất cả những kinh-nghiệm của đời sống quá-khứ ghi lại trong các vi-nhon của tế-bào. Nó có một tánh-cách cá-nhơn rõ rệt. Tuy-nhiên, khi người hợp nhau lại sống thành xã-hội, sự biến-cải đã xoay qua một chiều hướng khác.

Sự hợp-quần đã tự nó gây thêm sức mạnh cho người. Nó giúp người đương đầu lại các giống khác một cách có hiệu-lực hơn. Nhờ nó, sự sản-xuất vật phẩm được tăng-gia rất nhiều, đời sống vật-chất của người do đó mà được đầy đủ hơn, và người được rảnh rang hơn. Một mặt khác, sự hợp-quần làm cho người sống chung lộn nhau và tạo những điều-kiện để người được mở mang những quan-năng tinh-thần của mình.

Một trong những biểu-lộ bản-năng xã-hội là tánh hay bắt chước. Tánh này làm gốc cho sự giáo-dục của người.

Theo quan-niệm của nhiều người, nói đến giáo-dục là nói đến cả một vấn-đề chương-trình, phương-pháp và tổ-chức để dạy dỗ người. Đối với những người này, sự giáo-dục chỉ có thể xuất-hiện ở những xã-hội văn-minh, khi người đã có thì giờ rảnh rang để nghĩ đến những vấn-đề cao-thượng chứ không phải chỉ chăm chăm chú chú vào việc mưu-sanh.

Nhưng nếu xét bản-chất sự giáo-dục, ta sẽ thấy ngay rằng nó không có gì khác hơn là sự truyền dạy những tri-thức, kinh-nghiệm, những biến-cải đã từng đem thắng-lợi lại cho người khác. Hiểu như thế, sự giáo-dục là sự kiện căn-bản của đời sống con người. Nó không phải xuất-hiện khi người có ý-thức, mà đã có ngay khi người chưa có ý-thức rõ rệt về sự sống của mình.

Trong thời-kỳ cổ-sơ, sự giáo-dục qui về sự bắt chước. Đó là cái khả-năng mà cũng là cái nhu-cầu khiến cho trẻ con làm y theo người lớn. Trong những xã-hội mộc mạc ngày xưa, đứa bé vừa đủ sức thì đã được lôi kéo vào đời sống của người lớn. Trai thì theo cha, gái thì theo mẹ, chúng tham-dự vào những công việc hằng ngày : đi săn bắn, đi chài lưới, đi chăn nuôi, làm công việc nhà hay đi gặt hái. Cuộc sống và sự hoạt-động là trường học của chúng. Đó là một sự giáo-dục tự-nhiên bắt đầu bằng những trò chơi của trẻ con bắt chước người lớn và tiếp-tục với những công-tác của kẻ thành-niên.

Sự tham-dự đời sống chung bên cạnh người lớn trong tất cả những hoạt-động làm cho đứa trẻ lần lần am-hiểu, quen thuộc những ý-tưởng, phong-tục, cách cư-xử của xã-hội trong đó nó sống. Những điều nên làm, những điều phải tránh, những cử-chỉ hành-động cần-thiết ăn sâu vào đầu óc đứa trẻ nhờ sự thực-hành. Lễ cố-nhiên là cá-tánh người chưa nỡ được trong thời-kỳ này và sự giáo-dục chỉ có mục-đích làm cho các cá-nhơn giống nhau và sống hòa hợp nhau được trong đoàn-thể.

Một số bộ-lạc, khi đã tiến đến một trình-độ văn-hóa cao hơn, thì bày ra tục-lệ đánh dấu thời-kỳ trưởng-thành của trẻ con. Lúc đứa trẻ đến tuổi thành-niên, người ta tổ-chức những cuộc lễ nhìn nhận nó đã nên người. Trong những cuộc lễ này, những người trai thanh-niên có thể trải qua những cuộc thử-thách vừa có tánh-cách thực tiễn vừa có tánh-cách thần-bí, cốt để gây một ấn-tượng mạnh mẽ trong đầu óc chúng và làm cho chúng thấy rõ sự thành-công của chúng.

Sự giáo-dục trong thời-kỳ xa xôi này có cái lợi rất là thực-tiện và làm cho con người được luyện-tập từ nhỏ để giống y như người khác. Điều này làm cho tánh-cách đồng-nhứt của nhơn-viên trong đoàn-thể được bảo-vệ một cách chắc chắn, và người tự-nhiên khép mình vào đoàn-thể không cần phải cố-gắng. Tuy thế, nó không tăng-cường được cá-tánh người phải khép người vào bên trong một vòng xã-hội nhỏ hẹp không thông với đoàn-thể khác.

Sau nhiều thế-kỷ cố gắng và mò mẫm, nền văn-minh đột nhiên xuất-hiện ở lưu-vực sông Nil, hai con sông Euphrate và Tigre, Ấn-hà (Indus) và Hoàng-hà. Với những nền văn-minh này, ta mới thấy phát-hiện những phương-pháp giáo-dục đặc-biệt. Những chế-độ giáo-dục của các xã-hội này có nhiều điểm khác nhau, nhưng cũng có chỗ chung nhau.

Nói một cách khái-quát thì với những nền văn-minh này, bắt đầu có sự phân-biệt giữa quần-chúng và hạng ưu-tú. Quần-chúng thường vẫn được giáo-dục về những tri-thức cần-thiết cho đời sống hàng ngày và cho sự làm việc để mưu-sanh. Sự giáo-dục này phần lớn có tánh-cách tự-nhiên như sự giáo-dục cổ-sơ và chỉ thi-hành trong phạm-vi gia-đình hay phường nghề-nghiệp. Những người ưu-tú tự-nhiên được giáo-dục một cách kỹ càng hơn và được hấp-thụ những tri-thức cao-đẳng, tinh-túy của văn-minh.

Sự tổ-chức giáo-dục của những xã-hội văn-minh này không làm cho mọi người hướng đến chỗ giống nhau hoàn-toàn nữa, cá-tánh đã bắt đầu nảy nở và sự đồng-nhứt của xã-hội không còn duy-trì được. Tuy nhiên, cứu-cánh của giáo-dục bao giờ cũng là bảo-vệ xã-hội và giữ cho xã-hội an-ôn vững vàng. Do đó, tinh-thần của nền giáo-dục luôn luôn phù-hợp với chế-độ xã-hội.

Những dân-tộc theo chế-độ phân chia giai-cấp như Ấn-độ và Ai-cập thì dành những tri-thức cao đẳng cho nhơn-viên của giai-cấp trên, người của giai-cấp hạ tiện không được phép học hỏi. Những nhơn-viên các giai-cấp trung gian chỉ được hấp-thụ một sự giáo-dục sơ-đẳng : họ chỉ được học đọc, học viết, học các phép toán và một ít tri-thức thông-thường.

Những dân-tộc hướng đến một chế-độ bình-đẳng hơn như dân-tộc Trung-Hoa và một số dân-tộc Viễn Đông bị ảnh-hưởng Trung-Hoa thì cho mọi người được học-tập. Thật-sự, số người đi học đến nơi đến chốn không có được bao nhiêu, và sự giáo-dục không có tánh-cách phổ-thông. Nhưng dầu sao, nhờ chỗ mọi người đều có quyền đi học, nền văn-hóa của những dân-tộc này có những gốc rễ sâu xa trong đại-chúng chứ không qui-tập về một thiểu-số như ở các dân-tộc theo chế-độ phân chia giai-cấp.

Ở nước Ba-tư thời cổ, sự giáo-dục là độc quyền của chánh-phủ. Ở Ai-cập và Ấn-độ, độc quyền này thuộc về giai-cấp giáo-sĩ, còn ở Trung-Hoa, sự giáo-dục được tự-do : mỗi người đều có thể mở trường dạy học-trò, miễn là ông thầy không đưa ra những chủ-trương trái với đạo-lý đương-hành.

Chương-trình giáo-dục cao-đẳng rất khác nhau tùy theo tâm-tánh và lý-tưởng mỗi dân-tộc. Người Ba-tư xây dựng và duy-trì đế-quốc họ bằng võ-lực nên nhắm mục-đích đào-luyện chiến-sĩ. Họ dạy các thanh-niên về võ-thuật, về các tri-thức quân sự và cố mở mang tinh-thần thượng-võ cùng các đức-tánh cần-thiết cho sự chiến-đấu. Người Ấn-độ có óc thần-bí, nên hướng các khoa-học siêu-hình : triết-học, thần-học. Người Ai Cập ngoài sự giáo-dục về thần-học, lại còn đào-luyện những kỹ-thuật gia và do đó mà hướng về khoa-học. Người Trung-Hoa có tinh-thần thực-tiễn hơn hết và nhắm vào cứu-cánh đào-luyện những công-dân : trong chương-trình giáo-dục của họ, phần quan-trọng nhất là phân biệt dạy người biết nhiệm-vụ họ đối với vua , với nước.

Trong tất cả những xã-hội trên này, tôn-giáo đóng một vai tuồng quan-trọng. Nó là yếu-tố thống-nhất các tư-tưởng của người và mỗi người đều phải có những tri-thức căn-bản về quan-niệm Thượng-Đế được lưu-hành. Một mặt khác, sự giáo-dục thời đó dựa vào nguyên tắc tôn-trọng tư-tưởng các thánh-nhơn và kinh-điển trước hết. Vì lẽ sách vở chưa được phổ-thông, mà những ý-niệm của thánh hiền lại được xem là những luận-cứ vững chắc nhất trong cuộc tranh-luận, nên những học-sinh phải học thuộc lòng tất cả những kinh sách điển cổ. Điều này làm cho ký-ức rất mực mở mang, trong khi óc phán-đoán phê-bình bị kềm thúc nên không phát-triển được.

Sau những nền văn-minh cổ trên này, trên thế-giới lại thấy phát-hiện nhiều nền văn-minh khác, trong đó quan-trọng nhất là hai nền văn-minh Hy-lạp và La Mã. Những nền văn-minh này có một ảnh-hưởng rất to đến các xã-hội Âu Mỹ và do các xã-hội này mà ảnh-hưởng đến phần lớn nhơn-loại hiện thời.

Với người Hy-lạp, ta thấy xuất-hiện ý-tưởng tôn thờ cái đẹp của thể-chất thiên-nhiên. Nền thể-dục hết sức mở mang và đi đôi với các nghệ- thuật, các khoa-học để đào-tạo những con người gương mẫu, có một cá-tánh mạnh mẽ và một tinh-thần tự-do cường-khiến.

Người La-mã có tinh-thần kỷ-luật và thực-tiễn hơn người Hy-lạp. Sự giáo-dục của họ hướng về mục-đích đào-luyện những công-dân tốt. Những khoa-học thực-dụng, cũng như những đức-tánh cần-thiết cho đời sống quốc-gia rất được tôn-trọng và mở mang. Nhờ những đức-tánh đặc-biệt của mình, người La-mã đã xây dựng được một đế-quốc hùng-cường to rộng. Họ đã mang nền văn-hóa riêng của họ và nền văn-hóa Hy-lạp truyền bá khắp Âu-châu.

Sau khi đế-quốc La-mã sụp đổ, Âu-châu bị đắm chìm trong sự tối tăm hỗn-loạn một thời-gian khá dài. Dưới sự chi-phối của Thiên-chúa-giáo, người ta hướng về lý-tưởng khô-hạnh và tinh-thần tôn-trọng kinh điển rất mực mở mang. Chỉ đến thời-kỳ Phục-hưng Văn-Nghệ, lòng yêu đời vui sống của người cổ Hy-lạp mới tái-hiện và lôi cuốn dân-chúng Âu-châu vào một chiều hướng mới. Sự giáo-dục tự-nhiên được mở mang hơn, đồng-thời, khoa-học thực-nghiệm bắt đầu nảy mầm và phát-triển.

Từ thời-kỳ Phục-hưng Văn-Nghệ trở đi, xã-hội Âu-châu tiến mạnh trên con đường cải-tổ giáo-dục. Trong sự cải-tổ này, ta có thể nhận thấy một khuynh-hướng mới.

Trước hết, sự giáo-dục lần lần có tánh-cách đại-chúng hơn : không những chỉ dành riêng cho hạng thượng-lưu, nó mở ra cho tất cả mọi người, ít nhứt là ở cấp tiểu-học. Kế đó, nó không qui về một qui- phạm hẹp hòi mà lan rộng ra tất cả mọi ngành hoạt-động của người : chánh-trị, khoa-học, văn-chương, nghệ-thuật, nghề nghiệp v.v... Sự đào-luyện thân-thể và đức-tánh được đề cập đến chung với sự mở mang trí-tuệ. Người ta lại chú-ý đến việc làm phát-triển trí phán-đoán và sự phát-minh chớ không phải chỉ nhắm vào việc đào-luyện ký-ức và sự bắt chước như trong xã-hội cổ.

Tuy nhiên các dân-tộc Âu-châu không phải tổ-chức sự giáo-dục của mình như nhau. Mặc dầu có những khuynh-hướng chung như nhau, mỗi dân-tộc đều có một tổ-chức riêng biệt với những tánh-cách khác nhau.

Người Anh có một tổ-chức hướng về sự đào-luyện tánh-khí và mở mang thể-chất, trí-tuệ cùng đức- hạnh một cách đồng đều nhau. Người Đức thì hướng về sự thực dụng và tinh-thần kỹ-luật quốc-gia, trong khi người Pháp hã còn thiên về lý-thuyết và sự mở mang trí-tuệ nhiều.

Với sự mở mang của khoa-học, tôn-giáo lần lần kém thế, và không còn bao trùm sự giáo-dục như trước. Nhưng vì khoa-học chưa phát-triển đến mức chi-phối hết cả đời sống tinh-thần của người nên những tri-thức của người không qui tập vào một hệ-thống như trước. Chỉ sau này, khi các chế-độ độc-tài đặt nền tảng trên một chủ-nghĩa được thiết-lập ở một vài nơi trên thế-giới, người ta mới cố-gắng thực-hiện lại sự thống-nhất tinh-thần theo nguyên-lý của chủ-nghĩa mình tôn thờ.

Lẽ cố nhiên là những chế-độ độc-tài nói trên đây tìm cách đào-luyện những thể-hệ người theo quan-niệm mình. Liên-bang Xô-viết đã thực-hiện một chương-trình giáo-dục đặc-biệt trong đó mọi tư-tưởng và hành-động của người được hướng về mục-đích cộng-sản và được uốn nắn theo lý-luận Karl Marx. Trong thời-kỳ ngự-trị trên nước Đức và nước Ý, các đảng Quốc-xã và Phát-xít cũng ráng sức cải-tổ nền giáo-dục theo chủ-trương mình.

Nói một cách khái-quát thì sự giáo-dục hết sức hữu-ích cho người. Nó tập-trung và truyền dạy những kinh-nghiệm, ý-tưởng người đạt được trong cuộc tranh-đấu sinh-tồn của mình. Một mặt, nó giúp cho những trẻ biết được một số tri-thức cần-thiết cho đời sống, một mặt, nó khuếch-trương thêm các tri-thức này và cải-lương kỹ-thuật hoạt-động của người. Như thế, nó là một yếu-tố căn-bản của quan-năng biến-cải có ý-thức và do đó, nó cũng là một động-lực cho sự tiến-hóa của người.

Tuy nhiên, sự giáo-dục một phần nào cũng có thể có hại cho xã-hội. Sự đào-luyện con người theo khuôn khổ khắc-nghiệt, lòng tôn-sùng cổ-nhơn quá độ thường làm ngưng-kết tư-tưởng và chận đứng sự tiến-bộ. Những nền văn-hóa đông-phương ngày xưa cao hơn văn-hóa tây-phương, nhưng vì chế-độ giáo-dục chỉ hướng về quá-khứ nên không tiến-hóa được, và về sau phải chịu phần thấp kém hơn những nền văn-hóa tây-phương, nhờ sự cạnh-tranh nhau, nhờ chủ-trương hướng về tương-lai mà vượt lên trên được.

Như thế, được tạo ra với mục-đích truyền dạy các kinh-nghiệm của chủng-loại lại cho những cá-nhơn trẻ tuổi, và do đó mà điều-khiển sự biến-cải của người trong sự tranh-đấu sinh-tồn, giáo-dục có khi đi đến kết-quả trái ngược lại. Nó có thể ngưng-kết sự tiến-hóa của tư-tưởng người và đào-tạo ra những hạng người thuộc nhiều sách vở mà thiếu hẳn óc thực-tiễn. Những người này thường lại là những người nắm vận-mạng của xã-hội trong tay, và sự bất-lực của họ hết sức có hại cho sự sinh-tồn của đoàn-thể.

Thật-sự thì trong tương-lai của một xã-hội tùy-thuộc chế-độ giáo-dục của xã-hội ấy rất nhiều, và đối với những người có ý-thức, giáo-dục là yếu-tố quan-trọng hơn hết cho sự tranh-đấu sinh-tồn và sự tiến-hóa của người.

0
0 0

